



**Chủ nhiệm:** HT. Thích Nguyên Trí  
**Trị sự:** ĐĐ. Thích Huệ Cảnh  
**Thư ký:** ĐĐ. Thích Đồng Thiện  
**Thủ quỹ:** Ni sư Thích Diệu Tánh  
**Chủ bút:** Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

**Trình bày:** Tâm Quang  
**Hình bìa:** Jplenio (Pixabay.com)

**LIÊN LẠC:**

- Bài vở: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:  
**CHANH PHÁP**  
11502 Daniel Ave.  
Garden Grove, CA 92840

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ◆ VƯỜN MÈ XUÂN NÀY, XANH BIẾC MỘT TÌNH YÊU (thơ Mặc Phương Tử), trang 8
- ◆ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ CẢM ƠN TRỜI CẢM ƠN NGƯỜI, CHAY TỊNH (thơ Phan Anh), trang 11
- ◆ HOÀI NIỆM VỀ ÔN TRƯỞNG LÃO NHẬT LIÊN (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 12
- ◆ HOÀI NIỆM MÙA XUÂN (thơ TN. Hạnh Tâm), trang 14
- ◆ TỰ HỮU HÀ LẠC (Sakya Như Bảo), tr. 15
- ◆ BƯỚC ĐẦU TU HỌC, CHUYÊN HUNG HÓA CÁT (thơ Tánh Thiện), trang 17
- ◆ PHÁP BÁT NHỊ, t.t. (Thích Nguyên Hạnh dịch), trang 18
- ◆ THẤY TA TRẮNG KHUYẾT (thơ Kiều Mộng Hà), trang 23
- ◆ THƯ CUNG THỈNH LỄ HIỆP KỶ CHƯ TÔN GIÁO PHẠM LÃNH ĐẠO GHPGVNTN HOA KỲ (Hội Đồng Điều Hành), trang 24
- ◆ THƯ MỜI AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN GHPGTNTNHK (Hội Đồng Điều Hành), trang 25
- ◆ XUÂN TUỆ (thơ Chúc Hiền), trang 26
- ◆ SỰ NHÀ TỔNG SANG HỌC THIÊN NHÀ TRẦN (Nguyễn Giác), trang 27
- ◆ ANH EM BỎ VÀ CHỦ HEO CON (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 30
- ◆ VÀNG BẠC LÀ OÁN TẠC – Câu Chuyện Dưới Cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ TẤT CẢ CHO SỰ HÒA HỢP – Lá Thư Đầu Tuần (Nguyễn Từ Nguyễn Đức Thương), trang 33
- ◆ TỰ XUÂN, GIÁC XƯA (thơ Yên Chi), tr. 34
- ◆ CÁC DANH TẶNG ĐỜI NGUYỄN (Nguyễn Lang), trang 35
- ◆ HẠNH PHÚC TÌM Ở Đâu? (TL Đào Mạnh Xuân), trang 39
- ◆ THÔNG BẠCH SỐ 1 & PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BÁC MỸ LẦN 9 (HT. Thích Đồng Tuyền), trang 41-45
- ◆ HUYỀN THOẠI TÁI SANH CỦA THÁNH TĂNG ZONG (Tâm Huy), trang 48
- ◆ CHÙM THƠ ĐÀU XUÂN (thơ Bạch Xuân Phê), trang 51
- ◆ TRÍ NHỚ MÙ SƯƠNG (Phan Tấn Hải), trang 52
- ◆ STORIES OF THERA POTTHILA (Daw Mya Tin), trang 56
- ◆ NẤU CHAY: HỮU TIỂU NAM VANG (Com Chay Diệu Thảo), trang 57
- ◆ DUYÊN VÀ NỢ (Đào Văn Bình), tr. 58
- ◆ ĐỌC HÀNH (thơ TN Huệ Trân), tr. 60
- ◆ THÔNG BÁO THỰC HIỆN BỘ 2 CỦA "VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI – SỬU KHẢO" (Ban Chủ Trương Văn Học Sửu Khảo), trang 61
- ◆ MÙA XUÂN SON SẮT VĨNH HẰNG (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 62
- ◆ TRUYỆN NGẮN TRÂM LINH TÂM CHỦ (Steven N.), trang 63
- ◆ LỄ LẠC THÀNH NIỆM ẮN ĐƯỜNG VÀ AN VỊ LINH CHÙA BÁT NHẢ (Bình Sa), trang 64
- ◆ TRĂNG, CHUÔNG, CHIM (thơ Chu Vương Miện), trang 65
- ◆ HÃY GIÀ MỘT CÁCH KHÔN NGOAN (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 66
- ◆ HÌNH ẢNH CHỦ TIỂU TRONG "THIÊN THÀN QUÉT LÁ" (TN. Thánh Tân), trang 68
- ◆ CHỈ LÀ HẠT BỤI (Mộc Nhiên), trang 70
- ◆ SÁU GIÁC QUAN TRANH CÔNG (Truyện cổ Phật giáo), trang 72
- ◆ BUÔNG Ở CHỖ NÀY (Tiểu Lục Thần Phong), trang 73
- ◆ XUÂN VẪN CÒN ĐÂY, XUÂN VÀ THƠ (thơ Diệu Viên), trang 75
- ◆ BỤI ĐƯỜNG – chương 11 (Vĩnh Hào), trang 76



Báo Chánh Pháp số 88, tháng 03.2019, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## BÌNH MINH TRONG HOÀNG HÔN

Xe lên đỉnh đèo khi mặt trời từ từ xuống thấp ở biển tây. Mặt trời đỏ ửng và hiện rõ nét hơn trước khi khuất hẳn vào lòng biển rộng. Mây dồn từng lớp ở chân trời xa thăm, che mất vạch thẳng của mặt nước, khép lại vẻ mênh mông của biển sau một ngày dài. Đàn hải âu từ khơi quay về, bay thật nhanh, trong im lặng, rồi đáp xuống đầu đó trên những ghềnh đá dọc bãi biển.

Nền trời vẫn còn phản chiếu nắng nhạt, tạo những vệt vàng, cam, tím chen giữa những đường mây. Sắc màu của thiên nhiên, núi đồi và cỏ cây vẫn còn được nhận ra rõ ràng khi xe xuống đèo, băng qua đồng cỏ bạt ngàn phía đông. Thấp thoáng vài căn nhà gỗ sơn trắng, nổi bật giữa nền cỏ xanh và các tường rào màu nâu sẫm. Những cơn mưa xuân tuần rồi đã thanh tẩy bụi bặm trên lá cây. Hoa dại xác xơ, run rẩy trong tiết lạnh trái mùa. Xa xa, từ lò sưởi của một ngôi nhà nằm sâu dưới thung lũng, khói lam tỏa nhẹ một dải lụa mềm trong không gian bằng lăng ánh chiều.

Chạnh lòng buồn nhớ quê xa.

Nhớ chiều lang thang trên đồi, nhìn mây tím chân trời khi chuông chùa gửi vào phố thị tiếng hải triều ngân vang.

Nhớ chiều thôn dã, tiếng cười trong trẻo vô tư của những thôn nữ từ ruộng đồng kéo về hòa trong tiếng lá lao xao rừng bạch đàn.

Nhớ chiều phố thị, băng quơ chân bước lữ hành. Tiếng người huyền ảo, tiếng máy xe inh ỏi và khói xăng mù mịt như thúc giục chốn về bình an.

Có những con thuyền xa khơi, khuất bóng nơi góc bể chân mây.

Có những người ra đi, heo hút đường chân trời.

Và nỗi buồn, như thế lúc nào cũng chực sẵn, sa xuống mỗi chiều. Man mác như sương nhẹ buông. Niềm thương cũng tỏa ra. Bằng bạc những phương trời.

Hoàng hôn. Rồi lại bình minh. Rồi lại một chiều vạt nắng kéo về phương tây. Chim bay mỗi cánh không đuổi kịp mặt trời. Góc trời sẫm tím như hồi hải chìm sâu về phía trước. Có khi như rượt đuổi từ phía sau. Chân người quỳnh quang quàng xiên khi bóng đêm chùng xuống.

Đêm. Nghĩa gì đâu! Chỉ là khi mặt trời bị che khuất.

Trùng mắt ngó vào đêm sâu. Tìm kiếm chi giữa u minh mịt mù.

Đêm và ngày. Tối và sáng. Vô minh và minh.

Đêm có vẻ là khởi điểm cho những lệch lạc, sai lầm, u mê; và ngày có vẻ là khởi điểm cho sự bừng sáng của trí tuệ giác ngộ.

Kỳ thực, có một khoảng (thời gian và không gian) chuyển tiếp cho đêm và ngày—bình minh, cũng như có một khoảng chuyển tiếp giữa ngày và đêm—hoàng hôn. Chia chẻ khoảng chuyển tiếp ấy ra mạnh mún, sẽ không thấy đâu là điểm cuối cùng, cũng không thấy đâu là chỗ khởi điểm, khởi phát. Ngay nơi cái khoảnh thời gian và không gian nhỏ nhiệm nhất, đêm cũng chính là ngày, ngày cũng chính là đêm. Không phải là hai cái riêng biệt. Không có gì để có thể gọi được tên riêng là đêm hay là ngày. Đêm không làm nhân hay làm duyên để sinh ra ngày; ngày cũng không làm nhân hay làm duyên để sinh ra đêm.

Vô minh và giác ngộ cũng thế. Thực sự không có vô minh, cũng như không có giác ngộ. Không có vô minh khởi sinh rồi vô minh bị tận diệt (1); cũng không có giác ngộ nào phát sinh hay chứng đắc khi vô minh đoạn tận (2). Vô minh đã không có thì nó không thể làm nhân hay làm duyên cho bất cứ thứ gì khác (3).

Nghiệm từ lý thuyết thì là như thế. Nhưng trên thực tế, có một hoàng hôn buông xuống phía tây và một bình minh vén lên từ phía đông, là khoảng nối kết giữa ngày và đêm, giữa đêm và ngày. Khoảng nối kết ấy, do ước lệ tri thức và kinh nghiệm của con người, là có thực. Có nghĩa rằng có sự khởi đầu và kết thúc của một chuỗi thời gian (đo đạc bằng không gian). Và vì nó có thực, có khởi sinh và tận diệt, nên đêm và ngày cũng có thực.

Vô minh cũng có thực trong nhiều kiếp luân hồi lưu chuyển khi chúng ta khởi ý niệm phân biệt ban đầu, chia chẻ những cặp đối đãi, từ đó vẽ ra đêm, ngày, hoàng hôn, bình minh, con người, cuộc đời, và trùng trùng vô tận thế giới.

Mặt trời đã khuất hẳn trong lòng biển lớn. Ráng hồng băng qua trời tịch lặng.  
Xe đi trong đêm theo ánh đèn dẫn trước. Đường còn dài, chong mắt canh thâu.  
Nỗi buồn mệnh mang lúc hoàng hôn bất chợt tan biến như chưa từng hiện hữu.

- 1) "*Vô vô minh, diệt vô vô minh tận*" (không có vô minh, cũng không có sự hết vô minh), Bát Nhã Tâm Kinh.
- 2) "*Vô trí diệt vô đắc*" (không có trí giác ngộ, cũng chẳng có sự chứng đắc), Bát Nhã Tâm Kinh.
- 3) Theo giáo lý Phật, vô minh là chi đầu tiên trong Thập nhị nhân duyên; từ vô minh, tác động lên hành (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc...) mà kết nên đời sống này trong chuỗi nhiều đời sống của vòng luân hồi, sinh tử. Thập nhị nhân duyên gồm: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.





# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

## DIỆU ÂM lược dịch

### HÀN QUỐC: Phật phái Tào Khê lên kế hoạch cho nhiều dự án liên Triều

Ngày 16-1-2019, Hòa thượng Wonhaeng, người đứng đầu tông phái Tào Khê Nam Hàn, đã công bố kế hoạch khởi động các dự án liên Triều khác nhau với đối tác Bắc Hàn trong năm nay.

Hòa thượng nhấn mạnh rằng năm mới sẽ mở rộng tầm nhìn cho các cuộc giao lưu giữa Phật giáo liên Triều.

Ông nói các cuộc thảo luận sẽ được thực hiện với các cơ quan chính phủ liên quan đến kế hoạch triển khai dịch vụ 'ở lại chùa' tại chùa Singye trên núi Geumgang của Bắc Hàn.

Ông cũng cho biết sẽ chuẩn bị cho các dự án khác bao gồm việc phá các tầng sĩ đến Bắc Hàn và xây dựng các cơ sở Phật giáo.

Vào tháng 2, tông phái Tào Khê Nam Hàn có kế hoạch tổ chức buổi lễ Năm Mới chung với Liên đoàn Phật giáo Chosun của Bắc Hàn trên núi Geumgang và sẽ thảo luận về nhiều dự án giao lưu liên Triều.

(Yonhap - January 16, 2019)

### TÍCH LAN: Nội các tuyên bố Tam Tạng kinh điển là Di sản Thế giới

Ngày 14-1-2019, Nội các Tích Lan đã phê chuẩn một đề nghị của Tổng thống Maithripala Sirisena để tuyên bố Tam Tạng kinh điển Phật giáo là Di sản Thế giới, sau khi bộ kinh này gần đây đã được tuyên bố là Di sản Quốc gia.

Đề nghị do các bộ trưởng phê duyệt nói trên sẽ sớm được trình lên để Quốc hội chấp thuận.

Đồng thời, một cuộc họp riêng đã được tổ chức tại phòng Ban thư ký của Tổng thống, nơi các nhà ngoại giao nghe thông báo về những nỗ lực để tuyên bố Tam Tạng kinh là Di sản Thế giới của Tổng thống Sirisena. Trong số những người tham dự buổi họp còn có các nhà ngoại giao từ 14 quốc gia theo Phật giáo Nguyên thủy.

Các nhà ngoại giao hứa rằng sẽ ủng hộ hoàn toàn những nỗ lực tuyên bố kinh Tam Tạng là Di sản Thế giới.

(news.lk - January 15, 2019)

tại một ngôi chùa ở tỉnh Narathiwat - tỉnh có đa số dân là người Hồi giáo Mã Lai.

Cảnh sát quận Su-ngai Padi nói, "Chúng tôi tin rằng có ít nhất 6 kẻ tấn công đã tham gia vào vụ nổ súng này và chúng đã trốn thoát".

Các nạn nhân, một vị trụ trì và một phó trụ trì, đã bị giết bên trong chùa Rattanaupap vào tối 18-1. Hai người bị thương đang được điều trị tại một bệnh viện gần đó.

Một cuộc nổi dậy của phe ly khai đã lan khắp miền nam Thái Lan trong hơn 15 năm. Các nhân vật tôn giáo, cả Phật giáo và Hồi giáo, cũng như các quan chức nhà nước thường là mục tiêu của các cuộc tấn công.

(thestar.com.my - January 19, 2019)



Cảnh sát điều tra tại chùa Rattanaupap sau vụ tấn công của các tay súng khiến 2 nhà sư thiệt mạng—Photo: AFP-JIJI

### ẤN ĐỘ: 432 người Ấn giáo tại thành phố Surat của bang Gujarat cải đạo sang Phật giáo

Lần đầu tiên tại thành phố Surat của bang Gujarat, 432 người Ấn giáo đã theo Phật giáo.

Các lễ cầu nguyện đã được tiến hành trong buổi cải đạo nói trên. Đây là động thái



Tam Tạng kinh điển của Tích Lan—Photo: news.lk

### THÁI LAN: Hai tu sĩ Phật giáo bị bắn chết tại tỉnh Narathiwat ở miền nam Thái Lan

Narathiwat, Thái Lan - Ngày 18-1-2019, các tay súng vô danh đã bắn chết 2 nhà sư và làm hai sư khác bị thương



Chùa Singye trên núi Geumgang, Bắc Hàn  
Photo: JOONGANG ILBO

điển ra sau khi những người này phải đối mặt với sự thiếu tôn trọng và sự đàn áp trong Ấn giáo. Họ đã nộp đơn xin thay đổi tôn giáo của mình 5 năm trước tại Văn phòng Tuyển chọn nhưng quá trình này đã bị trì hoãn. Tuy nhiên, họ đã cải đạo thành công sang Phật giáo sau khi nhận được mọi sự chấp thuận.

Nhà tổ chức cho biết, "Hôm nay, 432 người đã thay đổi tôn giáo của họ từ Ấn giáo. Lý do theo đạo Phật là vì chúng tôi đã nhận được sự tôn trọng trong vùng người Ấn giáo. Phật giáo là một tôn giáo khoa học, và là một tôn giáo nơi mọi người đều được tôn trọng, vì vậy đó là lý do tại sao chúng tôi theo đạo này".

(ANI - January 20, 2019)



*Nhà tổ chức cho biết 432 người đã cải đạo từ Ấn giáo sang Phật giáo—Photo: ANI*

**ĐÀI LOAN: Bảo tàng Các tôn giáo Thế giới trưng bày bức phù điêu 'Sự đàn sinh của Đức Phật Cồ Đàm'**

Tại Viện Bảo tàng Các tôn giáo Thế giới ở Đài Bắc, một số khách tham quan có thể đủ điều kiện để nhận quà tặng Tết Nguyên đán đặc biệt nếu họ đến xem bức phù điêu 'Sự đàn sinh của Đức Phật Cồ Đàm', sau khi Viện ra mắt sự kiện kéo dài một-tháng này vào ngày 19-1-2019.

Phù điêu 'Sự đàn sinh của Đức Phật Cồ Đàm' được chạm khắc từ phiến đá xanh vào thế kỷ thứ 3, chứa nhiều yếu tố thuật sự và là một trong số những tác phẩm quan trọng nhất của Bảo tàng.

Khách tham quan có tên

chứa một ký tự hợp vần với Trư (Zhu: lợn) sẽ có thể tham gia xổ số cho một món quà đánh dấu năm con lợn Kỷ Hợi.

Bảo tàng sẽ rút thăm 10 tên mỗi ngày cho đến ngày 19-2. Những người trúng thưởng sẽ nhận một con dấu - được cung cấp hạn chế - có hình con phong sự, một con thú thần thoại thường xuất hiện trong hội họa và hàng thủ công của Hạt Kinmen.

(Taipei Times - January 21, 2019)



*Bức phù điêu 'Sự đàn sinh của Đức Phật Cồ Đàm'*  
Photo: The Museum of World Religions

**NEPAL: Đội khảo cổ học bắt đầu công tác khai quật nơi Đức Phật đã trải qua 29 năm cuộc đời**

Một đội gồm 10 nhà khảo cổ học từ Anh và Úc, cùng với 20 chuyên gia và 15 sinh viên Nepal thuộc ngành này đã bắt đầu cuộc khai quật tại làng Tilaurakot ( huyện Kapilvastu, Lâm Tì Ni), với mục tiêu là đưa Tilaurakot vào danh sách Di sản Thế giới. Tilaurakot là một thành phố cổ Shakyan của Kapilvastu, nơi Tất Đạt Đa Cồ Đàm đã trải qua 29 năm cuộc đời của Ngài.

Công tác khai quật đã được thực hiện tại 3 nơi khác nhau của Tilaurakot và các nhà khảo cổ nói họ sẽ hoàn thành việc này vào ngày 28-1-2019.

Họ cho biết sẽ thực hiện một cuộc khảo sát địa lý - địa hình, chụp ảnh bằng máy bay không người lái, đi bộ trên thực địa, kinh tế xã hội và khảo sát du khách trong quá trình khai quật. "Việc khai

quật này sẽ làm sáng tỏ tầm quan trọng văn hóa của Tilaurakot. Thành phố cổ (Tilaurakot) sẽ sớm được liệt kê trong danh sách Di sản Thế giới," nhà khảo cổ học cao cấp Prasad Acharya nói.

(tipitaka.net - January 23, 2019)



*Khai quật Tilaurakot, nơi Đức Phật đã trải qua 29 năm cuộc đời (Nepal)*  
Photo: Tipitaka Network

**ẤN ĐỘ: Dzogchen Rinpoche Jigme Losel Wangpo được chọn làm trưởng phái thứ 8 của Phật phái Tây Tạng Nyingma**

Dzogchen Rinpoche Jigme Losel Wangpo đã được chọn làm trưởng phái thứ 8 của Nyingma, trưởng phái lâu đời nhất của Phật giáo Tây Tạng .

Ông đã được bổ nhiệm vào vị trí này vào ngày 15-1-2019 bởi các sư trưởng của các tu viện chính thuộc truyền thống Nyingma, trong đại lễ cầu nguyện lần thứ 30 của Nyingma tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ.

Dzogchen Rinpoche Jigme Losel Wangpo sinh tại Sikkim vào năm 1964.

Ngoài việc nhận được sự dạy dỗ cá nhân từ Đức Đạt Lai Lạt ma , Dzogchen Rinpoche còn theo học nhiều bậc thầy cao đạo, tất cả các vị này đều đã giữ vị trí người đứng đầu trưởng phái Nyingma.

(Buddhistdoor Global - January 22, 2019)



*Dzogchen Rinpoche Jigme Losel Wangpo—Photo: tibetanreview.net*



## HOA KỲ: Các tượng Phật tại ngôi chùa Tàu ở Flushing bị phá hoại

New York, Hoa Kỳ - Cảnh sát đang tìm kiếm nghi phạm không xác định, bị truy nã vì đã gây hư hại cho các tượng Phật tại một ngôi chùa Phật giáo Trung Hoa ở khu phố Flushing, thành phố New York.

Vụ việc xảy ra bên trong ngôi chùa nói trên vào lúc 11:10 a.m. ngày 16-1-2019.

Kẻ phá hoại này đã bước vào chùa và ném một mảng bê tông lớn vào các tượng Phật, gây hư hại.

Vào ngày 19-1, Sở Cảnh sát New York đã phát đoạn phim video về nghi phạm bị truy nã liên quan đến vụ phá hoại này. Đó là một người đàn ông châu Á cao 5 feet 6 inches, người tầm thước, nặng 155 pounds và khoảng 30 tuổi. Lần cuối được nhìn thấy, kẻ này mặc áo len có mũ trùm đầu màu xám, quần jeans denim màu xanh và mang đôi ủng công nhân xây dựng màu nâu.

(bignewsnetwork.com - January 22, 2019)

*Kẻ bị tình nghi phá hoại các tượng Phật tại chùa Tàu ở Flushing, New York  
Photo: NYPD*



## TRUNG QUỐC: 174 con cáo được giải cứu và đưa về nuôi tại Khu Bảo tồn Phật giáo Cát Lâm

174 con cáo được giải cứu từ một trang trại lông thú đã được đưa về nuôi tại Khu Bảo tồn Phật giáo Cát Lâm ở thị trấn Mẫu Đơn Giang (tỉnh Hắc Long Giang), nơi sẽ hoạt động như ngôi nhà tạm thời cho đến khi một chuồng trại thích hợp cho chúng được xây dựng.

Những con cáo trắng này đã được giải cứu bởi nhà hoạt động vì động vật BoHe, người điều hành một nơi trú ngụ cứu hộ tại

Mẫu Đơn Giang cho hơn 2,700 con chó - nhiều con trong số này được cứu khỏi nạn buôn bán thịt chó.

Cô cũng đã được sự ủng hộ của hàng chục tình nguyện viên tận tụy, bao gồm Karen Gifford, một người cứu hộ động vật.

Gifford cho biết họ đã cứu được những con cáo này sau khi biết rằng nông dân đang đóng cửa việc kinh doanh lông thú vì thiếu lợi nhuận. Thay vì tặng lũ cáo cho khu bảo tồn, nông dân đã lột da cáo còn sống và lấy thịt của chúng cho những con cáo khác ăn.

Được nuôi trong nhà trước khi bị giết khi chúng còn non tuổi, lũ cáo không bao giờ hoang dã được nên không thể thả chúng vào nơi hoang dã. Thay vì thế, những con cáo này sẽ sống sót trong khu bảo tồn, được bao quanh bởi thiên nhiên và chăm sóc.

(LIVEKINDLY - January 24, 2019)



*Những con cáo được giải cứu và đưa về nuôi tại Khu Bảo tồn Phật giáo Cát Lâm, Trung Quốc—Photos: LIVEKINDLY*

## HÀN QUỐC: Hòa thượng Jiheo nói về cuộc sống với trà

Là người đã dành cuộc đời mình để trồng cây trà xanh, Hòa thượng Jiheo, 77 tuổi, nói rằng bản chất của văn hóa Phật giáo nằm trong trà.

"Một cuốn sách cổ nổi tiếng ca ngợi trà xanh nói rằng nếu ai uống 7 tách trà, người đó có thể thành Phật. Với mỗi tách trà, cơn khát, sự cô đơn và phiền não của con người dần dần biến mất. Khi một người uống đến tách thứ 7, người đó có thể cảm nhận làn gió nhẹ thổi vào dưới

cánh tay không có một chút gió nào," hòa thượng nói.

Hòa thượng Jiheo bắt đầu cuộc đời tu sĩ của mình tại chùa Seonam và đã trồng và làm trà tại đó trong 25 năm. Khi 50 tuổi, ông đến ngôi chùa Geumdun bỏ hoang và trùng tu chùa này từ năm 1990 đến nay. Sống một mình tại chùa Geumdun, ông "lập trang trại" cho khoảng 6,600 m<sup>2</sup> cây trà hoang dã, trong số đó có những cây đến 700 năm tuổi, và trồng cây trà con trên 33,000 m<sup>2</sup> đất trên sườn đồi gần đó để bảo tồn giống cây trà xanh Hàn Quốc.

Hòa thượng Jiheo cho biết: Khác với trà Tàu hoặc Nhật, trà hoang dã Hàn Quốc được thu hoạch theo cách truyền thống thủ công và được sao từ 9 đến 10 lần.

(koreatimes.co.kr - January 28, 2019)



*Hòa thượng Jiheo pha trà xanh do chính ông trồng và sao  
Photos: Choi Won-suk*

## NHẬT BẢN: Các bức bích họa Phật giáo thế kỷ thứ 7 tại Nara sẽ được trưng bày trước công chúng

Ikaruga, Tỉnh Nara - 12 bức họa Phật giáo cổ xưa nhất của Nhật Bản tại ngôi chùa Di sản Thế giới Horyuji sẽ được trưng bày cho công chúng trong tương lai gần, là lần triển lãm thứ hai kể từ khi những tranh này bị hư hỏng trong một trận hỏa hoạn

cách đây khoảng 70 năm.

Tại cuộc họp của ủy ban bảo tồn và sử dụng các tác phẩm vào ngày 27-1-2019, Sư trưởng Genmyo Ono của chùa Horyuji đã công bố kế hoạch triển lãm 12 bức tranh có từ thế kỷ thứ 7 nói trên.

Được xem là những kiệt tác, các bức bích họa này đã được chính phủ chỉ định là một tài sản văn hóa quan trọng. Chúng được lưu giữ tại nhà kho bằng bê tông cốt thép (hoàn thành vào năm 1952) của chùa Horyuji.

Sư trưởng Ono quyết định trưng bày các bích họa sau khi chẩn đoán địa chấn gần đây cho thấy nhà kho vẫn có khả năng chịu được một trận động đất mạnh trong nhiều thập kỷ tới.

Mặc dù nguyên thủy được minh họa bằng màu sắc phong phú, những tranh này đã bị mất màu do đám cháy tại chùa vào tháng 1-1949 làm hồng.

(NewsNow - February 2, 2019)



↑ Các bức bích họa thế kỷ thứ 7 sẽ được trưng bày tại chùa Horyuji (Nhật Bản)  
Photos: Asahi Shimbun



### HÀN QUỐC: Nhà sư mang hoa giấy hanji đến với cuộc sống

Trong hơn 30 năm, sư trưởng của 2 chùa Songdeok và Baekin tại tỉnh Gyeonggi là Hòa thượng Sukyong đã tham gia vào truyền thống làm "jihwa" - hoa làm từ giấy cây dâu (hanji) truyền thống của Cao Ly.

Ông có kỹ năng làm hoa giấy trang trí cho Yeongsanjae (lễ Linh Thụ Sơn), là Phật lễ được chỉ định là Tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng số 50, và cũng được ghi vào Danh sách đại diện của UNESCO về Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào năm 2009.

Hòa thượng Sukyong là một trong số ít những nghệ nhân có thể làm hoa giấy truyền thống. Ông có thể tái tạo hơn 17 loại hoa giấy vốn thường xuất hiện trong các bức tranh Phật giáo.

Hoa giấy (jihwa) thường được tạo ra dưới dạng hoa mẫu đơn, hoa cúc và hoa sen.

Hòa thượng Sukyong đã quảng bá truyền thống làm hoa giấy này cả trong và ngoài nước thông qua các cuộc triển lãm và các ấn phẩm.

(The Korea Times - February 3, 2019)



Hòa thượng Sukyong làm hoa giấy (jihwa)  
Photos: Choi Won-suk



## VƯỜN MẸ XUÂN NÀY

*Đã mấy xuân rồi chim bặt gió  
Theo ngàn mây nổi hát mông mênh  
Giờ đây chim lại bên vườn cũ  
Lối nhỏ hôm nào hoa thắm không tên.*

*Chim trở về, chim cất tiếng ca  
Cho vườn xuân sáng những cành hoa  
Những cành hoa nở hương quê mẹ  
Thơm ngát tình thơ, đẹp nước nhà.*

*Chim trở về đây để biết bao  
Con tim thổn thức gọi xuân xao  
Lắng nghe tình tự lời non nước  
Cho nát từng cơn lệ nóng trào.*

*Vườn mẹ hôm nào cây trụ lá  
Hoa tàn, cỏ dại ngậm đường hoang!  
Mà nay vườn mẹ ngày xưa ấy...  
Hoa lá xuân xao rộn nắng vàng.*

*Nghe tình thơ đất hội sinh lại  
Cho đẹp vườn đời nắng mỏng manh  
Cành lộc còn vương sương trầu mộng  
Ôi mùa xuân, đất mẹ thêm xanh!*

## XANH BIẾC MỘT TÌNH YÊU

*Uống ly cà phê bên chợ Bù Đăng  
Chợt thoảng chút hương rừng dĩ vãng  
Ta gặp nhau từ những mảnh đời phiêu bạt  
Hương xuân còn đọng cuối mùa trắng.*

*Tâm sự mười năm, hai mươi năm  
Cân hạt bụi thời gian  
Mơ thuở Lý Ngự hành trình vọng nguyệt  
Nhen chút lửa cho ấm lòng sương tuyết  
Cây chuyển mạch đời xanh tiết xuân sang.*

*Giọt nắng chiều cũng đủ ấm buổi hoàng hôn  
Nghe nhạc tình xưa tìm về sâu lắng  
Chiếc áo cũ chờ bao mùa mưa nắng  
Và chờ theo hương vị của tâm hồn.*

*Bè bạn gặp nhau ngồi lại trong chiều  
Thai nghén câu thơ cho đời thêm hương sắc  
Bên phố chợ nghiêng chiều hương man mác  
Trong mỗi cái nhìn xanh biếc một tình yêu.*



*thơ* MẶC PHƯƠNG TỬ



# NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

*HT. Thích Thắng Hoan*

*(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)*

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

*(tiếp theo)*

## **28.- PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT**

Nhân hạnh quả đức Bồ Tát Phổ Hiền đã thành viên mãn ở ngôi vị Diệu Giác và xứng hợp với danh nghĩa là Phổ Hiền. Đứng về nhân hạnh của ngôi vị Đẳng Giác, Bồ Tát đã thành tựu khắp pháp giới nên gọi là PHỔ và Bồ Tát gần hoàn thành quả Phật nên gọi là HIỀN; còn đứng về nhân hạnh quả đức của ngôi vị Diệu Giác, Bồ Tát đã thành tựu hạnh nguyện độ tha cứu vớt muôn loài chúng sanh nên gọi là HIỀN.

Bồ Tát Phổ Hiền có bốn việc thành tựu (tức tất đàn):

*a/ Thế Giới Tất Đàn:* nghĩa là Bồ Tát thành tựu hạnh nguyện khiến cho tất cả chúng sanh khắp thế giới mỗi khi thấy được thân tướng của Bồ Tát liền sanh tâm hoan hỷ.

*b/ Vi Nhon Tất Đàn:* nghĩa là Bồ Tát thành tựu hạnh nguyện chứng đắc tri kiến của Phật qua sự Tinh Tấn Ba La Mật.

*c/ Đối Trị Tất Đàn:* nghĩa là Bồ Tát thành tựu hạnh nguyện đối trị tất cả phiền não của muôn loài chúng sanh để cứu độ mà không một ai phá hoại được.

*d/ Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn:* nghĩa là Bồ Tát thành tựu đầy đủ công hạnh của Đạo Đệ Nhất Nghĩa nơi bậc Diệu Giác khắp pháp giới.

Một vị được gọi là Bồ Tát phải trải qua 52 ngôi vị tu tập và đạt đạo gọi là Bồ Tát Giai Vị. 52 ngôi vị tu tập của Bồ Tát gồm có bảy bậc: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hưởng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. Ý nghĩa từ Thập Tín đến Thập Trụ đã được giải thích ở phần Phụ Bản trong Bát Thức Quy Củ Tụng, trang 108 về Quá Trình Tu Tập Của Bồ Tát của Thích Thắng Hoan dịch.

Riêng bậc Bồ Tát Đẳng giác, còn gọi là Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ, Bồ Tát Kim Cương Tâm, Bồ Tát Hữu Thượng Sĩ, Bồ Tát Vô Cấu Địa, nghĩa là một vị Bồ Tát đã đạt đến ngôi vị Giác Ngộ



Bình Đẳng Nhất Như nên gọi là Đẳng Giác. Giác Ngộ Bình Đẳng Nhất Như theo Tam Tạng Pháp Số quyển 4 nghĩa là giác ngộ chân như các pháp đều bình đẳng không hai nên gọi là Đẳng Giác và cũng gọi là Chánh Đẳng Giác. Theo Tứ Giáo Nghi quyển 4, ngôi vị Đẳng Giác thì thấp hơn ngôi vị Diệu Giác, nhưng cao hơn ngôi vị



Pháp Vân Địa của Thập Địa Bồ Tát. Theo Tông Thiên Thai, Thập Tín thì thuộc về Ngoại Phàm Tam Hiền, còn Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng thì thuộc về Nội Phàm Tam Hiền. Riêng Thập Địa và Đẳng giác thì thuộc về nhân của ngôi vị Phật, còn Diệu Giác thì thuộc về quả của ngôi vị Phật.

Điều đặc biệt, ngôi vị Diệu Giác cũng tức là bậc Vô Thượng Chánh Giác của quả Phật, nhưng bậc Diệu Giác này mặc dù ở ngôi vị vị Phật Quả nhưng chưa tròn đầy Giác Thể của công hạnh tự giác và giác tha nên chỉ gọi là Vô Thượng Chánh Giác, còn các đức Phật khi ở trong Diệu Giác đã tròn đầy Giác Thể của công hạnh tự giác giác tha không thể nghĩ bàn nên gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Phổ Hiền là một vị Bồ Tát hiện đang ở ngôi vị Diệu Giác thuộc về quả vị Phật và ngài cũng được gọi là bậc Vô Thượng Chánh Giác, nhưng về phần Giác Thể của tự giác và giác tha chưa đầy tròn đầy, cho nên ngài chưa có thể thành Phật và chưa được gọi là bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong Hội Pháp Hoa, đức Phật giới thiệu nhân vật sau cùng là một vị Bồ Tát "Nhập Phật Tri Kiến" cao nhất ở ngôi vị Diệu Giác đã từng thọ trì Kinh Pháp Hoa. Yếu chỉ trong Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát không bàn sâu về nhân hạnh quả đức của ngài Phổ Hiền mà ở đây chỉ bàn vấn đề sự hiện diện của ngài trong Hội Pháp Hoa. Sự hiện diện của ngài Phổ Hiền trong Hội Pháp Hoa có hai lý do:

Lý do thứ nhất, ngài phát nguyện gia hộ cho những người sau này thọ trì Kinh Pháp Hoa với mục đích tiếp tục thực hiện công hạnh tự giác giác tha để Giác Thể sớm được tròn đầy ở

ngôi vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của quả Phật. Lý do thứ hai sự góp mặt của ngài để nói lên những người thọ trì Kinh Pháp Hoa không những được các vị Bồ Tát cho đến các vị Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Thần v.v... đều gia hộ và còn được các Bồ Tát thượng đẳng sắp thành Phật như ngài Phổ Hiền cũng đồng tâm hộ trì. Nhằm đặt trọn niềm tin đó cho sự an tâm tu hành của chúng sanh ở 500 năm sau thọ trì Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Phổ Hiền liền bạch Phật: "Sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mới có thể chứng được Kinh Pháp Hoa?"

Đức Phật bảo: "Người nào thành tựu được bốn pháp sẽ chứng được kinh này:

- \* Một là được chư Phật hộ niệm.
- \* Hai là trồng nhiều công đức.
- \* Ba là vào trong chánh định.
- \* Bốn là phát tâm cứu tất cả chúng sanh."

Tiếp theo Bồ Tát Phổ Hiền phát nguyện với Phật là 500 năm sau ở trong đời ác trược, ngài thường xuyên gia hộ những người thọ trì Kinh Pháp Hoa này sớm được thành tựu và cũng khuyên mọi người sau này nên giữ vững niềm tin trong việc tinh tấn hành trì Kinh Pháp Hoa vì có ngài hiện thân để gia hộ, đồng thời Bồ Tát còn trao truyền Chú Đà La Ni cho những người thọ trì Kinh Pháp Hoa để họ gieo duyên trực tiếp với ngài.

Tóm lại vì một đại sự nhân duyên, đức Phật mới ra đời để khai mở, để chỉ bày, để giác ngộ và để chứng nhập tri kiến của Phật. Nhằm mục đích sớm hoàn thành đại sự nhân duyên ở trên, đức Phật liền mở hội giảng Kinh Pháp Hoa. Toàn bộ Kinh Pháp Hoa gồm có 28 Phẩm và nội dung 28 Phẩm, đức Phật trình bày Khai Phật Tri Kiến, Thị Phật Tri Kiến, Ngộ Phật Tri Kiến và Nhập Phật Tri Kiến. Trong 28 Phẩm, 10 Phẩm đầu, đức Phật Khai Phật Tri Kiến và trong 10 Phẩm đầu, Phẩm 1 (Phẩm Tựa) thì thuộc về phẩm Khai Pháp, tức là hiện bày tổng quát sự tướng của pháp giới. Từ Phẩm 2 đến Phẩm 7 thì thuộc về phẩm Khai Dụ và từ Phẩm 8 đến Phẩm 10 thì thuộc về phẩm Khai Nhân Duyên. Riêng Phẩm 11, đức Phật trình bày Thị Phật Tri Kiến. Từ Phẩm 12 đến Phẩm 22, đức Phật trình bày Ngộ Phật Tri Kiến. Từ Phẩm 23 đến Phẩm 28, đức Phật trình bày Nhập Phật Tri Kiến. Riêng phần Nhập Phật Tri Kiến, ba Phẩm đầu, từ Phẩm 23 đến Phẩm 25 thì nói lên ý nghĩa do hành trì tu tập làm nhân mà khắc phục được tất cả chướng duyên để đi đến kết quả là phát sanh được Bản Thân Như Ý. Ba Phẩm sau từ Phẩm 26 đến Phẩm 28 thì nói lên ý nghĩa nhờ công phu gia trì, quả Phật nhất định sẽ chứng đắc. Có thể nói Phần Nhập Phật Tri Kiến nếu đã được thành tựu thì "Đại Sự Nhân Duyên" của Phật ra đời kể như viên mãn và cũng từ đó mới có danh nghĩa "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh."

(còn tiếp)



## CẢM ƠN TRỜI, CẢM ƠN NGƯỜI

*Một cõi trời Xuân, rộng thàng ngày.  
Tâm an thiên định, lòng như mây.  
Sớm mai tỉnh thức, chân còn vững.  
Năm mới thêm ngày, sương đã thay!*

*Cám ơn Trời-đất, ban lành, may.  
Xuân tưu chưa dùng, dạ ngát ngày.  
Tài lộc, lợi danh; sương khói nhả.  
Thiên môn lam tỏa, ngát hương bay!*

## CHAY TỊNH

*Lão giả an chi, chẳng vấn vương  
Dư, thừa, thiếu, đủ; vốn vô thường.  
Lao xao mặc gió, ngoài hiên thất.  
Chay tịnh màng chi, ngũ vị hương (1)!*

*Lão giả màng chi, mỹ vị lương (2)!  
Sân si, đắm dục; chôn đời thường.  
Thuyền tâm tìm bến, gieo an lạc  
Bờ giác chân vui, chôn Phật đường!*

- 
- (1) Ngũ vị hương - 5 vị căn bản trong ẩm thực gồm: mặn, ngọt, chua, cay và đắng.  
(2) Mỹ vị lương: Cao lương mỹ vị.



thơ PHAN ANH

# Hoài Niệm Về Ôn Trưởng lão NHẬT LIÊN

Hậu sanh TÍN NGHĨA kính bút

TƯƠNG NIỆM

**T**ín Nghĩa tui vào đầu sư học đạo, bốn sư là ngài Viện chủ Trúc Lâm tức Trưởng lão Hòa thượng Thích Mật Hiển, không sớm nhưng cũng không muộn. Tính đến nay cũng trên năm mươi năm hơn.

Ngôi Tổ Đình Tây Thiên Di Đà Tự và Ngôi Tổ Đình Trúc Lâm Đại Thánh đều do nhà Nguyễn sắc phong. Tuy thế, Tây Thiên là vai cha và Trúc Lâm là vai con. Tây Thiên do Tổ Tâm Tịnh khai sơn, Trúc Lâm do Tổ Giác Tiên, (đệ tử của Tổ Tâm Tịnh) khai sơn.

Tổ Tâm Tịnh có Chín vị đệ tử lớn gọi là Tây Thiên Bắc học Thập đức Cửu Giác, đó là:

- 1.- Ngài Giác Tiên, Tổ khai sơn Trúc Lâm,
- 2.- Ngài Giác Nguyên, Tọa chủ Tổ Đình Tây Thiên Di Đà tự, thượng thọ 106 tuổi,
- 3.- Ngài Giác Nhiên, Tọa chủ Tổ Đình Thuyền Tôn do Tổ Liễu Quán Khai sơn và là Đức Đệ nhị Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thượng thọ 102 tuổi,
- 4.- Ngài Giác Viên, Khai sơn chùa Hồng Khê,
- 5.- Ngài Giác Bồn, Tọa chủ chùa Từ Quang,
- 6.- Ngài Giác Ngạn, Khai sơn chùa Kim Đài ở huyện Nam Hòa,
- 7.- Ngài Giác Hạnh, Tọa chủ Tổ Đình Vạn Phước, thượng thọ 101 tuổi,
- 8.- Ngài Giác Hải, Tọa chủ chùa Giác Lâm,
- 9.- Ngài Giác Thanh, tức Trưởng lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Pháp danh Trừng Nguyên, Đức Đệ Tam Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tọa chủ Linh Mục quốc tự, thượng thọ 88 tuổi; và cũng là đệ



tử cuối cùng của Tổ Tâm Tịnh nên Ngài có Pháp tự là Đôn Hậu mà không có chữ Chí như các sư huynh.

Hầu hết quý ngài vai anh đều có Pháp danh bằng chữ Trừng và Pháp tự bằng chữ Chí mà chúng tôi được biết rõ ràng như là: Tổ Giác Tiên Pháp tự Chí Thông, ngài Giác Nhiên pháp hiệu là Chí Tâm, ... Riêng ngài Giác Hạnh được ấn chứng Pháp hiệu là Giác, nhưng Pháp danh bằng chữ Tâm.

(\*) Ngoài ra trong phổ hệ Tổ đình Tây Thiên còn có ngài Giác Thế nữa. Ngài này chúng tôi được biết đến khi Hòa thượng Trưởng lão Thích Lưu Hòa, đương kim Trụ trì Tổ Đình Trúc Lâm và là Trưởng môn phái Tây Thiên Di Đà tự cung cấp cho chúng tôi thời gian gần đây. Chúng

tôi cũng cập nhật để những vị sinh quán ở đất Thần kinh nói riêng và miền Trung nói chung mà là con cháu Tổ Liễu Quán và gần nhất là cùng phát xuất từ Tổ đình Tây Thiên Di Đà tự, con cháu của Tổ Tâm Tịnh đều được rõ biết.

## Sự hiểu biết của chúng tôi đối với bậc Danh Tăng thập đức

Theo sử sách thì: **Ngài thế danh là Diệp Quang Tiên, Pháp danh Tâm Khai, tự Thiện Giác (Đồng sư với Hòa thượng Thiện Châu ở bên Pháp), hiệu Trí Ấn Nhật Liên.**

Nguyên quán làng Xuân An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; là cháu gọi Ôn Linh Mục bằng chú ruột. Đầu sư học Phật với Ôn Trưởng lão Giác Nguyên, đương kim tọa chủ Tây Thiên Di Đà tự ở Dương Xuân Sơn, xã Thủy Xuân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên.

## Thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tôn, đời thứ 43.

Sau khi ngài vào hoằng hóa ở miền nam



thì ngài đã làm Tọa chủ chùa Long Thọ cho đến ngày ngài quấy gót quy tây.

Mặc dầu mỗi đạo Tây Thiên và Trúc Lâm thì thật là vô cùng mật thiết, tuy thế, vì là kẻ hậu học, vả lại, rừng thiền Cổ đô Huế thật là thâm u diệu vợi nên chỉ biết tầm gôi trong rừng thiền ấy và nương theo Pháp Phật và vâng theo Thầy để dọn mình cho sạch sẽ may ra có chút gì đó trong tương lai, nên các bậc tiền bối trong Phật giáo tại Cổ đô Huế cũng khó mà thấu rõ tường tận. Chúng tôi nhờ hầu cận sư phụ hôm sớm nhất là hầu trà, sửa xe thường nhật cho sư phụ và những việc rất tối cần mà những vị cũng là đệ tử lớn hơn hay đồng hàng với chúng tôi khó có được những cái mà chúng tôi có. Ví dụ như khi Sư phụ tôi tiếp chuyện với chính quyền Địa phương hay Trung ương của hai nền Đệ nhất và Đệ nhị Việt Nam Cộng Hòa, bất cứ cấp bậc nào Dân sự hay Quân sự, v.v...

Khi chúng tôi nghe được Đạo hiệu Nhật Liên là vào khoảng năm 1962 hay sớm hơn một chút là nhờ quý ôn Linh Quang, ôn Trúc Lâm, ôn Từ Đàm hay bàn về vụ thầy Nhật Liên bị chính quyền sở tại của nhà Ngô làm khó dễ tử Lào Quốc. Nghe thì nghe vậy, nhưng ít dính mắc vào tâm trí của chúng tôi cho lắm.

Mãi đến khi ngài Thiện Hỷ, bào đệ của ôn Linh Quang đương kim Trụ Trì Tổ đình Tây Thiên viên tịch quá sớm, cũng làm cho sơn môn bán tỉnh bàng hoàng xúc động; từ đó, Tây Thiên Pháp Phái nói riêng và Sơn môn Huế nói chung cung thỉnh Hòa thượng Nhật Liên trở về lại Tổ Đình để nhiếp chúng, vì Ôn Tây Thiên bốn sư quá già.

Nhờ nhơn duyên kỳ diệu này mà chúng tôi bắt đầu tò mò tìm hiểu, nhất là lúc hầu trà bốn sư sáng sớm. Chúng tôi từ khi làm điều cho đến lúc thọ Đại giới rồi vẫn một công tác duy nhất là hầu trà như thế này và cứ thỏ thỏ với sư phụ khi ngài vui kể những chuyện xưa tích cũ của ngài khi được vua Khải Định cho đưa ngài vào cung học chữ nho hoặc khi ở trong cung thì ngài và vua Bảo Đại chưa tức vị cũng đã từng chơi với nhau bằng kiếu nhảy con cừu (*le saute-mouton*); do đó, chúng tôi từ từ hỏi chi tiết về ngài Nhật Liên.

Sư phụ tôi dạy: ... "Ông đó (tức ôn Nhật Liên), thông minh kỳ lạ, học một biết hai. Ra trường Tây Thiên xong là được bổ nhậm vào nam hướng dẫn, rồi được Phật giáo Lào quốc mời qua đảm nhiệm chức vụ như một vị Quốc sư, Tăng thống,..."

Tôi thưa tiếp:

"Thưa ôn lý do nào mà ôn Nhật Liên bị khó khăn?"

Thầy tôi dạy:

... "Có phải bộ Ngoại giao của Việt Nam qua Lào thăm viếng chi đó, một vị đang làm việc tại quán sứ Việt Nam ở Lào đến chùa bảo ông (tức ôn Nhật Liên) đi đón, Ông trả lời sao đó, khi phái bộ về trình lại cho Tổng thống Diệm và ông liền bị nạn."



Ôn dạy tiếp: Cũng may nhờ có cụ Tôn Thất Hối làm việc trên đó (Lào) và cũng nhờ ông Chánh Trí Mai Thọ Truyền có uy tín với miền Nam và nhà Ngô, lại mến mộ uy đức của ông (ôn Nhật Liên) nên mọi chuyện cũng tương đối ổn thỏa.

Năm Mậu thân (1968), tất cả chùa chiền vùng Huế vừa bị bom đạn, vừa bị khai quang nên hầu hết đều bị tổn thất gần 100%.

Trong khi Tăng chúng Trúc Lâm đang lo chuyện tái thiết lại những ngôi nhà hư hại. Một buổi mai trời đẹp, chúng tôi ai nấy tùy theo khả năng leo lên mái nhà để lợp, thì ở giữa sân chùa một vị Tăng thanh tú, cốt cách phi phàm trong chiếc áo tràng vàng, tay cầm tràng hạt đi vào; bất chợt ngài nhìn lên mái nhà thấy sáu, bảy anh em chúng tôi loay hoay theo công tác, ngài quỳ xuống và chân thành vọng lên mái nhà đánh lễ đại chúng trên cao với những bộ đồ vật hò của chúng tôi không mấy đáng hoàng. Ngài vừa niệm Phật vừa đánh lễ như thế, chúng tôi không cách nào hơn, nhẹ nhàng từ từ leo xuống thì ngài cũng vui vẻ tươi cười và đứng dậy.

Ngài hỏi:

"Có ôn ở nhà không?"

Tôi thưa:

"Dạ, bạch Ôn có. Thịnh Ôn vô nhà, con chạy lên thưa với ôn con."

Vì tôi là người hầu trà thường xuyên, vừa sợ mà cũng vừa vui vì có cơ duyên được tiếp cận sau ngài và thỉnh ngài vào nhà khách, ngồi nơi bộ trường kỷ giữa nhà.

Một tách nước trà đậm bạc thỉnh ngài dùng và tôi lật đật chạy tìm áo dài mặc vào, lên tận liêu để thỉnh sư phụ xuống.

Tôi gõ cửa liêu phòng sư phụ, bên trong vọng ra hỏi:

"Chi rứa?"

Tôi thưa:

"Bạch ôn, có ôn Nhật Liên qua thăm."

Thầy tôi vừa ra khỏi liêu phòng, mặc áo dài xuống liền hỏi:

"Qua khi mô rứa? Mấy bữa ni Ôn (*ôn Tây Thiên*) bên khỏe không?"

Tôi hầu mấy tách trà xong, liền để người lớn nói chuyện và chúng tôi cũng trở lại việc cũ.

Khi ra hải ngoại, cộng trú với Hòa thượng Thích Đức Niệm, cũng được Hòa thượng xưng tán về uy đức của ngài Nhật Liên không ngớt.

Hòa thượng nói:

"Tôi mới học viết văn, mới tập dịch kinh sách chưa mấy thông thạo. Tết năm đó (?), Hòa thượng Thích Thiện Hòa bảo học chúng viết bài làm Tập san. Chúng tôi ai nấy hớn hờ cặm cũi viết bài cũng gần cả tuần và lên nộp cho ngài Nhật Liên. Ngài cầm lấy và đọc chưa được mấy đoạn, bao nhiêu bài vở của chúng tôi viết đều đưa vào sọt rác hết. Chúng tôi buồn, cũng hơi nản chí liền chạy lên thưa với Hòa thượng Thiện Hòa là không thể làm báo được. Và trình lên những lý do vừa rồi để Hòa thượng tường tri. Hòa thượng Thiện Hòa biết rõ ngọn ngành liền mặc áo lên phòng của ôn Nhật Liên, Hòa thượng ôn tồn:

"Mấy chú còn non, mới tập tễnh, thầy ráng giúp cho họ có tinh thần."

Ôn Nhật Liên thưa:

"Viết dở ẹt mà làm báo cái gì? Tôi bỏ vô thùng rác hết rồi."

Ngài Thiện Hòa nhè nhẹ đến thùng rác lấy ra và nói:

"Thôi thầy ráng sửa lại cho họ để mấy chú có tinh thần. Ai cũng giỏi như thầy thì đâu có chuyện,..."

Cuối cùng ôn Nhật Liên thấy cung cách, đức độ và sự thương tưởng của Hòa thượng Thiện Hòa đối với Học Tăng nên ngài cũng hoan hỷ và trực tiếp hướng dẫn cho Học Tăng.

Kể từ khi Ôn Nhật Liên vào nam, chúng tôi không có cơ duyên hầu cận và ngày 30 tháng tư đen đến, ai lo phần này. Tôi tìm đường vượt biên từ độ ấy mà chưa một lần đặt chân trở lại quê hương, nên không có dịp đến tận chùa Long Thọ để bái kiến khi ngài còn trụ thế.

Khi nghe tin Ôn quã gót đăng trình, Thượng tọa Nguyên Lộc là đệ tử báo tin từ Pháp quốc cho chúng tôi hay; Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại tổ chức lễ tưởng niệm rất trọng thể.

Giờ thì chúng tôi chỉ biết ngưỡng vọng:

*Thành kính đánh lễ: Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tam Thế Tây Thiên Đường Thượng, Long Thọ Tọa Chủ Húy thượng Tâm hạ Khai, tự Thiện Giác hiệu Trí Ấn Nhật Liên Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh.*

Chứng minh chiếu giám.

Kính bái,

Hậu học và cũng là Tây Thiên Pháp Phái,

**Điều ngự từ Tín Nghĩa**



SB. THÍCH NỮ NHƯ THANH  
(1911—1999)

## HOÀI NIỆM MÙA XUÂN

(tưởng niệm 20 năm sư trưởng  
Viện chủ chùa Huệ Lâm Q 11- viên tịch)

*Mùa xuân ấy cuối thiên niên kỷ  
Cõi trời người tiễn bước thầy đi  
Hai mươi năm vắng tà huy  
Huê Lâm in dấu đại Ni cội tùng*

*... Hoa xuân đón Người về Tây cảnh  
Rừng thiền đưa gió ngược phương xa  
Từ đây đạo nghiệp muôn nhà  
Ni lưu chúng học chan hòa đắp xây*

*Người mở lối hậu lai tiếp nối  
Rạng danh giòng Thích nữ Đàm Di  
Xuân qua Xuân lại mấy khi  
An sư nghĩa trọng khắc ghi đạo tình...*

*thơ*

**TN. HẠNH TÂM**



# TƯ HỮU HÀ LẠC

*Sakya Như Bảo*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Từ bỏ cuộc sống thế tục, sống đời phạm hạnh viễn ly, an bần thủ đạo là một lựa chọn cao cả mà không phải ai cũng có thể làm được. "Hủy hình thù khí tiết, cát ái tư sở thân" đã là khó, mà giữ gìn miền mật ngọn lửa tinh tấn, quyết tâm cầu đạo giải thoát, lòng mong mỏi được tu học và phụng sự chúng sanh của sơ tâm ban đầu lại càng muôn lần khó hơn. Không có gì đáng tiếc cho bằng khi một hành giả, vì lý do nào đó, mà đành đoạn phụ bạc chân tâm, quay lưng lại với lý tưởng xuất trần, không còn nhiệt tâm trên con đường đạo và mong ngóng, mơ tưởng về những thứ mà trước đó chính mình đã cương quyết từ bỏ.

Vì muốn cho các Tỳ kheo luôn nhớ đến bốn phận của mình nên Đức Thế Tôn đã luôn nhắc nhở, đôi khi khiển trách, chỉ ra sự sai trái, để hướng các đệ tử trở về với mục tiêu chính yếu là tu tập giải thoát. Như trong Kinh Pháp cú, Phẩm Không Buông Lung, Đức Phật đã nghiêm huấn và cảnh tỉnh chúng Tỳ kheo như sau:

**"Chớ buông lung, phóng dật  
Chớ mê say dục lạc  
Người tự chế, thiên định  
Mới hưởng đại an lạc."**

(Pháp cú 27)

Đức Phật răn nhắc chúng ta "**Chớ buông lung, phóng dật**" mà phải biết tinh tấn công phu tu tập, thúc liễm thân tâm, phòng hộ căn môn, luôn tỉnh giác chánh niệm khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần.

Xưa, Đức Thế Tôn trải 49 ngày đêm thiền định dưới cội Bồ đề, Ngài đã thệ nguyện nếu không đắc đạo thì dù xương tan thịt nát cũng không đứng dậy. Chư vị Tổ sư ngày xưa quyết chí tu hành không kể gì đến thân mạng, xả thân cầu pháp, lội suối băng rừng, ngàn dặm gian nan tầm sư học đạo, chuyên ròng tinh tấn đến không có thời gian để cắt móng tay, suốt đêm đều tham thiền, tĩnh tọa, lúc nghỉ ngơi cũng chẳng dám thảnh thơi hay duỗi chân cho thoải mái vì sợ móng khởi ý niệm buông lung, tham đắm. Chúng ta ngày nay tự thẹn mình nghiệp dày, phước mỏng, căn cơ trì trệ, ý chí bấp bênh, Kinh Luật học trước quên sau, công phu thì mơ hồ tản mát. Lại thêm một số trong chúng ta thích

sống tự do, đua đòi, phóng túng, không ràng buộc bởi quy củ thiên môn. Gặp chút khó khăn đã nản lòng, thối chí, khởi tâm bỏ học, thôi tu. Với tâm tư như vậy thì đến bao giờ sự tu học của chúng ta mới có thể được đến nơi đến chốn.

Một khi tâm ý đã buông lung thì rất dễ đắm say vào miếng mồi dục lạc, từ đó dẫn đến sanh tử luân hồi không dứt. Thế nên Đức Phật dạy: "**Chớ mê say dục lạc**" mà phải thường cảnh tỉnh lấy mình, biết thiếu dục tri túc mới đúng tâm hạnh của người tu sĩ.

Người xuất gia chúng ta ngày ngày thọ dụng tứ sự của đàn na tín thí, không cày cấy mà có cơm ăn, không dệt vải mà có áo mặc, thuốc thang giường chõng đều do sự nhín ăn bớt mặc của đàn na. Thế nên, mỗi bữa ăn đều phải tam đề ngũ quán, tự răn nhắc mình thấy hổ thẹn mà tấn đạo nghiêm thân. Sao có thể vì chút lợi dưỡng cá nhân mà sanh tâm bi thủ, dẫn đến ngôn hành thất thổ khiến thế nhân chê cười, há chẳng phải là tự ruồng bỏ chính mình hay sao? Ngày chúng ta quyết chí lìa xa thế tục, lập nguyện xuất trần, mang tâm tư thênh thang, hoài bão rộng lớn, chỉ





mong một sớm tỏ đạo, sáng tâm, thể thì nay vì cố gì mà ta phải xuống ghềnh lên thác, mắc cạn trong vũng lầy tài vật? Tranh chấp, giằng co, thị phi nhờn ngã phải đâu là lý tưởng của nếp sống tu hành?

Phải chăng, vì biết trước những áng mây mù sẽ lừng lờ trên bầu trời mạt pháp mà Tổ Quy Sơn từ xưa đã thiết tha răn nhắc:

**"Cập chí niên cao Lạp trưởng, không phúc cao tâm, bất khăng thân phụ lương bằng duy trì cứ ngạo, vị am pháp luật, tập liêm toàn vô, hoặc đại ngữ cao thanh xuất ngôn vô độ (...). Bất tôn ta ta quý tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thức liêm hậu côn, tân học vô nhân phóng hiệu."**

(Đến lúc tuổi đời đã cao, tuổi hạ cũng lớn mà bụng rộng tâm cao, chẳng chịu nương gần thiện hữu để học hỏi mà chỉ biết một bề kiêu ngạo. Chưa thông kinh luật, sự thức liêm trọn không, hoặc lớn tiếng to lời nói năng vô độ (...). Chẳng gìn mảy may phép tắc, chẳng giữ một chút tế hạnh oai nghi. Lấy gì thức liêm hậu sanh, hàng tân học nương đâu mà bắt chước?)

Ở lâu trong đạo lẽ ra mùi tương dưa, rau cháo đà thấm mẫn, lẽ nào chỉ có hư danh cao niên mà lòng không bụng rộng, khăng khăng tự phụ cái sự tuổi tác nên chẳng chịu tham học để bồi thiếu sót. Oai nghi khiếm khuyết, chỗ dụng công chẳng màng, hạnh lợi tha lại càng không, nói gì đến xả thân vì đạo, hoằng pháp độ sinh. Kẻ bạch y mở lời vấn đạo thì thẳng thốt "diện tướng," mà thị phi tạp thoại, khó dễ hậu sinh, từ lợi cá nhân lại rành rành chẳng sót. Thiển nghĩ, gia sản "đầu tròn áo vuông" của Phật để lại, trải mấy ngàn năm cũng đủ để nuôi thân, lựa phải nhọc lòng sa đà thà mỗi bắt bóng?

Có câu chuyện ngụ ngôn đáng suy gẫm như sau: Một con cáo phát hiện ra cái chuồng gà, nhưng vì quá mập nên con cáo không thể chui lọt qua hàng rào để ăn. Thế là

nó nhịn đói suốt ba ngày để bụng tóp lại, cuối cùng cũng vào được. Sau khi đánh chén no nê hết số gà trong chuồng, chiếc bụng của cáo phình to lên không sao chui qua hàng rào được, nó lại phải nhịn đói tiếp ba ngày mới ra khỏi. Thoát được rồi, cáo ta xót xa than thở: "ô! Ta chỉ sướng cái miệng có một chút, mà phải khổ sở đến thế này!" Gẫm lại, cái họa của tham dục thật đáng kinh, đáng sợ biết bao!

Đức Phật dạy người tu đêm ngày cần phải tư duy thiền quán: "**Người tự chế, thiên định; Mới hưởng đại an lạc.**" Quán chiếu để thấu triệt nguyên lý Vô thường, Duyên sanh và Vô ngã trong vạn pháp và trong chính con người ngũ uẩn của mình. Một khi đã nhìn thấu rõ rồi thì đối với mọi sự trên đời ta sẽ không còn quá tham chấp, bám víu nữa. Dù cho nó đến hay đi, còn hay mất, chúng ta cũng không quá buồn khổ, đau đớn. Được như vậy, thì dù là đi giữa cõi ta bà khổ hải này, chắc chắn chúng ta vẫn sẽ có được niềm an lạc và tự tại.

Có vị Thiền sư một hôm hỏi môn đệ: "Nếu các con phải đun sôi một ấm nước, nhóm lửa đun được một nửa thì phát hiện không đủ củi, vậy thì con phải làm như thế nào?" Các đệ tử người thì trả lời là phải nhanh chóng đi tìm thêm củi, người thì bảo phải đi mượn hoặc đi mua v.v... Vị Thiền sư bình thản nói: "Tại sao các con không nghĩ đến việc đổ bớt nước trong ấm ra nhỉ?"

Thật ra, vạn sự vạn vật trên thế gian này vốn chẳng thế nào như ý, có biết "bỏ bớt," "đổ bớt" thì may ra mới có thể được an nhàn. Chúng ta "vào đời hai tay trắng, lia đời trắng hai tay," không ai có thể mang theo được gì, dù là tài sản vật chất, danh thơm tiếng tốt, nhần đến thân bằng quyến thuộc. Nên người ta nói: dùng tuổi trẻ để kiếm tiền, nhưng tiền lại chẳng mua được tuổi trẻ. Dùng mạng sống để kiếm tiền, nhưng tiền lại không mua được mạng sống. Dùng thời gian để kiếm tiền, nhưng tiền không mua được thời gian. Và cho dù dùng hết cuộc đời để có được tài sản của cả thế giới, nhưng cuối cùng, khi nghiệp đến, có đổi hết thảy kho báu trên thế gian cũng không thể cứu ta thoát khỏi vòng đại thếp của nghiệp lực. Đúng như lời Tổ Quy Sơn đã nói: "Giả sử bách thiên kiếp, Sở tác nghiệp bất vong, Nhân duyên hội ngộ thời, Quả báo hoàn tự thọ." Thật vậy, dù có trải qua trăm ngàn kiếp thì nghiệp đã tạo cũng không bao giờ mất. Khi nhân duyên chín muồi thì quả báo tự khắc sẽ tìm tới.

Đã là người xuất gia, chọn con đường nghịch lưu là đã chấp nhận phải đương đầu với hằng hà sa sa gian khó, mỗi bước đi cần phải đầy thận trọng đâu thể khinh suất qua loa. Chí nguyện tự độ và độ tha phải trải tận hết tâm can phẫn phủ thì mới mảy mún đến được phần nào ơn Tam bảo. Chính Đức Thế Tôn đã nói rõ trong Kinh Pháp Hoa rằng: giả sử người học đạo chúng ta đội Ngai trên đỉnh



đầu trải qua đến hằng hà sa số kiếp hoặc đem thân thể chúng ta để làm sàng tòa đỡ thân Ngài suốt khắp cả cõi tam thiên đại thiên này mà không xiển dương chánh pháp, phổ độ chúng sanh thì trọn cũng chẳng thể nào báo đền được ân đức của Phật.

*"Giả sử đành đối kinh trần kiếp  
Thân vi sàng tòa biển tam thiên  
Nhược bất hoằng pháp độ chúng  
sanh,  
Tất cánh vô năng báo ân dã."  
(Kinh Pháp Hoa)*

Xuân qua hạ đến, cuộc sống luân lưu biến chuyển trong từng sát na sanh diệt, nào đâu có cái gọi là bất tận trường lưu mà mãi miết thương vay khóc mướn cùng năm mãn kiếp nơi cõi phù sinh huyền mộng. Những thông điệp vô thường vẫn đang liên tục gửi đến dù ta cố giả tảng làm ngơ hay bàng hoàng tránh né. Những hồi chuông cảnh tỉnh vẫn đang gióng lên từng ngày để giúp chúng ta ý thức sâu sắc hơn trách nhiệm và lý tưởng xuất trần của người tu sĩ, tự chế phục và sách tấn bản thân, thực hành theo lời Phật dạy, noi theo công hạnh của chư Phật, chư Tổ, một lòng cầu giải thoát sanh tử, không dám chệnh mảng, buông lung.

*"Thị nhật dĩ quá  
Mạng diệt tùy giảm  
Như thiếu thủy ngư  
Tư hữu hà lạc..."*

Ngày nay đã qua  
Mạng sống giảm dần  
Như cá cạn nước  
Có gì mà vui...?

**Sakya Như Bảo**

## BƯỚC ĐẦU TU HỌC

*Biết tha thứ là bước đầu tu học  
Tự thương mình không làm khổ tha nhân  
Sống hài hoà luôn trân quý tình thân  
Đức khiêm tốn chẳng có gì thua thiệt.*

*Cuộc đời ta là do ta tự quyết  
Khỏi xin xăm bói quẻ lân cận sao  
Bước ta đi dù gặp phải chông gai  
Bao thách thức có chi đâu phải sợ.*

*Ta vẫn muốn sống tự do cởi mở  
Bằng con đường theo dấu bước Phật đi  
Không bao giờ lại khiếp đảm quyền uy  
Dù ngã gục ta không hề nao núng.*

## CHUYỂN HUNG HÓA CÁT

*Chuyển Hung hoá Cát thay hình  
Tu hành gạn lọc đời mình tự yên  
Vui trong ánh đạo thuần duyên  
Ngày đêm nhớ nghĩ pháp thiên Chánh Tu  
(Duy)  
Ta không cần phải là Sư  
Tự mình thấp được từ từ mà đi  
Lời Vàng nguyện mãi khắc ghi  
Con đường hành đạo chẳng vì lợi riêng  
Cuộc đời không hẳn như Tiên  
Năng siêng quán niệm Phật tiền chẳng xa.*

(Dallas Texas, 9-2-2019)

*tho*

## TÁNH THIỆN

Xuân Kỷ Hợi 2019



# PHÁP BẤT NHỊ - TRÌNH BÀY LẠI GIÁO LÝ TRUNG ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT

By DHARMACHARI RATNAGUNA

*Thích Nguyên Hạnh dịch*

TƯ TƯỞNG PHÁT HỌC

*(tiếp theo kỳ trước)*

## Cửa Pháp đến Bất nhị

Dù Duy Ma Cát, không ý định giới hạn lời dạy của mình đối với sự hòa giải căn bản đối lập giữa ta và người, và xuyên suốt bộ kinh có nhiều điểm nhị nguyên đối lập khác được hòa giải. Sự hòa giải nhị nguyên đối đãi này được khuyến giải đầy đủ nhất trong phẩm thứ chín, Cửa pháp Bất nhị, nơi Duy Ma Cát hỏi các vị Bồ tát hiện diện 'giải thích cách Bồ tát bước vào Cửa pháp Bất nhị.' Ba mươi một vị Bồ tát, kể cả Văn Thù Sư Lợi, đưa ra các cặp phạm trù nhị nguyên đối lập, sau đó những quan điểm nhị nguyên được hòa giải trong Cửa pháp Bất nhị. Ví dụ,

Bồ tát Đức Thủ (*Srīgandha*) nói 'ngã' và 'nga sở' là hai. Nếu không giả lập về ngã, sẽ không có ngã sở. Như thế, không có giả lập này là bước vào Bất nhị.

Những vị Bồ tát khác lấy các phạm trù pháp đối lập khác:

Bồ tát Tịch Căn (*Sāntendriya*) nói, 'đó là hai khi nói 'Phật', 'Pháp', và 'Tăng'. Pháp chính là Phật tánh, Tăng chính là Pháp tánh, và Tam bảo là một thể duy nhất. Thể duy nhất này đồng hư không, và tiến trình của hết thảy pháp bình đẳng với hư không. Sự hòa giải đi đến pháp này là bước vào Bất nhị.

Bồ tát Diệu Tý (*Subāhu*) nói 'tâm Bồ tát (*bodhisattvacitta*) với tâm Thanh văn (*śrāvakacitta*) là hai. Khi cả hai tâm được nhìn thấy tương đồng tâm hão huyền, không có tâm Bồ tát và, cũng không có tâm Thanh văn. Như thế, thể của tâm giống nhau là bước vào Bất nhị.

Như vậy, điều này hoàn toàn không có ai bàn cãi. Tuy nhiên, vài vị Bồ tát nói những pháp gây ra rất sừng sốt, hình như tự đánh đổ lập trường của Phật giáo. Ví dụ, Bồ tát Châu Đỉnh Vương (*Maṇikūṭarāja*) nói: Đó là hai khi

nói chánh đạo (*mārga*) và tà đạo (*kumārga*). Hành giả ở trong chánh đạo không có liên hệ với chánh hoặc tà đạo. Sống trong sự vô tư lự như thế, vị ấy tiêu dao với vô niệm 'đạo' hoặc 'chẳng phải đạo'. Hiểu bản chất của các khái niệm, tâm vị ấy không đi vào nhị nguyên. Như thế là bước vào Bất nhị.

Hoặc Bồ tát Điện Thiên (*Vidyuddeva*) nói: 'minh' (*vidyā*) và vô minh (*avidyā*) là hai. Thật tánh của vô minh chính là minh, vì vô minh không xác định, không thể lường, và vượt ngoài tầm tư duy. Nhận ra điều này là bước vào Bất nhị.

Hoặc Bồ tát Phất Sa nói: 'thiện' (*kuśala*) và bất thiện (*akuśala*) là hai. Tìm thấy không phải thiện cũng không bất thiện, hiểu rõ không hai, giữa nghĩa và vô nghĩa là bước vào Bất nhị.

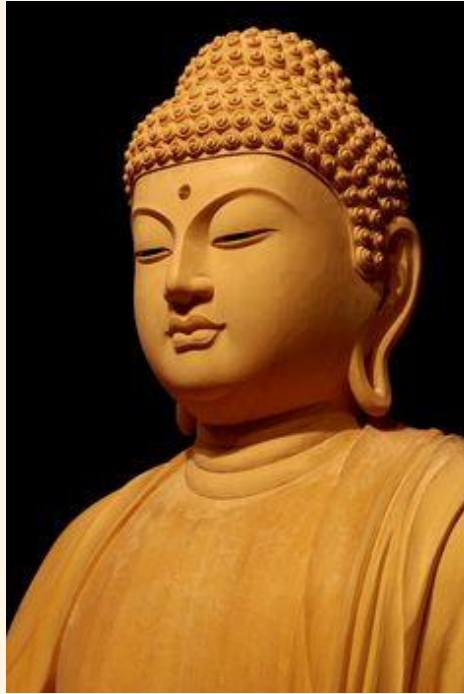
Vì sao họ nói ra những pháp như thế? Chúng có nghĩa là gì, và chúng có lợi ích gì và cho ai? Một trong những lợi ích chính của kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết là cố gắng làm cho mọi người hãy đi vào những chấp thủ của họ, và đẩy quả thực là tất cả, chính Duy Ma Cát thực hiện xuyên suốt cả bản kinh-Phương tiện quyền xảo của ông chỉ cốt ở chỗ khuyến khích, xoa dịu và khuyến giải mọi người chân thành để tiến lên từ chấp thủ của họ, bất cứ điều gì họ có, và để có bước kế tiếp trong sự phát triển tâm linh của họ, bất cứ điều gì có thể. Trong thánh điển Pāli có liệt kê bốn loại chấp thủ (*upādāna*), và điều có thấy hữu ích trong kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết chính là công kích vào mỗi loại chấp thủ này, chúng là: dục thủ (*-kāma*), kiến thủ (*-ditthi*), giới cấm thủ (*-sīla*) và ngã luận thủ (*-bbata*), chỉ vì lợi ích của họ, và tin vào 'linh hồn' hoặc thuyết linh hồn bất diệt (*attavāda*). Tùy theo đối tượng nghe pháp, Duy Ma Cát cố gắng làm cho họ từ bỏ thêm một hoặc hơn những chấp thủ này. Vì thế, ví dụ, trong phẩm thứ hai ngài khuyến khích người dân thành Tỳ Xá Ly từ bỏ chấp thủ về thân, đó



là nguồn gốc của cả hai tham dục và khổ, và cũng vậy, đến mức độ rộng hơn, họ tin vào cái tội vĩnh cửu và tách biệt. Ở các phẩm tiếp theo, khi ngài nói với các vị Thinh văn và Bồ tát, ngài cố làm cho họ xả bỏ ba loại chấp thủ cuối: kiến thủ, giới cấm thủ, và ngã luận thủ, chỉ vì lợi ích của họ ; và theo quan kiến của cá nhân: nên hiểu rằng họ đã từ bỏ chấp thủ lòng tham.

Khi Xá Lợi Phất đang thiền định dưới gốc cây, Duy Ma Cật nói tôn giả rằng tôn giả đang hành thiền sai: Tôn giả nên chú tâm trong sự quán sát theo cách nơi mà tôn giả có thể thấy cách ứng xử của người dân không rời khỏi tịch diệt. Tôn giả nên chú tâm trong sự quán sát điều mà tôn giả có thể thấy bản chất của người bình thường không rời khỏi sự bản chất tâm linh đã được tu dưỡng.

Xá Lợi Phất có thủ kiến về thiền định- nó cốt ở sự tẩy trừ và buông xả vài khía cạnh của cuộc sống, khi thiền định thực sự là gồm tất cả. Khi Đại Mục Kiền Liên đang giảng pháp cho vài gia chủ, Duy Ma Cật nói với tôn giả rằng tôn giả đang giảng cho họ sai, tức là với tư tưởng cho rằng có giáo pháp thực sự tồn tại cho người thực sự hiện hữu: không pháp sư, không có người lắng nghe, và không có ai hiểu. Nếu con người như huyễn thì pháp được giảng cho con người không thực. Đại Mục Kiền Liên vẫn còn chấp thủ vi tế ý tưởng về ngã. Đại Ca Diếp là vị nổi tiếng khổ hạnh, và hành trì khổ thực chỉ từ người nghèo-những người này cần có phước đức để được giàu có hơn. Trong khi tôn giả đang khổ thực, Duy Ma Cật đến trước tôn giả, nói với tôn giả rằng tôn giả có lỗi thiên vị trong lòng từ, và tôn giả nên trú trên sự thật các pháp bình đẳng, và nên trì bát với tâm chiếu cố đến tất cả chúng sinh trong mọi lúc. Đại Ca Diếp vẫn còn chấp đối với ngã luận thủ. Điều quan trọng đánh ghi nhớ ở đây, như trong tất cả các phần khác của kinh, Duy Ma Cật đang thực hiện Phương tiện quyền xảo, ngài đang dùng pháp thích ứng với căn tính, khuynh hướng, và phát triển tâm linh của bất cứ ai mà ngài đang nói chuyện. Điều ngài nói với Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, và Đại Ca Diếp không thể là điều ngài sẽ nói với bạn hoặc tôi. Xá Lợi Phất đang hành thiền trong rừng, Đại Mục Kiền Liên đang thuyết pháp, Đại Ca Diếp đang hành hạnh xả ly với lòng bi mẫn. Những việc này là hành động chí thiện, và Phật tử nên cố gắng hành trì cho tốt. Bởi vì Duy Ma Cật nêu ra những giới hạn trong phương diện hành trì đối với ba vị đại đệ tử, điều này không nên trao



cho chúng ta bất cứ lý do nào mà không hành trì các pháp này, vì đó là từ bỏ pháp hành của ta một cách vội vã. Nó cũng không cúng cấp cho chúng bất lý do nào cảm thấy cao hơn các vị đại đệ tử này. Nếu chúng ta cảm thấy như thế thì chúng ta đã quên mất hoàn toàn mục tiêu mà kinh đã cố gắng thiết lập. Trái lại, chúng ta nên cảm thấy niềm tôn kính rất mực, thán phục với thành tâm hướng đến các ngài. Sau cùng, bao nhiêu người trong chúng ta đạt được mức phát triển tâm linh của họ? Bao nhiêu người trong chúng ta sẵn sàng cho những giáo lý Duy Ma Cật nói cho họ? Trong việc phê phán họ theo cách Duy Ma Cật đang bày tỏ với họ lời khen có ý nghĩa nhất.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại phẩm thứ chín, Cửa Pháp Bất Nhị, và cố gắng hiểu những lời của các vị Bồ tát trong ánh sáng của tất cả những điều tôi vừa trình bày. Trái lại điều trước đó, điều quan trọng ghi nhớ ngữ cảnh của những lời nói này-ai đang nói cho ai? Bồ tát đang nói với Bồ tát, và họ là những vị Bồ tát bất thối: chánh niệm, hiểu biết, nhận thức, thiền định, và biện tài của họ tất cả đã được hoàn thiện. Họ đã thoát khỏi tất cả chướng ngại và phiền muộn, sống trong sự giải thoát tự tại... họ đã thuần thực trong việc hiểu rõ căn tính của tất cả chúng sinh... họ đã thuần thực trên con đường của Pháp... họ đã thành tựu trí tuệ điều có khả năng biết rõ tư tưởng của chúng sinh, cũng như việc đến và đi của họ...

Mỗi Cửa pháp của Bồ tát có liên quan tới vị buông xả chấp thủ đối với cách nhìn, quan điểm, nhiên vị trong số họ có quan điểm về Pháp, về đời sống tâm linh.

Trong Đại kinh Bốn mươi (Mahācattārisaka sutta): Đức Phật thảo luận ba loại tri kiến (ditthi): tà kiến và hai loại chánh kiến:

Có chánh kiến bị tác động bởi hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; và có chánh kiến thuộc bậc thánh, vô lậu, xuất thế, thuộc chi phần của Thánh đạo.

Loại chánh kiến đầu tiên là sự hiểu biết về pháp chưa được thấm nhuần bởi thiền quán xuất thế, trong khi loại chánh kiến thứ hai thì có. Trong trường hợp loại chánh kiến thứ hai là không có chút thành kiến, theo ý nghĩa cả tư tưởng, hoặc giáo lý, mà là hiểu biết trực tiếp về chân lý. Vì thế có sự sắp xếp theo thứ lớp: chúng ta loại bỏ tà kiến đi đến loại chánh kiến thứ nhất, và từ đó đến loại chánh kiến thứ hai. Một trong những đặc điểm của loại chánh kiến thứ nhất là đưa đến quả tái sanh cùng nơi tái

sinh'- chúng ta có thể có chánh kiến cũng cùng lúc đó bị cuốn hút đến sự chấp thủ, bao gồm, có lẽ, kiến thủ, ngay cả các loại chánh kiến. Loại chấp thủ này đối với chánh kiến dù cho có ích ở giai đoạn đầu của sự phát triển tâm linh, về sau trở thành chướng ngại, vì cuối cùng chúng ta buông xả tất cả chấp thủ, ngay cả những loại thiện kiến. Đức Phật làm rõ điều này trong câu chuyện ngụ ngôn chiếc bè, khi ngài nói, 'Các thầy Tỳ kheo nên biết, các thầy, từ truyện ngụ ngôn về chiếc bè điều mà chánh pháp (dharma) phải bỏ lại phía sau, huống chi phi pháp (adharmā). Chúng ta cần chiếc bè qua sông, nhưng một khi chúng ta đến bờ bên kia chúng ta phải bỏ nó lại.

Các vị Bồ tát trong kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết rất gần với sự Giác ngộ- họ ở giai đoạn nơi họ cần bắt đầu bỏ chiếc bè lại. Bỏ chiếc bè có nghĩa là buông xả sự chấp thủ về nó. Bồ tát phải buông xả sự chấp thủ về pháp và sự hành trì, điều đã giúp họ, tiến bộ trên đạo lộ, chứ không phải buông bỏ giáo pháp và pháp hành của chính họ: Bồ tát Châu Đỉnh Vương nó, Đó là hai khi nó chánh đạo và tà đạo. Người ở trong chánh đạo không liên quan đến chánh đạo và tà đạo. Sống trong sự tự tại như thế, vị ấy tiêu dao với vô niệm 'đạo' và 'phi đạo'. Hiểu rõ bản chất của khái niệm, tâm vị ấy không rơi vào nhị nguyên. Như thế là bước vào bất nhị.

Trong câu đầu Châu Đỉnh Vương đề xuất 'chánh đạo' và 'tà đạo' là hai, phải được hòa giải. Trong câu kế Bồ tát nói người ở trong chánh đạo không có liên quan tới chánh đạo hoặc tà đạo. Chữ Thurman dịch là 'chánh đạo' cùng một chữ ông dịch là đạo (marga). Có lẽ ông làm điều này để chỉ Bồ tát ở trong chánh đạo không tạo ra sự khác biệt trong khái niệm giữa chánh đạo và tà đạo. Nhưng trong việc chuyển ngữ này ông làm tối nghĩa một điểm rất quan trọng-đó là chỉ có từ lập trường chánh đạo Bồ tát có thể thấy xuyên suốt sự khác biệt trong khái niệm giữa 'chánh đạo' và 'tà đạo'. Không phải Bồ tát rời khỏi chánh đạo, Bồ tát đã buông bỏ sự chấp thủ đối với khái niệm về chánh đạo. Đặt vào một cách khác, Bồ tát loại trừ khỏi loại chánh kiến thứ nhất- đó là chánh kiến bị chi phối bởi hữu lậu, thuộc phước báu, đưa đến quả tái sinh', đối với loại chánh kiến thứ nhì thuộc bậc thánh, vô lậu, xuất thế.'

Nếu tất cả điều này khó hiểu hơn, có thể thấy sự giống nhau về mặt thể tục sẽ giúp ích. Người học lái xe hơi nên nghĩ về mỗi động tác họ thực hiện-vận chìa khóa trong khi nhấn nhẹ một tí chân phải lên chân ga, nhấn chân trái xuống thẳng, vào số một, kéo thẳng tay, nhìn vào kính chiếu hậu thấy nếu an toàn thả thẳng tay, và đặt tay phải lên vô lăng, nhấn nhẹ một tí lên ga bằng chân phải, và, cùng lúc, chậm chậm thẳng chân bằng chân trái ; như thế xe bằng đầu di chuyển tới, quay vô lăng bằng hai tay một cách nhẹ nhàng sang phải v.v...Tôi biết lái xe đã 25 năm và tôi thực hiện các động tác một cách tự nhiên, rất nhiều vì thế chỉ viết ra

điều tôi cho có giá trị bằng trí nhớ và phân tích. Ngay cả tôi có thể mắc sai lầm nhỏ trong khi viết, mặc dù khi tôi lái xe tôi lúc nào cũng vậy thực hiện nó không có một chút cố gắng nào, không lúng túng, và đúng cách thức. Phật tử có ý thức tu tập chánh đạo giống như người học lái xe. Trong khi Bồ tát không còn bận tâm đến việc tu tập chánh đạo giống như tài xế giỏi không còn nghĩ về động tác, ông chỉ làm mà thôi. Sự giống nhau không phải hoàn toàn-ngay cả tài xế có kinh nghiệm cũng mất sai lầm và gây ra tai nạn, trong khi Bồ tát người đã vượt thoát cả chánh đạo và tà đạo luôn hành động một cách khéo léo, vì nó trở thành bản chất của Bồ tát.

Bồ tát Điện Thiên cũng nói từ cùng quan điểm khi ngài nói 'minh' (vidyā) và 'vô minh' (āvidyā) là hai. Thật tánh của của vô minh chính là minh, vì vô minh không xác định, không thể lường, và vượt ngoài tầm tư duy. Nhận ra điều này là bước vào bất nhị.

Khi ngài nói minh và vô minh cả hai có cùng giá trị, và chúng ta cũng có thể có ngu muội cũng như sáng suốt. Sau cùng, vô minh là khổ: 'bệnh (khổ) sinh khởi từ toàn thể tiến trình hiểu sai từ vô thủy. Và kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, như tất cả kinh điển Phật giáo, có liên quan đến giảm bớt vô minh vì nó có liên quan đến giảm bớt khổ. Bồ tát Điện Thiên muốn nói rằng người có trí (loại chánh kiến thứ hai) buông bỏ chấp thủ đối với khái niệm minh và vô minh. Nhưng chỉ vị ấy có thể làm như thế vì vị ấy sáng suốt-người ngu muội không có đủ khả năng buông xả khái niệm về minh.

Chúng ta có thể hiểu lời nói của Bồ tát Phất Sa theo cùng cách: 'thiện' (kusāla) và bất thiện (akusāla) là hai. Nếu không khởi thiện hay bất bất thiện là nhận chân thật tế của vô tướng, hiểu rõ không hai về nghĩa và vô nghĩa là bước vào bất nhị.

Tôi đã nêu ra sự khác biệt gồm ba phần một tà kiến và hai loại chánh kiến của Đức Phật. Ở nơi khác Đức Phật phát biểu tương tự, nhưng trong giới hạn về giới (sīla) ở đây vị để từ phải diệt trừ bất thiện giới đến thiện giới, và tiêu điểm của phi giới 'diệt trừ không có dư tàn'. Nhưng sau đó vị ấy phải di chuyển đến mục tiêu ngay cả thiện giới 'diệt trừ không có dư tàn'. Để trả lời cho câu hỏi 'nơi nào để hành trì thiện giới (kusāla-sīla) được diệt trừ không có dư tàn? Đức Phật đáp: khi một người có giới (silavant), chẳng phải lúc vị ấy bị chi phối bởi giới (silamaya). Người có giới không còn thấy hành trì giới-họ đã thành tựu giới.

Phẩm thứ chín kết thúc bằng ấn tượng sâu sắc, đó là đỉnh điểm của toàn bộ bản kinh. Khi ba mươi Bồ tát tất cả đã đưa ra Bất nhị Pháp môn của mình, họ thỉnh cầu Văn Thủ Sư Lợi nêu ra Cửa pháp của ngài. Lành thay các nhân giả, tất cả các ngài đã nói khéo nói. Do vậy, các lời giải thích của các ngài tự nó vốn là hai. Để biết không có pháp, không có gì để diễn





đạt, không có gì để nói, không có gì để giải thích, không có gì để tuyên bố, không có gì để chỉ bày, không có gì để minh thị-đây là bước vào bất nhị.

Sau đó Văn Thù Sư Lợi mời Duy Ma Cật đưa ra sự bước vào Bất nhị pháp môn của mình.

Duy Ma Cật giữ im lặng, không nói gì cả. Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi tán thán Duy Ma Cật: 'Tuyệt diệu ! Tuyệt diệu ! bậc thánh thiện ! quả thực đây là bước vào bất nhị của Bồ tát. Ở đây không có chỗ dùng cho văn tự, ngôn thuyết và tư tưởng.

### Nguy hiểm của Bất nhị giả

Mặc dù, đây là đỉnh điểm của bản kinh, nhưng chưa kết thúc- còn lại ba phẩm, và phẩm kế, Phật Hương Tích rất có ý nghĩa. Duy Ma Cật gợi đi một cách kỳ diệu một hóa thân Bồ tát và phái ngài đến thế giới Nhất Thiết Diệu Hương để thỉnh Đức Phật của cõi đó, có hiệu Tồi Thượng Hương Đài (*Sugandhakūta*) trong khoảng bữa ăn. Chín mươi triệu Bồ tát của cõi đó muốn đi trở lại cùng với hóa thân Bồ tát để yết kiến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Duy Ma Cật, và các vị Bồ tát khác, và họ cầu thỉnh Đức Phật Tồi Thượng Hương Đài cho phép. Ngài cho phép họ đi, nhưng nhắc nhở họ, đi thì hãy lại mùi hương nơi thân 'vì sợ rằng chúng sinh ở cõi đó sanh mê hoặc và tham đắm'. Hóa thân Bồ tát, cùng với chín mươi triệu Bồ tát, trở lại cõi này cùng với phần còn lại bữa ăn của Đức Phật Tồi Thượng Hương Đài, và Duy Ma Cật mời 'Xá Lợi Phất và các đại đệ tử khác đến thọ thực, các vị đại đệ tử, cũng như tất cả các Bồ tát, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương, các thiên tử đều được no đủ. Dùng thức ăn này tất cả họ trải nghiệm đại an lạc, và mùi hương vi diệu tỏa khắp từ các lỗ chân lông trên làn da của họ. Duy Ma Cật sau đó hỏi các Bồ tát đến từ cõi Nhất Thiết Diệu Hương cách Đức Phật của họ dạy Pháp. Họ đáp, Đức Như Lai không thuyết Pháp bằng âm thanh và ngôn ngữ. Ngài huấn thị các Bồ tát chỉ bằng phương pháp mùi hương. Ở gốc của mỗi cây hương một Bồ tát an

tọa, và các cây tỏa ra mùi hương giống với cây này. Trong sát na họ ngửi thấy mùi hương đó, Bồ tát đạt được tam muội 'Nhất Thiết Đức Tạng'. Trong sát na họ chứng tam muội đó, và tất cả công đức Bồ tát được phát sinh trong họ.

Sau đó, các Bồ tát lại hỏi Duy Ma Cật cách Đức Phật của cõi này, Đức Thích Ca Mâu Ni dạy Pháp. Ngài đáp: thưa các nhân giả, chúng sinh ở cõi này khó điều phục. Do đó, ngài dạy họ bằng những bài pháp thích hợp để điều phục tính cương cường và khó chuyển hóa. Ngài điều phục cương cường và khó chuyển hóa ra sao? Những bài pháp phù hợp là gì? Ở đây chúng là: Đây là địa ngục. Đây là cõi súc sinh. Đây là cõi naga quỷ. Những cõi này là nạn xứ. Những cõi này là nơi tái sinh cho kẻ ngu muội. Đây là tà hạnh của thân, và đây là quả báo cho bất thiện nghiệp của thân. Đây là bất thiện nghiệp của miệng, và đây là quả báo cho bất thiện nghiệp của miệng. Đây là bất thiện nghiệp của ý, và đây là quả báo cho bất thiện nghiệp của ý. Đây là sát sinh. Đây là trộm cắp. Đây là tà hạnh. Đây là nói dối. Đây là nói xấu sau lưng. Đây là nói lời cay độc. Đây là nói lời phù phiếm. Đây là tham lam. Đây là thù hận. Đây là tà kiến. Đây là quả báo của chúng. Đây là bủn xỉn, và đây là quả báo của bủn xỉn. Đây là phá giới. Đây là sân hận. Đây là lừa dối. Đây là quả báo của lừa dối. Đây là loạn ý, và đây là quả báo của loạn ý. Đây là phạm giới. Đây là giới biệt giải thoát. Điều này nên hành trì và không nên hành trì. Đây là phù hợp và kia nên từ bỏ. Đây là chướng ngại và kia không chướng ngại. Đây là đắc tội và kia không đắc tội. Đây là chánh đạo và kia là tà đạo. Đây là công đức và kia là tội lỗi. Đây là đáng trách và kia là vô tội. Đây là cầu uế và kia là tịnh khiết. Đây là hữu lậu và kia là vô lậu. Đây là tà đạo và kia là chánh đạo. Đây là hữu vi và kia là vô vi. Đây là luân hồi và kia là giải thoát.

Đây là một trong những đoạn có tác động lớn trong toàn bản kinh, chẳng phải ít vì nó đi đến ý chính của kinh. Sau cuối, lời tuyên bố của các Bồ tát về Bất nhị, kết thúc bằng sự im lặng sâu sắc của Duy Ma Cật, chúng ta đến sống một thế giới cải thiện hơn nơi mà tất cả sự khác biệt của nhị nguyên đối đãi làm cho tất cả được tinh tế hơn. Đây là một tình tiết theo sau đoạn nói về hóa thân Bồ tát du hành đến cõi Nhất Thiết Diệu Hương, nơi mà các Bồ tát an tọa dưới gốc cây hương, hấp thụ Pháp bằng phương pháp của hương thơm vi diệu, ý tưởng tăng cường ý thức của chúng ta về bất nhị tinh tế và thêm vào đó sức thu hút tinh tế hơn của vẻ đẹp và thích thú. Vào thời điểm này, Duy Ma Cật mang chúng ta trở lại cõi này bằng cú sốc không lấy làm vui thích, nhắc chúng ta về khổ đau yếu tố vốn có trong cõi này, và cảnh báo chúng ta không nên bỏ đi chuẩn mực nhị nguyên một cách vội vã. Những vị bất thối Bồ tát có thể đùa với các khái niệm của chánh đạo và tà đạo, minh và vô minh, thiện và ác, nhưng chúng ta rất cần chúng. Chúng ta nhìn các

pháp theo nhị nguyên và chúng ta nắm bắt nhanh quan điểm nhị nguyên, mặt khác chúng ta chịu đựng: Đây là địa ngục. Đây là cõi súc sinh. Đây là cõi naga quý. Những cõi này là nạn xứ. Những cõi này là nơi tái sinh với nghiệp bất thiện. Điều này nhắc tôi nhớ lời dạy khác của Đức Phật-Truyền ngữ ngôn về con rắn nước, Đức Phật dùng, đây ý nghĩa, ngay trước khi ngài kể lại truyện ngụ ngôn chiếc bè. Người đi tìm con rắn nước, thấy nó, và túm lấy nó ở đuôi. Con rắn quay đầu và cắn người đó, và ông ta chịu đau đớn quằn quại trước khi chết vì vết cắn có nọc độc. Một người khác đi tìm con rắn nước, thấy nó, nhưng bắt nó một cách cẩn thận ở cổ và vì thế nó không thể mổ ông ta. Người đầu tiên giống như người hiểu sai về Pháp, nó gây ra cho vị ấy khổ đau. Người thứ hai giống như người thông suốt về Pháp-vị ấy không bị tổn hại. Ngài Long Thọ (*Nāgārjuna*) dùng ví dụ này trong Trung Quán Luận Tụng của ngài, khi ngài cảnh báo sự chấp thủ sai lầm về triết lý Tánh không (*sunyata*) sẽ dẫn đến khổ đau, và cùng cách này có thể nói về giáo lý Bất nhị trong kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết. Đoạn tôi vừa trích dẫn là lời cảnh báo của Duy Ma Cật cho chúng ta, và nguy hiểm là rất thực tế.

### Kết luận

Tôi đã biện luận rằng giáo lý Bất nhị về căn bản là trình bày lại giáo lý Trung Đạo của Đức Phật. Tôi cũng đã nói rằng kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết chỉ đưa giáo lý đó đi xa hơn Đức Phật đã làm, theo nghĩa rộng việc áp dụng nó gồm thấu tất cả bất cứ khái niệm nào, bao gồm những khái niệm (nhị nguyên thiết yếu) cấu thành giáo pháp của Phật giáo. Trong khi Đức Phật nói đơn giản về Trung đạo ở giữa hai cực đoan tham đắm dục lạc và khổ hạnh ép xác, hoặc, trừu tượng hơn, giữa thường còn và đoạn diệt, kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết dạy Trung đạo (Pháp môn Bất nhị) giữa các pháp như thiện và bất thiện, minh và vô minh, chánh đạo và tà đạo. Nghĩa mở rộng này về tư tưởng Bất nhị là nguy hiểm, nguy hiểm là người đọc kinh có thể cho rằng những pháp như thế phù hợp với mức độ phát triển tâm linh của họ trong khi họ không có. Dĩ nhiên nguy hiểm thường hiển hiện khi chúng ta đọc kinh Phật, ngay cả trong những giáo lý căn bản hoặc đơn giản của Đức Phật chúng ta tìm thấy trong thánh điển Pāli. Đó là vì sao Đức Phật kể lại truyện ngụ ngôn con rắn nước. Khi chúng ta xem những kinh văn này phải thường chú tâm vào điều mà Đức



Phật thường nói cho người nghe riêng biệt và pháp này có thể tốt cho người đó nhưng không tốt cho chúng ta. Tuy, nguy hiểm vốn có trong Bất nhị Pháp môn của kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết là đặc biệt sắc bén, vì vài người có thể cho rằng tất cả những giáo lý và pháp hành tạo thành con đường của Phật giáo đi tới Giác ngộ bị vứt bỏ vì chúng đều là nhị nguyên: không có khác biệt giữa chánh đạo và tà đạo, thiện và bất thiện, minh và vô minh. Do đó, vài Phật tử có thể gạt bỏ những lời dạy căn bản như năm giới, hoặc, điều cần thiết cho sự thoát ly, cùng với lời hỏi vặn lại 'ô, nhưng đó là nhị nguyên phải không? hoặc 'Không có đạo lộ, và không có ai đi'. Như

thể hiểu sai giống như nắm đuôi con rắn nước có nọc độc, hoặc bước khỏi chiếc bè đang ở giữa dòng, chỉ chìm sâu xuống dòng luân hồi.

Nếu những giáo lý trong kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết như lời kinh trong phẩm thứ chín chỉ dành cho bất thối Bồ tát và A La Hán, không phải dành cho Phật tử bình thường, có câu hỏi có thể được hỏi, có mục tiêu nào cho chúng ta trong việc đọc và nghiên cứu kinh này, giả sử chúng đều không phải bất thối Bồ tát và A La Hán? Tôi nghĩ là có, miễn chúng ta không cho rằng tất cả giáo lý trong kinh này có nghĩa là dành cho chúng ta. Trước hết, kinh này là một tác phẩm bất hủ của văn học Phật giáo, - sâu sắc, cảm động, trào phúng, gây ra sự sốt, và truyền cảm. Chính Duy Ma Cật là một nhân vật tuyệt vời, tuyệt đối không nhân nhượng, gây thích thú trong năm lần nền tảng từ dưới chân của sự vĩ đại, mà có phong cách thư thái, rất dí dỏm và hài hước. Nhưng những giáo lý dành cho bất thối Bồ tát và A La Hán là gì? Tôi vừa đề cập sự hóm hỉnh trong kinh. Thường sự dí dỏm ở chỗ làm cho một trong những vị đại A La Hán hoặc Bồ tát mất uy tín, như Duy Ma Cật phơi bày những hạn chế trong pháp hành của họ, hoặc đứng với khuynh hướng tư tưởng của họ. Không nên vì lý do nào đó chúng ta ngòai lại và bản luận lớn tiếng về những chi tiết này, chỉ để khôi hài. Nhưng nó thật có ích nếu chúng ta tự hỏi bản thân Duy Ma Cật có thể nói pháp đó cho chúng ta nếu ông xuất hiện vào thời đại chúng ta. Nhược điểm, chấp thủ, hoặc ý muốn nào ông phơi bày ra để giễu cợt?

Còn có một điều nữa chúng ta có thể đạt được từ việc đọc kinh này. Tôi đã nêu ra ở phẩm thứ chín, Cửa pháp Bất nhị, bất thối Bồ tát nói với bất thối Bồ tát. Tuy nhiên, họ có tính chúng, năm trăm đại Thanh văn, cũng như một số lớn các vị trời Đế Thích, Phạm

Thiên, Tứ Thiên Vương, và nhiều trăm ngàn thiên tử đang lắng nghe, và tôi cho rằng không phải tất cả những thính giả này đều là bậc bất thối. Họ hoặc chúng ta có thể có được điều gì từ sự lắng nghe các Bồ tát này giảng pháp Bất nhị? Đó là sự lắng nghe cuộc đàm luận đáng quý đối với tâm rộng lớn mặc dù chúng ta không hiểu họ đang nói gì, họ đang hành pháp nào. Nó có giá trị vì, dù chúng ta không hiểu họ, chúng ta có thể có được các nhìn thoáng qua sự thật vượt xa khả năng chúng ta. Các đại Bồ tát đang rời bỏ chiếc bè. Chúng ta phải lắng nghe chăm chú pháp này trong lúc có mặt. Nhưng nó cũng có sức truyền cảm để xem họ bước khỏi chiếc bè lên bờ bên kia. Trong việc đọc kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết chúng ta đang chứng kiến các hạng chúng sinh- có căn tánh, khuynh hướng khác nhau, và ở mức phát triển tâm linh khác nhau, từ thiện nam tín nữ thành Tỷ Xá Ly đến các thiên tử thiên nữ, tới các đại Đệ tử và A La Hán- chúng ta đang chứng kiến họ buông bỏ các chấp thủ và trải nghiệm sự tự tại mới. Trong khi xem họ chúng ta đi vào cấp bậc phát triển tinh tâm linh của mình có, và có thể tạo cho chúng ta khao khát buông bỏ chấp thủ của mình và tiến thêm bước nữa hướng đến giải thoát.

Để cho tiến trình này có hiệu quả tốt nhất tôi khuyên nên đọc toàn bộ kinh văn trong thời khóa lễ., đó là, trong bối cảnh của thiền, tụng, và nghi lễ. Lắng nghe việc đọc phẩm thứ chín rất hay, vì dụ, trong trạng thái tâm tập trung và thành khẩn có thể có trải nghiệm phi thường- ít ra tôi đã tìm thấy nó. Lần đầu, như các Bồ tát đầu tiên đề xuất và giải quyết những cặp nhị nguyên đối lập khác nhau, tâm suy luận của bạn cố theo họ trong khả năng tốt nhất. Sau vài phút, tuy nhiên, nó trở nên quá nhiều- có quá nhiều trong số các cặp đối lập đến rất nhanh, và nhị nguyên tiếp nối nhị nguyên kia- và cuối cùng bạn nên buông xả và nghỉ ngơi trong yên tĩnh, trạng thái không suy luận trong đó bạn có thể nghe điều đã được nói, nhưng bạn không còn suy nghĩ về mỗi lời nói. Trong trạng thái tâm này có thể cảm nghiệm được, ngay cả có được cái nhìn thoáng qua về chân thật, tâm đã buông xả mọi thứ- đó là tâm tự tại hoàn toàn.

<http://www.westernbuddhistreview.com>, vol-  
ume 3, December 2011



## THẤY TA TRĂNG KHUYẾT

*Trang kinh  
có hạt bụi cời  
Ngẫm vô lượng kiếp  
có người có ta*

*Một ngày  
quán cõi Ta Bà  
Thấy ta trăng khuyết  
người là hư không*

*Ngộ ra  
mộng ảo viễn vong  
Mở trang kinh cũ  
trùng trùng vô ngôn*

*Hồi chuông tỉnh thức  
Boong! Boong!!!  
Búp sen vừa trổ  
cùi hôn đất trời*

*thơ* KIỀU MỘNG HÀ

Jan 31-2019





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ  
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION  
**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**  
COUNCIL OF MANAGEMENT  
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 \* Fax: (714) 568-1000

**Thư Cung Thỉnh/Kính Mời**  
**Lễ Hiệp Kỳ Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Lãnh Đạo GHPGVNTN HK**

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTN HK;

Trích yếu: V/v cung thỉnh/kính mời dự Lễ Hiệp Kỳ Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Lãnh Đạo Giáo Hội

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,  
Kính thưa quý Cư Sĩ,

Đề tưởng niệm công đức sâu dày của chư tôn đức Giáo Phẩm Lãnh Đạo đã tận hiến đời mình cho Đạo Pháp và Dân Tộc, hàng năm Giáo Hội đều long trọng tổ chức Lễ Hiệp Kỳ chư tôn đức Giáo Phẩm Lãnh Đạo GHPGVNTN HK, cũng là ngày Hỷ Nhật của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Đệ Nhất Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK và Cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ.

Năm nay, Lễ Hiệp Kỳ chư tôn đức Giáo Phẩm và Hỷ Nhật Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn sẽ diễn ra vào lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy, ngày 30 tháng 3 năm 2019 (nhằm ngày 24 tháng 2 năm Kỷ Hợi) tại Trụ Sở Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành, Chùa Bát Nhã, 4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703. Sau đó một ngày, tức là Chủ Nhật, ngày 31 tháng 3 năm 2019 (nhằm ngày 25 tháng 2 năm Kỷ Hợi) sẽ là ngày Hỷ Nhật Cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm tại Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, Hoa Kỳ.

Thành tâm cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni hoan hỷ quang lâm và kính mời quý Cư Sĩ tham dự để cùng thấp nén tâm hương tưởng niệm công đức của chư tôn đức Giáo Phẩm Lãnh Đạo đã đóng góp cho nền Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Câu nguyện chư Phật gia bị cho tất cả mọi Phật sự của Giáo Hội đều thành tựu viên mãn.  
Kính cung thỉnh và kính mời.

Santa Ana, ngày 21 tháng 1 năm 2019  
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK  
Chủ Tịch



*Sa Môn Thích Tín Nghĩa*

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

**Nơi nhận:**

- Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa và Ni Trưởng Hội Đồng Giáo Phẩm,
- Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ Thành Viên Hội Đồng Điều Hành,
- Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Hoa Kỳ,
- Hồ sơ lưu.



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ**  
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION  
**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**  
COUNCIL OF MANAGEMENT  
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 \* Fax: (714) 568-1009

## **THƯ MỜI**

### **An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên Năm 2019**

Kính gửi:

- Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTN HK,
- Chư tôn đức Tăng, Ni đang hành đạo tại Hoa Kỳ,

Trích yếu: V/v cung thỉnh/kính mời tham dự Khóa An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III của GHPGVNTN HK,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức,  
Kính thưa quý Cư Sĩ,

Theo Nghị Quyết của Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 2 Nhiệm Kỳ III tại Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, Hoa Kỳ, ngày 18 tháng 6 năm 2018, và theo tinh thần của Thông Báo về Khóa An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III của GHPGVNTN HK năm 2019, do nhị vị Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu và HT Thích Minh Hải, Đồng Trưởng Ban Tổ Chức phổ biến vào ngày 28 tháng 11 năm 2018:

- Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2019 sẽ được tổ chức tại Như Lai Thiên Tự, 3340-3342 Central Ave., San Diego, CA 92105, bắt đầu họp Chung lúc 7PM, Chủ Nhật, ngày 16-6-2019, Email: [nhulaitientu@yahoo.com](mailto:nhulaitientu@yahoo.com); hoặc email: [minhhoi99@yahoo.com](mailto:minhhoi99@yahoo.com); HT Thích Minh Hải: Tel: (619) 563-5817;
- Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III của GHPGVNTN HK sẽ được tổ chức tại Chùa Phật Đà, 4333 30<sup>th</sup> St., San Diego, CA 92104, bắt đầu vào lúc 9AM, Chủ Nhật, ngày 16-6-2019. Email: [chuanhatdada@yahoo.com](mailto:chuanhatdada@yahoo.com); HT Thích Nguyên Siêu: (619) 283-7655.

Thành tâm cung thỉnh chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni thành viên GHPGVNTN HK hoan hỷ sắp xếp Phật sự tại địa phương để có thể về tham dự Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2019 và Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III. Đồng thời kính mời quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTN HK hoan hỷ về tham dự Đại Hội đồng đủ.

Nhân dịp này, GHPGVNTN HK cũng tha thiết cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni đang hành đạo khắp nơi tại Hoa Kỳ hoan hỷ sắp xếp Phật sự tại địa phương để về tham dự Khóa An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên của GHPGVNTN HK vào ngày giờ nói trên. Sự hiện diện của chư tôn đức Tăng, Ni không những là cơ duyên quý báu để chúng ta cùng tu học, sách tấn và hỗ trợ lẫn nhau trên bước đường hành đạo, mà còn rất mong sự góp sức của chư tôn đức Tăng, Ni với Giáo Hội để chung lo xây dựng và phát triển nền Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ ngày càng hưng thịnh.

Vi mạng mạch của Phật Pháp và Phật sự chung, kính mong chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ hoan hỷ quang lâm và tham dự đồng đủ.

Cầu nguyện chư Phật gia bị cho tất cả mọi Phật sự của chúng ta đều thành tựu viên mãn.  
Trân trọng cung thỉnh và kính mời.

Santa Ana, ngày 12 tháng 1 năm 2019

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ Tịch



Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi Nhận:

- Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, và Ni Trưởng Hội Đồng Giáo Phẩm;
- Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên Hội Đồng Điều Hành;
- Chư tôn đức Tăng, Ni đang hành đạo tại Hoa Kỳ;
- Hồ sơ lưu.





## XUÂN TUỆ

*Niệm Phật tham thiên nghiệp chuyển lay,  
Niềm vui trí tuệ hiên chan đây  
Hương hoa kính ý cung minh đến  
Lễ nhạc thành tâm đón thiện lai  
Pháp ngữ thường tuyên huyền đạo hiện  
Thiền ngôn mãi thuyết chân tâm bày  
Xuân về thăm đẹp miền nhân thế  
Tết đến trang thờ rục rỡ mai.*

*thơ*

## CHÚC HIỀN

(khai bút đầu năm)  
California, Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi - 2019



# SƯ NHÀ TỔNG SANG HỌC THIỀN NHÀ TRẦN

*Nguyễn Giác*

## LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Nơi đây, chúng ta nói chuyện thế kỷ 13, đó là một thời nước lớn phía Bắc không thôi kinh ngạc khi nghĩ tới nước nhỏ Đại Việt phía Nam, cả về quân sự và Phật pháp. Về quân sự, đó là thời phá Tống bình Chiêm; về Phật pháp, đó là thời có một số nhà sư Trung Quốc sang Việt Nam du học. Hiện tượng các nhà sư quốc tế sang Việt Nam du học, xin học thiền từ thiền sư Việt Nam không phải chỉ trong thời này, mà đã có từ thời rất xưa. Nói "sư quốc tế" nơi đây là nói chuyện "sư Trung Quốc." Kể lại chuyện này để cả nước bình tâm trong thời ai cũng lo sợ bị sáp nhập vào phía Bắc: chỉ cần dân tộc sống thuận theo Phật pháp, ra sức học ngũ minh, tất nhiên có đủ phước đức và trí tuệ để đất nước độc lập, tự cường.

Thiền Tông Việt Nam đã từng có thời kỳ được nhiều vị sư Trung Quốc ngưỡng mộ, tìm sang Việt Nam du học. Lúc đó, nước Đại Việt đã có ít nhất là ba Phật học viện, với nhiều ngàn tăng, ni, cư sĩ theo học. Hãy hình dung rằng vào thời rất xa xưa, của thế kỷ thứ 13, khi chưa

có phi cơ, xe hơi hay xe lửa, bắt kể khoảng cách nhiều ngàn dặm xa giữa Việt Nam và Trung Quốc, phương tiện đi lại chủ yếu là thuyền, ngựa và đi bộ, một số nhà sư Trung Quốc tìm sang Việt Nam để học Thiền Tông thời nhà Trần.

Chúng ta không có con số chính xác bao nhiêu vị sư Trung Quốc sang Việt Nam để học Thiền, vì không phải chuyện ngoài đời lúc nào cũng được ghi vào sử sách. May mắn, tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh* viết bằng chữ Nôm của Thiền Sư Tuệ Đăng Chân Nguyên (1647-1726) đã kể lại, rằng có hai nhà sư Trung Quốc tìm sang Việt Nam vì nghe rằng Thiền Tông nhà Trần siêu xuất: một vị sang để khảo sát, một vị sang để xin học.

Theo *Thiền Tông Bản Hạnh*, vị Thiền sư Việt Nam nổi tiếng quốc tế vào thế kỷ thứ 13 là ngài Trần Thái Tông (1218-1277), vị hoàng đế đầu tiên của nhà Trần nước Đại Việt. Ngài Trần Thái Tông trong khi làm vua, vẫn thường xuyên tới tham học với các thiền sư Viên Chứng, Tức Lự, Ứng Thuận. Vua Trần Thái Tông nổi tiếng văn võ song toàn, ở ngôi từ năm 1225 tới năm 1258, sau đó làm Thái thượng hoàng cho đến khi qua đời.

Ngài Trần Thái Tông nổi tiếng quốc tế về hai phương diện: chỉ huy quân đội Đại Việt trong những cuộc chiến lớn đối với nước ngoài, và là bậc thầy truyền dạy Thiền Tông.

Ngài có tài quân sự, thường được sử gia đời sau gọi là phá Tống bình Chiêm. Theo Wikipedia, vào năm 1252, Trần Thái Tông thân chinh đánh Chiêm Thành, từ đó Chiêm Thành phải chính thức thần phục nhà Trần; sử Việt và thư từ ngoại giao giữa vua Trần với vua Mông Cổ đều xác định từ năm 1252 đến năm 1285, Chiêm Thành đã nhiều lần sai sứ sang triều cống.

Vào năm 1257, Tướng Mông Cổ Uriyangqatai (Ngột Lương Hợp Thai) dẫn gần 3 vạn quân tiến vào Đại Việt. Ngày 17 tháng 1 năm 1258, quân Mông Cổ đến Bình Lệ Nguyên (nay là huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc),



*Chùa Dâu, còn có tên là Diên Ứng, Pháp Vân, hay Cổ Châu, là một ngôi chùa nằm ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng 30 km. Đây là trung tâm Phật giáo cổ xưa nhất của Việt Nam. (Wikipedia)*



*Đền Thái Vi ở Hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình), nơi các vua Trần xuất gia. (Nguồn: Wikipedia)*

Trần Thái Tông đích thân đem sáu quân đi đánh, giao tranh thế yếu nên thu quân đến bến Lãnh Mỹ, sau đó xuống thuyền đi về Phù Lỗ, bị Tướng Mông Cổ Cacakdu truy sát. Hôm sau, ngày 18 tháng 1 năm 1258, vua Trần Thái Tông dàn quân chặn địch bên sông Cà Lồ ở Phù Lỗ. Quân Mông Cổ vượt sang sông Cà Lồ và đánh bại quân Đại Việt. Vua Trần lại chủ động rút quân về phía Thăng Long, rồi lui về sông Thiên Mạc (nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên), ban lệnh khởi động cuộc chiến toàn dân.

Quân Mông Cổ chiếm được kinh thành Thăng Long, song gặp nhiều khó khăn do thiếu lương thực trầm trọng. Mông Cổ phải chia quân đi cướp bóc ở vùng ngoại vi và phụ cận, nhưng bị dân chúng chặn đánh quyết liệt. Ngày 28 tháng 1 năm 1258, vua Trần Thái Tông thúc quân phản kích vào bến Đông Bộ Đầu, đánh tan quân Mông Cổ. Uriyangqatai phải rút quân khỏi Thăng Long và tháo chạy về Vân Nam.

Trần Thái Tông biết trước ngày viên tịch, để lại nhiều tác phẩm về Thiền Tông, trong đó nổi tiếng là: *Khóa Hư Lục*, *Lục Thời Sâm Hối Khoa Nghi*, *Kim Cương Tam Muội Chú Giải*, *Bình Đăng Lễ Sâm Văn*...

Về chuyện các nhà sư nhà Tống sang Việt Nam tìm hiểu Thiền Tông sẽ dựa vào tác phẩm Thiền Tông Bản Hạnh của ngài Chân Nguyên, bản dịch từ Nôm sang chữ quốc ngữ của Hoàng Xuân Hãn, và được hiệu đính và giảng giải bởi Thiền sư Thích Thanh Từ. Bài viết nơi đây, sẽ dựa vào sách *Thiền Tông Bản Hạnh Giảng Giải* (TTBHGG) của Thầy Thích Thanh Từ hiện lưu hành trên cả dạng sách giấy (NXB Thành Phố HCM, 1998), và có thể đọc trên mạng. (1)

Các dòng thơ từ 326 tới 408 kể Trần Thái Tông được hai nhà sư Trung Quốc tìm tới để vấn Thiền. Chúng ta đoán rằng, có thể các trao đổi là qua chữ viết, vì không rõ có phải quý ngài hai nước nói với nhau trực tiếp qua một

tiếng nói hay không.

Trong đó Thiền Phong là một Thiền sư Trung Hoa nổi tiếng, muốn biết thực hư có đúng rằng Thiền Tông đang rục rờ hoảng pháp ở Đại Việt hay không, nên sang khảo sát. Sau khi vấn Thiền, Thiền Phong khâm phục, đã ca ngợi Trần Nhân Tông là: *Sư trưởng là đại nhân duyên*... (câu thơ 334).

Các câu thơ từ 326 tới 335 trong TTBHGG kể chuyện Thiền sư Thiền Phong sang VN khảo sát, như sau:

*Thiền Phong là thầy nước người,  
Trí tuệ cao tài, kinh lịch chư bang.  
Tiếng đồn Việt quốc Đế Vương,  
Có Vua tu Đạo, người thường xảy qua.  
330. Xưng rằng : "Lâm Tế tông xưa,  
Pháp phái diễn thừa, vân thùy A Nam.  
Hội thiên tri thức lại tham,  
Ích mình tôn chỉ càng thâm lòng Thiền.  
Sư trưởng là đại nhân duyên,  
335. Thiện hữu trợ giáo hộ quyền Nam*

*Mô."*

Sách TTBHGG cũng kể rằng, lúc đó ngài Trần Nhân Tông đã mở ba trường dạy Thiền Tông.

Các câu thơ từ 336 tới 341 kể về tình hình ba Phật học viện do Trần Thái Tông mở ra, như sau:

*Thái Tông mở Phật trường đồ,  
Quỳnh Lâm, Tư phúc cùng chùa Hoa Yên.  
Trai Tăng ngũ bách dư viên,  
Thế phát thụ giáo thiên thiên vãn vãn.  
Thành thị cho đến lâm san,  
Tùy căn tu chứng, thanh nhàn yên cư.*

Sách này, các dòng thơ từ 342 tới 345, kể rằng nhà sư Trung Hoa tìm sang xin học Thiền nhà Trần là Đức Thành, như sau:

*Thuở ấy ngoại quốc tông sư,  
Lại nghe Nam Việt có Vua tu hành.  
Tên người là Tống Đức Thành,  
345. Trèo non lặn suối một mình tìm sang.*

Trước tiên là ngờ vực. Các dòng thơ từ 346 tới 356 kể chuyện sư Đức Thành chất vấn Trần Thái Tông, rằng tại sao các Thiền sư cổ đức nói rằng Đức Phật đã độ được chúng sanh ngay từ khi chưa hạ sanh đã dạy pháp giải thoát rồi (vị xuất mầu thai, độ nhân dĩ tất). Câu hỏi như thế là về pháp vô sanh, rằng khi trời đất chưa sanh, khi danh-sắc chưa hiện ra, khi niệm chưa khởi... Ngài Trần Thái Tông trả lời rằng, "Ngàn sông có nước thì ngàn sông có mặt trăng, muôn dặm không mây thì có muôn dặm trời." Bản gốc Thiền Tông Bản Hạnh ghi đoạn đối thoại đó bằng chữ Hán, và sách TTBHGG của Thầy Thanh Từ diễn ra chữ Nôm.

Có thể hiểu rằng chỉ một mặt trăng (pháp tánh) nhưng hiện ra cả ngàn mặt trăng khi có duyên là ngàn sông (cứ ngỡ thế giới đầy sai biệt), và khi bầu trời vắng mây (xa lìa tham sân si) thì tất cả sai biệt chỉ là một hư không

vắng lặng (muôn dặm trời). Các câu 346 tới 356 như sau:

*Vào châu bái tạ thiên nhan,  
Thiên gia làm lễ, dám tham lời rằng:*

*Đức Thành vẫn viết:*

*"Tích Thích Ca Thế Tôn*

**350.** *Vị ly Đâu Suất,*

*Dĩ giáng Vương cung,*

*Vị xuất mẫu thai,*

*Độ nhân dĩ tất. Thì như hà?"*

*Thái Tông Hoàng Đế đáp vân:*

**355.** *Thiên giang hữu thủy thiên giang  
nguyệt,*

*Vạn lý vô vân vạn lý thiên."*

Sư Đức Thành hỏi thêm rằng, vừa hỏi là nhờ Trần Thái Tông dạy về khi Đức Phật chưa hạ sanh, bây giờ hỏi khi Đức Phật đã ra đời, thì là thế nào. Trần Thái Tông dạy rằng, mây sanh trên đỉnh núi và hoa lau trên núi hòa vào một màu trắng, nước khi tới sông Tiêu và sông Tương chỉ có một màu trong. Nghĩa là, Đức Phật ra đời, dạy rằng "sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc..." Các câu thơ 357 tới 362 viết như sau:

*Đức Thành hựu vấn:*

*"Vị ly vị xuất môn khai thị,*

*Dĩ ly dĩ xuất sự nhược hà?"*

**360.** *Thái Tông đáp vân:*

*"Vân sinh nhạc đỉnh đồ lô bạch,*

*Thủy đảo Tiêu Tương nhất dạng thanh."*

Rồi Trần Thái Tông dạy tiếp rằng từ trong cái Pháp thân vắng lặng tròn đầy (pháp vô sanh) mới có thể độ cho tất cả khổ ách (các pháp đã sinh khởi). Chữ nguồn Tào là nói rằng Thiền Tông từ Huệ Năng (Tào Khê). Khi đã ngộ ra pháp này (bản tâm vốn rỗng không và tịch lặng) sẽ thấy các niệm tham sân si đều tan vào biển Như Thị (tùy hình ứng vật tự như). Tiếp theo, Trần Thái Tông rầy sư Đức Thành, rằng sao không hiểu nghĩa Như Lai của Đức Phật. Các câu thơ 368 tới 374 như sau:

*"Mây lên núi bạc bằng lau,*

*Nước xuống nguồn Tào vắt lặng thanh.*

**370.** *Pháp thân trạm tịch viên minh,*

*Tự tại tung hoành phổ mẫn thái hư.*

*Tùy hình ứng vật tự như,*

*Hóa thiên bách ức độ chư mọi loài.*

*Ứng hiện dưới đất trên trời,*

**370.** *Khấp hòa thế giới mọi nơi trong  
ngoài.*

*Đã đặt hiệu là Như Lai,*

*Sao còn hỏi xuất mẫu thai làm gì?*

*Nguyệt luân biến chiếu quang huy,*

*Thiên giang hữu thủy cũng thì bóng in."*

Rồi Đức Thành thắc mắc, do đâu Trần Thái Tông ngộ đạo. Trần Thái Tông trả lời rằng đó là ngộ từ Bát Nhã, rằng chư Phật ba đời đều từ Bát Nhã, rằng cả sư (Đức Thành) và ta (vua Trần Thái Tông) đều có sẵn một hạt minh châu,

ngộ được thì sẽ thấy viên dung pháp giới không gần, không xa.

Lời dạy này gợi nhớ tới Kinh SN 35.23 - Sabba Sutta: The All (2), khi Đức Phật dạy rằng thế giới vũ trụ thực ra chỉ là sáu nội xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và sáu ngoại xứ (cái được thấy, cái được nghe, cái được ngửi, cái được nếm, cái được xúc chạm, cái được suy nghĩ tư lường). Thấy như thế, tức khắc xa lìa tham sân si. Các câu thơ 375 tới 408 viết như sau:

**375.** *Đức Thành lại hỏi căn nguyên:*

*"Đế vương ngộ đạo nhân duyên như hà?"*

*Này lời Thái Tông thưa ra:*

*"Lưỡng mộc đồng hòa, đôi ta khác gì.*

*Đương cơ đối đáp thị thù,*

**380.** *Thật tính thi dụng cùng thì nhất ban.*

*Phóng ra bọc hết cần khôn,*

*Thu lại hoàn nhất mao đoan những là.*

*Ma Ha Bát Nhã Ba La,*

*Tam thế Chư Phật chứng đà nên công.*

**385.** *Thiên giang vạn thủy triều đông,*

*Ngộ đảo giá lý thật cùng tày nhau.*

*Phật tiền, Phật hậu trước sau,*

*Bát Nhã huyền chỉ đạo mẫu truyền cho.*

*Ai ai đạt giá đồng đồ,*

**390.** *Mỗi người mỗi có minh châu (châu)  
trong nhà.*

*Mùa xuân vạn thụ khai hoa,*

*Cành cao cành thấp vậy hòa chứng nên.*

*Vì nhất đại sự nhân duyên,*

*Xuất hiện vu thế Tam Thiên Ta Bà.*

**395.** *Ngại rông trút để bước ra,*

*Thế phát ở già, niệm Bụt tụng kinh.*

*Khác nào được xuất kim bình,*

*Há đi tu hành, cứu được vạn dân.*

*Bản lai thanh tịnh Pháp thân,*

**400.** *Viên dung pháp giới, đâu gần đâu xa.*

*Có chữ Đâu Phật Xuất Gia,*

*Vì vậy Trẫm phải bước chân ra ngoài."*

*Đức Thành tôn phục mọi lời,*

*Thật quyền Hoàng Giác ra đời độ nhân!*

**405.** *Đức Thành bái tạ Thánh Quân,*

*Thượng hoằng Phật đạo, hạ cần Vương gia.*

*Đức Thành lễ bái trở ra,*

*Tổng quốc khiêm nhượng nước ta Thánh  
Hiền.*

Chỉ có thể nói ngắn gọn rằng Thiền Tông Việt Nam tuyệt vời. Các sư Thiền Phong và Đức Thành hiển nhiên đã ca ngợi như thế.

### **GHI CHÚ:**

(1) Thiền Tông Bản Hạnh Giảng Giải:

<https://thuvienhoasen.org/images/file/mMKHpp1G0QgQALNr/thientongbanhanh.pdf>

(2) Kinh SN 35.23:

<https://www.accesstosight.org/tipitaka/sn/sn35/sn35.023.than.html>



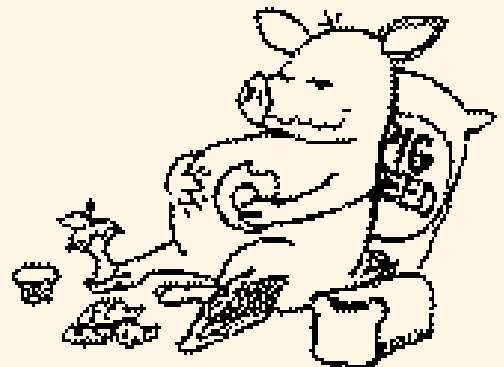
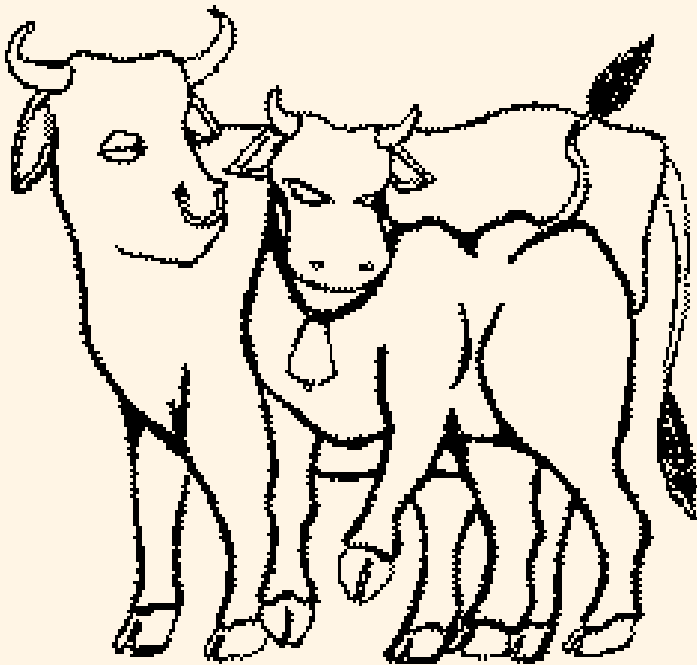
## ANH EM BÒ VÀ CHÚ HEO CON

Ngày xưa ở tại nông thôn  
Có gia đình nọ sống luôn thuận hòa  
Nuôi hai bò trong trại nhà  
Lông màu hung đỏ, mượt mà, dịu êm  
Hai bò đỏ là anh em  
Nhọc nhằn lao động thường xuyên cận kề.  
Nhà nuôi thêm một heo kia  
Số chàng heo sữa còn gì sướng hơn  
Chủ nhà lo thật chu toàn  
Bao nhiêu thức uống, đồ ăn tốt lành  
Khi rau cháo, lúc cơm canh  
Toàn là hạng nhất để dành heo con  
Đôi khi thêm cả đường ngon  
Heo ăn, heo ngủ chẳng còn làm chi  
Không di động, cứ nằm lì  
Suốt ngày im lặng, ít khi ồn ào.

Bò em nhìn thấy buồn sao  
Than: “Mình thời khổ! Heo nào cực thân!

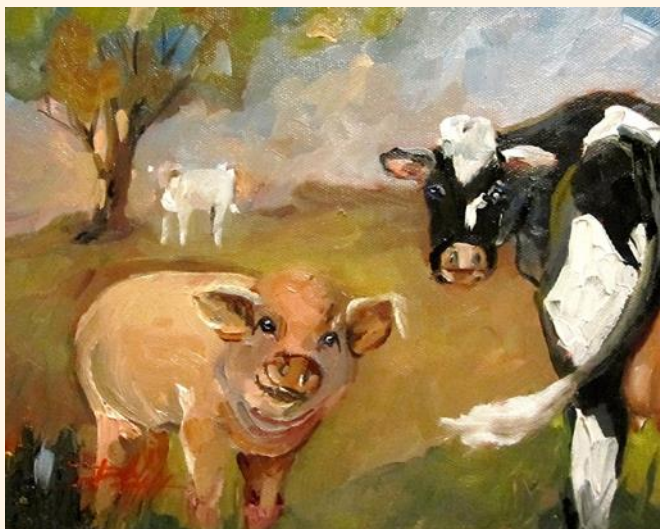
Mình thời làm việc nhọc nhằn  
Kéo xe chở nặng chạy lăn trên đường  
Kéo cày bừa khắp ruộng đồng  
Nắng hè nóng nực, gió đông lạnh lùng  
Uống ăn kham khổ vô cùng  
Toàn rơm vớ cỏ xoay vòng, thảm thay!

Mình mang lợi lộc hàng ngày  
Giúp thêm tài sản vào tay chủ mình  
Heo kia chẳng giúp gia đình  
Vậy mà được hưởng tốt lành quanh năm!”  
Bò em ghen tức cần nhẫn  
Hỏi anh với giọng bắn khoăn ngỡ ngàng.  
Bò anh kinh nghiệm, khôn ngoan  
Thấy em thắc mắc, nhẹ nhàng nhủ khuyên:  
“Em ơi chớ có muộn phiền  
Ghen tuông người khác chỉ thêm hiểm nghèo  
Đừng ghen tị với con heo  
Chủ mà đãi ngộ là điều nguy nan



Đồ ngon ngọt của chủ nhân  
 Chính là 'thực phẩm tử thân', ham chi!  
 Nhà này, em nhớ lại đi  
 Cô con gái chủ nay thì lớn khôn  
 Giờ cô chuẩn bị kết hôn  
 Tiệc mừng đãi khách kéo luôn mấy ngày  
 Món ăn chính là heo này  
 Nên heo đặc biệt từ ngay bây giờ  
 Được nuôi béo để đợi chờ  
 Người ta làm thịt, xốt xa vô cùng  
 Vài ngày nữa có tiệc tùng  
 Họ hàng ở khắp các vùng chung quanh  
 Kéo về dự lễ linh đình  
 Bây giờ heo sẽ trở thành món ăn  
 Người lôi đầu, kẻ kéo chân  
 Dem heo giết thịt! Tắm thân tan tành!"

Đúng như lời của bò anh  
 Ít hôm khách tới gia đình rất đông  
 Chủ nhà gả gái đầu lòng  
 Cho nên đám cưới vô cùng dềnh dang  
 Heo kia bị giết thảm thương  
 Làm thành nhiều món thông thường ngon soi  
 Bò anh lúc đó thốt lời  
 Nói về kinh nghiệm cuộc đời đầy đura:  
 "Em ơi em nhận ra chưa  
 Chuyện heo lâm nạn như vừa xảy ra?"  
 Bò em: "Dạ thấy rõ mà  
 Giờ em hiểu chuyện xốt xa này rồi!"  
 Bò anh nói tiếp ngậm ngùi:  
 "Đây là hậu quả của thời vàng son  
 Được chiều đãi, được ăn ngon  
 Được nuôi tử tế là còn khó đâu!  
 Phần mình quý hoá gì đâu  
 Rơm khô, cỏ úa từ lâu chán chường  
 Món ăn thật quá tầm thường  
 Nhưng so ra vẫn trăm đường tốt hơn  
 Hơn cơm dẻo, hơn gạo thơm  
 Hơn đồ ngon ngọt heo luôn được dùng  
 Điều này dễ hiểu vô cùng  
 Mình ăn những thứ tuy không ngon lành  
 Nhưng không gây hại cho mình  
 Mà rồi tuổi thọ tăng nhanh, kéo dài."



Pig and cow by Delilah Smith

Đừng nên khi sống trên đời  
 Vội vàng ghen tức với người hơn ta  
 Nên tìm hiểu cho rõ ra  
 Giá nào phải trả để mà hưởng vui!"

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN  
 Bò anh là tiền thân Đức Phật. Bò em là  
 Ananda.

thơ

## TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi  
 BIG RED, LITTLE RED AND NO-  
 SQUEAL của Ven. Kurunegoda Piyatissa  
 & Tod Anderson)

# VÀNG BẠC LÀ OÁN TẶC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

**V**àng bạc thường làm hắc ám tâm trí những ai không đủ ý chí nghị lực làm chủ nó.

Một học giả tây phương đã từng nói “Tiền bạc là người đầy tớ tốt, nhưng lại là một ông chủ xấu xa.” Bởi tiền bạc khơi dậy lòng tham vốn không đầy xúi dục ta hành động bạo tàn tạo ác nghiệp oán đội kéo dài trầm luân trong bể khổ luân hồi nghiệp báo.

Trong Đại Tạng Kinh có câu chuyện:

Ngày Phật còn tại thế. Một hôm ngài dẫn môn đồ du phương khất thực trên một con đường lớn. Bỗng ngài rẽ qua một lối nhỏ. A Nan thấy vậy bèn hỏi nguyên nhân. Phật bảo: “Ở trước kia có oán tặc đón đường. Chốc nữa có ba người Phạm chí đến tất bị hại.”

Sau đó có ba người Phạm chí đi băng qua đây. Dưới một gốc cây to mát họ bắt gặp một bao đầy vàng ngọc châu báu và còn vung vãi cả ra bốn phía nữa.

Họ lượm chất lại một chỗ rồi cùng bàn với nhau rằng: Giờ cũng đã trưa. Hai người ở lại giữ vàng ngọc. Một người xuống đồi vào chợ mua thức ăn ngon lên đánh chén một bữa rồi chia đều ba phần kho báu quý này.

Khi trên đường đi đến chợ người Phạm chí nghĩ: “Bây giờ ta mua độc được bỏ vào thức ăn. Hai thằng ăn vào ắt chết tốt. Thế là mình làm chủ

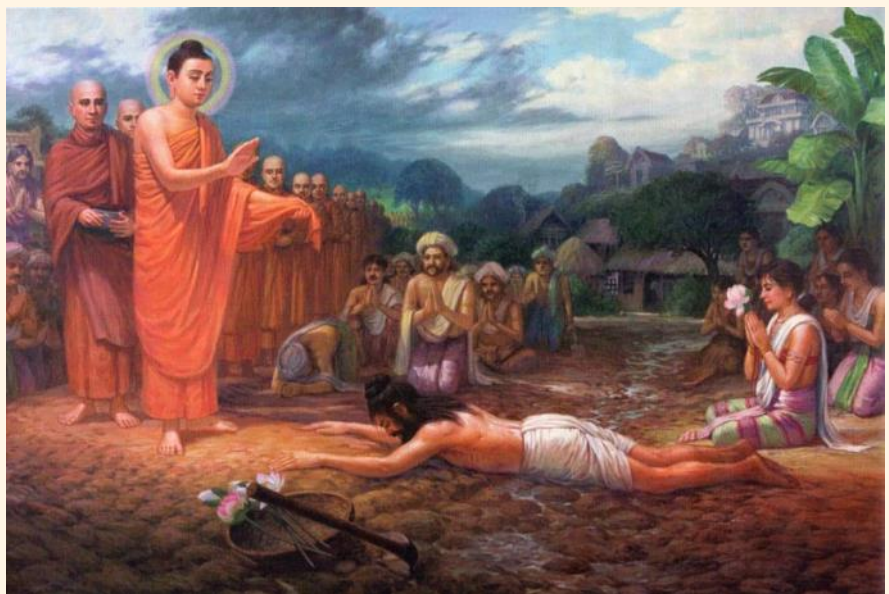
trọn vẹn số vàng ngọc vô giá kia.” Anh bèn thực hiện kế hoạch đầu độc xong mới đem thức ăn về. Hai phạm chí ngồi trên bao vàng ngọc dưới gốc cây mưu tính cùng nhau khi đứa kia trở về sẽ bắt ngờ dùng gậy đánh chết và chia hai số vàng bạc ấy. Có tiếng chân người đến, chúng nhìn ra là bạn mình đã đem thức ăn về. Khi đến nơi bất ngờ bị hai bạn đồng hành đánh chết. Chúng khiêng ném thầy bạn vào rừng rồi lấy đồ ăn ra ăn ra dùng. Khi chúng no say định phân chia tiền bạc thì thuốc độc ngấm vào nội tạng ngã lăn ra chết.

Qua giờ ngộ trai. Phật đưa đại chúng trở lại đường cũ. Thầy trò làm lễ hỏa táng

cho ba Phạm chí rồi bỏ đi.

Cho nên giới luật nhà Phật cấm hàng xuất gia không được thủ giữ vàng Bạc kim khí quý, đá quý. Châm ngôn của hàng xuất gia là “Xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần.” Xả thân thì diệt được cái ta, cho nên cố chấp, hẹp hòi, sân hận, si mê, tật đố, nghi kỵ không sanh. Xả phú thì hành hạnh bố thí nên tâm tham không phát khởi, từ đó mới có thể tăng trưởng trí tuệ mà ngộ nhập đạo lý vô thường.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—  
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)







# TẤT CẢ CHO SỰ HÒA HỢP

(*Lá Thư Đầu Tiên* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Trong Đại Tạng có câu chuyện: Lúc Phật tại thế, có một lần ngài A Nan và ngài A Thù có một hiểu lầm nhỏ nhưng vì chưa ngồi lại lắng nghe nhau nên “cái mảy xẩy cái ung,” dần dần Tăng đoàn trở nên bất hòa hiệp.

Vốn là một trưởng giả giàu có, đức tin Tam bảo rất lớn lại đầy thiện tâm, thường làm việc phước đức. Trưởng giả được ngài A Thù hướng dẫn tu tập theo chánh pháp. Ngoài đứa con trai của mình, ông còn nuôi thêm một người cháu (con người em), chủ tâm dạy dỗ cháu nên người. Nuôi dưỡng như nhau mà nghiệp duyên có khác.

Khi về già, một hôm nhuốm bệnh, trưởng lão cảm nhận mình không qua khỏi, liền cho người cung thỉnh ngài A Thù đến phó chúc: “Ngoài của cải hiện có, còn số châu báu đệ tử cất riêng ở đây, nhờ thầy gìn giữ, khi nào con, cháu đệ tử thành niên, đứa nào ăn ở hiền lương, biết cung kính Tam Bảo, thầy trao cho đứa ấy để thêm phương tiện làm việc phước đức.”

Ngài A Thù hứa khà.

Mười lăm năm sau, con, cháu của trưởng giả đều đã trưởng thành, nhưng người con ruột thì ăn tiêu phung phí, bài bạc sa đọa, còn người cháu thì siêng năng cần mẫn lại hiền hòa nhân ái, biết tôn quý Tam bảo.

Ngài A Thù theo lời phó chúc, trao châu báu cho người cháu. Chàng ta trích ra một phần ba giúp anh, một phần ba xây dựng tịnh thất cúng dường chúng tăng, một phần ba bố thí cho người nghèo khổ, không giữ lại trong tay

một chút nào. Vẫn với đôi bàn tay kiếm sống.

Khi hay tài sản của cha mình, ngài A Thù đã trao trọn cho em, người con vô cùng tức giận, đến hỏi ngài A Nan: “Luật lệ xử chúng ta, khi cha mẹ chết, tài sản để lại, con được hưởng hay cháu?” Ngài A Nan theo thường tình trả lời: “Dĩ nhiên con ruột được thừa kế, trừ khi không có con ruột, cháu mới được hưởng.”

Rồi người con thưa lại chuyện với ngài A Nan, chuyện ngài A Thù trao tài sản của ông trưởng giả cho người cháu.

Ngài A Nan liền tìm gặp ngài A Thù khiển trách điều đó,

Ngài A Thù im lặng. Nhưng từ bất đồng quan điểm này (mà đã lắng nghe nhau trình bày đầu?) Tăng đoàn bất hòa hiệp, tại trú xứ không bố tát, thí chủ không thể nào cúng dường, tín đồ rất buồn nản.

Rồi một sớm mai, ngài La Hưu La hành cước qua xứ này, có 500 tín nữ ra lễ bái, nhưng ai nấy đều ưu sầu. Ngài La Hưu La tìm hiểu nguyên do, thì ra họ ưu sầu vì chuyện bất hòa hiệp tăng. Rồi các tín nữ đồng thưa: “Bất hòa hiệp tăng là một điều đau xót vô cùng, kính nhờ ngài tìm cách hóa giải.”

Ngài La Hưu La dặn dò họ mấy điều trước khi tiếp tục lên đường, ngài còn ngoảnh lại bảo thêm: mười lăm ngày nữa ngài A Nan sẽ hành hóa qua đây, nhớ làm theo lời ta dặn.

Quả đúng mười lăm ngày sau, ngài A Nan đi qua, 500 tín nữ đều ẵm con dại ra đón, đặt con xuống đất, đánh lễ,

rồi quỳ mãi ở đấy, để con khóc la khan cả tiếng mà không bẽ lên. Ngài A Nan hỏi: “Các người không thương con mình sao?” Các tín nữ trả lời: “Mẹ nào lại không thương con, để con lăn lóc thế này chúng con đứt cả ruột, nhưng Tăng đoàn mất hòa hiệp, không bố tát kiết giới được thì còn đau xót gấp bội phần.” Nghe thế, ngài A Nan nảy tâm tâm quý, trở về xin ngài Ưu Bà Ly hội chúng để xin phát lồ sám hối.

Khi hội chúng đồng đảo, ngài A Nan thuật lại câu chuyện rồi thành khẩn: “Thưa đại chúng, ngài A Thù không có tội gì cả, chính tôi là người có tội vì không suy xét tìm hiểu nguyên nhân nào ngài A Thù xử sự không theo lệ thường mà vội vàng khiến trách, không thực hiện ‘Y hòa đồng duyệt,’ tôi xin đánh lễ sám hối.”

Ngài A Thù cũng ra trước đại chúng phát lồ: “Chính tôi mới là kẻ có tội, đệ tử của Như Lai mà không vận dụng ‘Kiến hòa đồng giải’ để xảy ra bất hòa hiệp, làm giảm thanh danh Tăng đoàn, Tôi xin thành tâm sám hối.”

Đại chúng vô cùng hoan hỷ. Sau đó tịnh xá trở lại sinh hoạt bình thường, thiện tri thức ngày thêm đông đảo, giáo pháp càng được xiển dương, Tăng đoàn hưng thịnh.

Những câu chuyện đại để như thế thường được các đại đệ tử của Phật hồi đó hoặc các vị Tổ sau này ghi chép lại trong kinh điển để giáo dục hàng đệ tử hậu thế, chúng ta gọi là “MẪU CHUYỆN ĐẠO.”

(Trích *Những cánh Thư Lạ* của Htr. Nguyễn Từ Nguyễn Đức Thương)

## TỰ XUÂN

chiều lụa bạch nghe mùa đông trở giấc  
sâu mắt em lơ lả bông tuyết buồn  
trong tĩnh lặng . anh . hiện thân nỗi nhớ  
chợt nồng nàn rơi rất nhẹ... giọt sương

thơm gió non nắng chào xuân rộn rã  
thêu nhánh ngày hôn hoa thức điểm trang  
vạt hồng đào kiêu sa người Tôn Nữ  
buổi yêu đầu thao thiết nghĩa tào khang

muội nỗi nhớ chín sâu lên ngọn mắt  
chợt anh về qua giấc mộng bình yên  
tiếng gọi xưa lời yêu thương nồng nỗi  
mãi trăm lần . nghe . bèo bọt nỗi riêng

mâm hoa rộ xanh mùa mắt lá ngọc  
vào đời nhau êm ái bước dương cầm  
khúc sử tình . tay ngoạn làn trang chếp  
giục giã cánh môi tiếng thưa dạ . mời xuân



thơ YÊN CHI

## GIÁC XƯA

người có đến  
tiếng cười  
lao xao lá  
dưới tàng cây  
ta lặng đêm bước người  
nắng đầu xuân  
soi dấu tình  
đến lạ  
nhẹ trên tay  
duyên dáng khẽ: năm... mười...

tháng ba về  
mùa xuân vời lên mắt  
động giữa môi  
khơi lại đóm lửa hồng  
còn thấy nhau  
sợi tóc bay  
buồn nhắc  
kiệt sức ta  
một sợi rối... đan vòng

đầu con gió  
hồn căng ta mỗi cánh  
gọi tên người  
mây ngưng tím  
trùng âm  
khúc nhạc đời  
không êm lời kinh thánh  
lạc nhau rồi  
tình tro đá  
u trầm

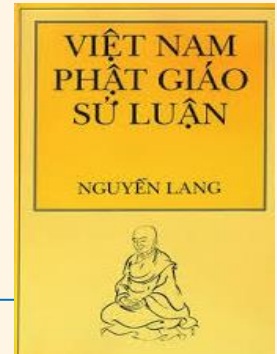
người có đến  
trong ta  
người có đến  
nụ tâm xuân  
mâm trở đóa giao mùa  
dáng hoa ơi!  
lụa là thơm nắng mới  
từ trong ta  
mộng hoá  
một giấc xưa...

# CÁC DANH TẶNG ĐỜI NGUYỄN

(Chương XXV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

*Nguyễn Lang*

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



Vua Gia Long thăng Tây Sơn, lên ngôi năm 1802. Những năm chinh chiến đã để lại bao nhiêu đổ nát trong xứ sở. Tự viện và tăng sĩ cũng chịu chung số phận: nhiều chùa chiền bị phá hủy, các trung tâm tu học bị giải tán, tăng sĩ tản mác mọi nơi. Một số các cao tăng trở về kiến thiết lại các tổ đình và tổ chức trở lại sự tu học.

Các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức cũng có để tâm đôi chút về việc phục hưng lại đạo Phật. Năm 1815, vua Gia Long sắc tu bổ lại chùa Thiên Mụ. Năm 1826, vua Minh Mạng lại sắc dựng lại chùa Thánh Duyên. Chùa này ở gần cửa biển Tư Hiền, tỉnh Thừa Thiên, do chúa Nguyễn Phúc Chu lập, và bị phá hủy trong cuộc chiến tranh Tây Sơn. Năm 1830, vua Minh Mạng triệu cao tăng các tỉnh về Kinh, nhờ Bộ Lễ xem xét rồi ban cấp giới đạo và độ điệp (125). Có cả thầy năm mươi ba vị được cấp giới và độ điệp, trong đó có Phúc Điền, người san hành sách *Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục*. Năm 1844, vua Thiệu Trị, theo di chúc của vua Minh Mạng, sắc dựng một ngôi tháp lớn bảy tầng ở chùa Thiên Mụ, gọi là Từ Nhân Tháp (126). Cũng trong năm này, vua sắc dựng chùa Diệu Đế. Năm 1849, vua Tự Đức sắc các chùa công như Thiên Mụ, Giác Hoàng, Thánh Duyên, Tam Thai, v.v... mỗi chùa phải được chủ trì bởi một vị tăng cương để lãnh đạo tăng chúng tu học, các vị tăng cương này đều có lương bổng của chính phủ chi cấp. Năm 1853, vua Tự Đức lại sắc ban ruộng đất cho các chùa như Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên, Linh Hữu, Long Quang, Tam Thai, Ứng Chân và Khải Tường.

## THIÊN SƯ MẬT HOẢNG

Thiền sư Mật Hoảng là người tỉnh Bình Định, đệ tử của thiền sư Linh Nhạc, thuộc pháp phái Nguyên Thiều. Khoảng đầu thế kỷ thứ mười chín, ông hành đạo tại các miền vùng Gia Định, và đạo phong ông được vua Gia Long biết đến. Năm 1815, vua Gia Long triệu ông về

kinh, ban cấp chứng chỉ Tăng Cương và thỉnh ông trú trì tổ đình Quốc Ân do thiền sư Nguyên Thiều khai sơn. Ông đã trùng tu tổ đình này, biến Quốc Ân thành một phạm vũ lớn. Sau đó ông lại khởi sự trùng tu chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định, chùa gốc của ông và cũng do thiền sư Nguyên Thiều sáng lập.

## THIÊN SƯ PHỔ TỊNH

Thiền sư Phổ Tịnh người tỉnh Quảng Nam, hiệu là Đạo Minh, đệ tử của thiền sư Chiêu Nhiên, thuộc phái Liễu Quán. Năm 1808, ông được bà Hiến Khương hoàng thái hậu thỉnh trú trì chùa Thiên Thọ (tức chùa Báo Quốc bây giờ). Ông tịch năm 1816. Ông có một người đệ tử xuất sắc là thiền sư Nhất Định.

## THIÊN SƯ THANH ĐÀM

Thiền sư Thanh Đàm hiệu Minh Chính là trú trì chùa Bích Động ở làng Đạm Khê, phủ An Khánh, tỉnh Ninh Bình. Ông là đệ tử của thiền sư Đạo Nguyên, lúc bây giờ đang chủ trì thiền viện Nguyệt Quang, một tổ đình của môn phái Chân Nguyên. Thanh Đàm xuất gia năm 1807, thọ cụ túc giới năm 1810. Đến năm 1819, ông sáng tác sách *Pháp Hoa Đề Cương* tại Liêm Khê Viện. Năm 1843, ông sáng tác sách *Tâm Kinh Trực Giải*.

Hồi mới xuất gia, một hôm ông hỏi thiền sư Đạo Nguyên:

- Tâm không phải ở trong thân, cũng không ở ngoài thân, cũng không ở chặng giữa. Vậy tâm rốt cuộc nằm ở đâu?

Đạo Nguyên mỉm cười xoa đầu ông và cho ông bài kệ:

*Ứng dụng theo thời*

*Gặp vật thấy cơ*

*Chân tính như như*

*Trọng ngoài chẳng nên*

**Tùy thời ứng dụng**

**Ngộ vật kiến cơ**

**Tính bản như như**

**Hà quan nội ngoại).**



Ngày thọ giới cụ túc, ông cũng được Đạo Nguyên cho một bài kệ:

*Trần phóng hào quang đầu phải Phật  
Dưới chân mây trắng chứa là tiên  
Hãy nuôi trâu nợ cho cường tráng  
Hôm sớm cày sâu đám ruộng mình.  
(Quang phóng mi gian vô đạo Phật  
Văn sinh túc hạ vị ngôn tiên  
Nhiều quân bão dưỡng ngưu phi tráng  
Triều tịch thực canh bí thốn điền).*

### Pháp Hoa Đề Cương

*Pháp Hoa Đề Cương* là một tác phẩm biên khảo giá trị. Văn của Thanh Đàm viết gọn, chen lẫn thơ kệ và có nhiều giá trị văn học. *Pháp Hoa Đề Cương* có thể nói là cẩm nang cho người đọc kinh *Pháp Hoa*. Cũng như có địa bàn trong tay người thủ không còn sợ mất bến mất bờ, có *Pháp Hoa Đề Cương* thì người đọc kinh sẽ nắm được ý chỉ của Kinh. Thanh Đàm đã đọc *Pháp Hoa* với con mắt của nhà Thiền học. Ông lại thường hay đối chiếu *Pháp Hoa* với *Lãng Nghiêm* và *Kim Cương* nhận thức của ông về giải thoát được trình bày gọn ghẽ trong bài *Bạt* nói về năm chữ *Diệu pháp Liên Hoa Kinh*. Theo ông, Diệu tức là Tâm, là chân tâm sáng suốt tròn đầy. Chân tâm này không thể đạt tới bằng suy tư và nghị luận. Còn Pháp là Căn, Trần và Thức. Căn, Trần, Thức đều do chân tâm lưu xuất. Trong ba thứ: căn, trần và thức thì căn là thứ gần gũi nhất, có thể quán sát để tìm về chân tâm. Không thể chỉ bày Chân Tâm, chỉ có thể chỉ bày dấu vết ứng dụng của chân tâm trên căn tính. Căn tính cũng như mặt trăng thứ hai mà ta trông thấy khi ta dụi mắt, nhưng mặt trăng thứ hai tuy hư vọng nhưng cũng cùng một thể với mặt trăng thứ nhất. Căn tính cũng cùng một thực thể với chân tâm.

Người tu đạo do sự quán sát sự ứng dụng của tâm trên căn trần mà thông đạt tới chân tâm hay là tự tính, và ngộ đạo. Sau đây là những dòng của Thanh Đàm viết:

"Diệu là chỉ chân tâm thanh tịnh xưa nay. Tâm này từ vô thủy đến nay tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, nơi thánh không thêm, nơi phàm không bớt, lấm không dơ, rửa không sạch, lặn lẽ tròn đầy pháp giới, mênh mông đầy khắp không hư. Tâm là nguồn gốc của chư Phật mà cũng là Phật tính của chúng sinh, nguyên không có tướng trạng và mọi tướng trạng đều từ đó phát hiện, vốn là chân không mà cái không lại cũng từ đây sinh ra. {Tâm ấy} giống như viên ngọc ma ni trong vắt, không có màu sắc mà gọi màu sắc có thể tự do xuất phát; cũng như biển giác lặn đầy, ảnh chiếu lục trần mà không nhận một hạt bụi, là họa sư vẽ nên mười pháp giới, là mẹ trí tuệ của tất cả các đức Như Lai. Kinh *Hoa Nghiêm* có nói:

*Nếu ai muốn hiểu biết  
Các đức Phật ba đời  
Hãy quán sát pháp giới:*

### Tất cả do tâm tạo.

Mục đích tối hậu của sự tu tập là tâm ấy vậy.

Hỏi: Tâm linh diệu như thế làm sao nắm được?

Đáp: Ngôn thuyết và biểu thị không thể nắm được chân tâm. Kinh *Pháp Hoa* nói rằng:

*Thôi, thôi! đừng nên nói  
Pháp ta màu, không nghĩ  
Những kẻ tặng thượng mạn  
Nghe thấy chẳng kính tin.*

Hai chữ "thôi, thôi!" diễn tả được bản thể bất động của Tâm. Ba chữ: "đừng nên nói" có nghĩa là tâm vượt ra khỏi đối tượng của ngôn thuyết và biểu thị. Chữ "ta" chỉ bản tâm của chính mình. Chữ "pháp" chỉ cho sự ứng dụng của tri kiến. Chữ "màu" chỉ cho sự linh diệu của Tâm, từ Tâm phát sinh ra mọi pháp mà chính tâm thì không có tướng trạng nào hết. Hai chữ "khó nghĩ" có nghĩa là không thể tư duy về Tâm. Tổ sư đã dạy: "Móng Tâm là đã sai, động niệm đã trái," vì vậy cho nên nói "màu khó nghĩ." "Những kẻ tặng thượng mạn" là ai? Đó là những người vướng vào tướng, chấp và pháp, những người đang cưỡi trâu mà lại tìm trâu, đem đèn đã cháy mà xin lửa, trên tuyết còn thêm sương. Đó là những kẻ tự khinh mình, cho rằng cái linh diệu kia chỉ có tổ và Phật mới có, ta chẳng thể nào có được, cho nên mới chạy tìm bên ngoài. "Nghe thấy chẳng kính tin" nghĩa là nếu đã tự khinh mình, cho rằng tâm linh diệu đó không phải của mình, cho nên không biết quý trọng giữ gìn, như đứa con nghèo khó kia (127). Nếu nhận ra được rằng nhà mình có của báu, thì không còn tự khinh cũng không còn nghèo đói. Mỗi phút giây trở về nhìn lại Hào Quang màu nhiệm, không cần tìm đuổi theo ngôn ngữ và phân biệt, đó gọi là kẻ biết kính tin. Kính tin lại thêm kính tin, viên ngọc gia bảo màu nhiệm kia, màu nhiệm thay, cũng một lúc tất cả chúng ta đều có. Vậy hãy "Thôi, thôi! đừng nên nói!"

Bài tụng về cái Diệu của Diệu như sau:  
*Không hình không trạng cũng không tên  
Màu nhiệm trong lòng một điểm linh  
Thường tịch viên thông soi pháp giới  
Bản lai thanh tịnh rạng chân tinh  
Từ đây phát hiện nên Chư Phật  
Do đây thành ra có chúng sinh  
Đứa con nghèo khổ lưu linh mãi  
Quên mất người cha của tự mình.*

*Pháp* là tất cả mọi vật, là sự ứng dụng của Diệu Tâm. Diệu Tâm là nguồn thiêng của mọi vật. Pháp là Tâm, Tâm là Pháp. Pháp là *tùy duyên* của Diệu Hữu – khi không nhiễm thì gọi là *diệu pháp*. Tâm là *ứng vật* của Chân Không, nên không vướng vào trần thì gọi là *chân tâm*. Mượn cái gì mà nói được về chân tâm? Nói về diệu pháp thế nào để không ngăn ngại sự tu chứng? Các pháp môn để tu chứng thì nhiều vô lượng, ta phải tìm pháp môn nào gần nhất để đi vào... Và lại các pháp tuy vô số mà bất quá đều quy về *căn, trần và thức*. Ba thứ này đều

do Diệu Tâm hiển hiện, cho nên thường nói “pháp từ tâm sinh khởi, tâm là nguồn pháp”. Một niệm nghĩ lúc ban sơ đã khiến cho biến hóa vạn cách, trôi nổi liên tiếp, sinh diệt luân hồi, cho mãi đến bây giờ vẫn còn đuổi theo vọng tưởng, quên mất chân tính, giống như anh chàng Diễm Nhã (128) quên đầu nhận bóng. Nay muốn khai thị và đốn ngộ nguồn tâm thì trước hết phải biết *thức* là huyền ảnh, *trần* là hoa đốm hư không, cả hai thứ đều không tự sử dụng làm căn cứ để tu hành; phải lấy căn làm phương tiện gần gũi để tu tập. Tại sao vậy? Tại vì trần không có tự thể. *Thức* cũng không có tự thể thực hữu, nhờ *trần* cho nên mới sinh diệt và qua lại được. Đã sinh diệt qua lại tức là vô thường. Chỉ có *căn tính* mới là thường tại, nên Phật bảo căn tính này là Diệu Căn, Căn Pháp là Diệu Pháp. Căn Pháp dù cũng do tâm hiện ra, như mặt trăng thứ hai cùng với mặt trăng thứ nhất là một, lúc mờ mí mắt thì có, lúc biết thì không có, thể thôi. Khi có vọng tưởng thì căn tính là chân tâm thứ hai vậy. Khi ở trong trạng thái vô tướng linh tri, thì chân tâm là cái chân tâm thứ nhất. Tuy vậy căn tính và linh tri cùng một thể, chỉ khi mê thì thấy có căn tính, khi ngộ thì căn tính không còn. Căn tính ấy cũng là một với bản tâm thanh tịnh xưa nay, không hư huyền như Trần và Thức. Cho nên Pháp chỉ bày rằng căn tính là nhân địa gần nhất cho sự tu hành, khiến cho chúng sinh có thể đi vào chân tâm bằng cánh cửa căn tính; vào dòng, trở nên đầu nguồn, thấy được tâm thể xưa nay của mình. Hỏi: Tại sao không chỉ thẳng *cái thứ nhất* là Diệu tâm xưa nay; mà lại chỉ *cái thứ hai* là Căn Tính để làm phương tiện tu hành? Đáp: Tâm vốn vô hình, làm sao mà chỉ?

Trước kia tôi đã nói một lần rồi: ngôn thuyết và biểu thị không nắm được Tâm. Tuy vậy, dù Tâm vô hình, nhưng sự ứng dụng của căn lại có vết tích, vì có vết tích nên có thể chỉ bày, khiến cho người tu học có thể nhìn vết tích của sự ứng dụng, do ánh sáng ấy mà về được Tâm.

Hỏi: Dấu vết ấy ở đâu?

Đáp: Ở trên đối tượng lục trần. Do sức mà có cái thấy, do thanh mà có cái nghe: lục trần là dấu vết ứng dụng của lục căn. Nay muốn nắm được dấu vết của thì phải quán sát cái thấy cái nghe nơi đối tượng sắc thanh. Nên biết rằng công dụng của Căn là công dụng của Tâm, căn nhận thức là tâm nhận thức; cái khác nhau là căn có sáu công dụng mà tâm chỉ có một bản thể tinh minh. Các Đức Phật truyền cho nhau căn pháp này, các vị tổ truyền nhau Tâm Tông ấy ấy. Đó là bí quyết mà các kinh chỉ bày để đắc căn bản trí. Pháp ấn truyền giữ qua các thời đại cũng lấy cái ấy để phát giác sơ tâm. Chứng ngộ mau hay chậm là vì căn cơ rộng hay hẹp. Nên biết rằng pháp này được đặt tên tùy theo tương hợp và địa phương, tuy sai biệt vô cùng mà cũng chỉ là pháp ấy. Lại cũng nên biết là danh hiệu của chư Phật và đề mục của các kinh cũng đều là biệt hiệu của pháp ấy.

Hỏi: Tâm ấy làm sao mà trao truyền?

Đáp: Đức Thế Tôn đưa lên một nhánh hoa, Ca Diếp mỉm cười, sau đó các tổ truyền lại, giữ gìn, trường hợp khác nhau, chỉ có người giác ngộ mới tự biết lấy.

Hỏi: Tu trì làm sao?

Đáp: “Thôi, thôi!” đó là phương pháp; thiền sư Đạo Xuyên nói:

*Tri âm, tự khắc từng theo gió  
Trắng trong gió mát đất trời nhàn.*

Lại nói:

*Nằm được ở tâm  
Ứng được ở tay  
Tuyết gió hoa trắng  
Trời đất lâu dài  
Cứ hễ cánh năm gà gáy sáng  
Xuân về hoa núi nở ngàn nơi.*

Hỏi: Mục đích tối hậu là gì?

Đáp: Phổ Hóa hòa thượng nói: “Tìm chỗ đi tới không được.” Và bài kệ nguyện trong kinh *Hoa Nghiêm* cũng nói:

*“Nghiêng mình làm lễ trước biển Chân Tính  
Hoa Nghiêm và trước tất cả các bậc quang  
minh biển chiếu trước thế giới trang nghiêm do  
hạnh nguyện Phổ Hiền thiết lập và trước kho  
tàng pháp giới Chân Như.”*

Thôi xin chào, xin chào! Có bài kệ về pháp của Pháp như sau:

*Vạn pháp tuy nhiều không đếm xiết  
Chung quy cũng chỉ Thức Căn Trần.  
Huyền duyên dư ảnh dù không thực  
Chân tri chính kiến vẫn bao dung  
Gặp thầy chỉ dạy đường mê ngộ  
Thấy Phật tìm ra lẽ sắc không  
Nếu muốn lên mà bờ bến giác  
Con đường trước mặt chớ lẫn khân.*

### **Bát Nhã Trực Giải**

*Bát Nhã Trực Giải* là một tác phẩm nhằm giải thích *Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*. Tác phẩm này cũng chứa đầy thi, kệ và tán như tác phẩm trước. *Tâm Kinh* được xét dưới bốn khía cạnh: *tín* (đức tin), *giải* (sự thông hiểu), *hành* (sự thực hành) và *chứng* (sự đạt đạo). Thiền sư Thanh Đàm phân tích kinh ý ra mười mục như sau:

- 1- Đề mục
- 2- Chính nhân
- 3- Hạnh môn
- 4- Khai thị
- 5- Thực tướng
- 6- Tào nhị chấp
- 7- Vô sở đắc
- 8- Tịch diệt
- 9- Tu chứng
- 10- Nguyên mẫn

Sau đó, Thanh Đàm giải thích bài kệ Bát Nhã của Cổ Đức, bàn về Lục Căn, Thất Đại.

### **Đề Án Tham Cứu**

Thiền sư Thanh Đàm chịu ảnh hưởng rất sâu đậm bài kệ đầu tiên mà Đạo Nguyên trao cho mình, cho nên tất cả phương pháp tu hành mà ông chỉ bày nằm gọn trong các chữ “Tùy

thời ứng dụng," "Ngộ vật kiến cơ." Ông đã hiểu tám chữ đó trong ánh sáng của *Pháp Hoa, Lăng Nghiêm và Bát Nhã*. Ông đề ra ba công án sau đây để giúp độc giả của ông tham cứu về Chân Tâm:

1- Thế Tôn xuất thế bởi vì đâu?  
Tuyên thuyết Liên Hoa pháp nhiệm mầu.

Thứ hỏi cả đời sao chưa nói?

Gần khi nhập diệt mới truyền trao?

(Thế Tôn xuất thế dĩ hà duyên?

Chỉ vị liên hoa đại sự yên

Hà nãi trung gian do vị thuyết

Niết Bàn tương cận thủy ban tuyên?

2- Từ Tây phương đến chỉ tâm tông

Sao chín năm luôn mặt úp tường?

Có phải vì căn cơ chưa chín?

Chín rồi mới hiện lộ chân không?

(Tây lai trực vị chỉ tâm tông

Hà nãi cửu niên diện bích trung?

Tất dã đâu cơ cơ vị thực,

Thực thời nhiên hậu hiển chân

không?)

3- Huệ Năng được ấn pháp Kim Cương

Sao phải chạy về Nam Lĩnh Dương?

Không ở ngay đây truyền pháp ấn?

Biết đâu chân tính vẫn mơ màng!

(Huệ Năng đắc pháp ấn Kim cương

Hà Nãi triển quy Nam Lĩnh Dương

Bất đắc vị tha tuyên pháp ấn

Cái tri nhân tính thượng mê mang)

Ba nghi vấn đưa ra để tham cứu:

1) Tại sao Phật phải đợi đến lúc gần nhập

diệt mới chịu thuyết kinh *Pháp Hoa*?

2) Bồ Đề Đạt Ma qua Đông Độ để chỉ bày tâm

tông, tại sao lại ngồi nhìn vách chín năm, hay

là tại chưa thực sự giác ngộ?

3) Huệ Năng nếu quả thật đắc pháp ấn với

Ngũ Tổ, tại sao không ở ngay đó để hoằng đạo

mà lại chạy về Lĩnh Nam?

Ba đề tài trên đây tuy vậy còn mang tính

chặt suy luận. Công án sau đây có lẽ mới là

công án mà thiền sư Thanh Đàm ưa thích và sử

dụng. Ta có thể gọi nó là công án Thần Đà

(129)

Niêm:

*Hay lắm, Thuần Đà*

*Hay lắm, Thuần Đà*

Tung:

*Không nói ngắn, chẳng nói dài*

*Ngắn dài tốt xấu thầy đều sai*

*Tìm hay, lại hóa người chê vụng*

*Bẩn sẻ, ai dè sói chực ngay*

*Công danh cái thế màn sương sớm*

*Phú quý kinh nhân giấc mộng dài*

*Chẳng hiểu "bản lai vô nhất vật"*

*Công lao uống phí một đời ai.*

Bài thơ ngộ nghĩnh nhất của Thanh Đàm là

bài thơ *Tim Tâm*, có âm hưởng tiếng trống

đánh:

*Ngang lưng đeo trống đối tri âm*

*Duỗi thẳng hai tay, đánh trống tâm:*

*Tập tập tìm tâm, tâm tất tập*

*Tìm tâm, tâm tập, tập tìm tâm.*

*Âm thanh hợp vận, âm tụng họa:*

*Tịch chiếu Tâm Tông, tức tập tâm.*

*Trăng sáng, gió thanh thường tự tại*

*Tìm tâm chẳng được, nghỉ tìm tâm.*

*Thôi nhé, tâm ta chẳng thể tầm*

*Tìm tâm đâu được, chẳng chân tâm*

*Mang đèn xin lửa thêm điên đảo*

*Thà đứng bên sông hát khúc ngâm.*

(Kiên kinh yêu cổ đối tri âm

Thư thủ vô vi phách cổ tâm

Tập tập tâm tâm tâm tắc tập

Tâm tâm tâm tập, tập tâm tâm

Cổ thanh hợp vận dùng thanh họa

Tịch chiếu tâm tông tức tập tâm

Minh nguyệt thanh phong trường tự

tại

Tâm tâm bất đắc, tức tâm tâm.

Chỉ chỉ! Ngộ tâm bất khả tầm

Tâm tâm tưng đắc tắc phi tâm

Tương đẳng câu hòa tự điên đảo

Bất nhược sogn tiền thủ nhất ngâm).

Thiền sư Thanh Đàm cũng thuộc pháp phái Trúc Lâm. Cuối tác phẩm *Pháp Hoa Đề Cương*, ông có nêu lên hai câu kệ "Lục Căn Thất Đại" của Trúc Lâm Điều Ngự và căn cứ vào đó làm ra mười ba bài kệ về lục căn và thất đại. Hai câu ấy như sau:

"Lục căn hư vọng, vô phi bồ đề diệu tâm  
Thất đại biến chu, tận thị Như Lai tạng  
tính"

(Sáu căn hư vọng, mà căn nào cũng là  
diệu tâm giác ngộ,

Bảy đại trải khắp, đều là tạng tính Như  
Lai)

Một lần nữa ta thấy ông nhấn mạnh tới nguyên tắc "Căn Tính và Diệu Tâm là một."

(còn tiếp)

(125) Đại Nam Hội Điển Sư Lê.

(126) Sau này đổi lại là Phước Duyên Bảo  
Tháp.

(127) Một thí dụ trong kinh *Pháp Hoa*: đứa con mang một viên bảo châu giá trị trăm ngàn lạng vàng trong tà áo mà không biết, cho nên cứ mãi sống đời cùng khổ.

(128) Diễn Nhã Đạt Đa một buổi sáng soi gương thấy mặt mũi mình khả ái, chợt trách cái đầu mình lâu nay không thấy được cái mũi mình. Nghĩ rằng mình không có cái đầu cho nên không không thấy được mặt, do đó anh ta hoảng hốt chạy khắp thành phố Thất La Phiệt, phát cuồng.

(129) *Thuần Đà*: người cư sĩ đã dâng Phật bữa ăn cuối cùng trong đời Ngài. Bữa ăn này có năm độc. Phật dùng xong bảo đồ chỗ còn lại, không cho các vị tỳ khưu đi theo dùng.



# HẠNH PHÚC TÌM Ở ĐÂU?

*Tâm Lương Đào Mạnh Xuân*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

**T**hầy đề tài có vẻ lạ: “Đừng Đi Tìm Hạnh Phúc,” chúng tôi bèn đọc thử xem sao. Thì ra bài viết cũng có một số điều cần học tập nên sau khi đọc xong, chúng tôi làm bài văn vắn tóm tắt cho dễ nhớ, có tựa đề “Hạnh Phúc Tìm Ở Đâu?” Trước tiên, xin mời quý vị đọc:

**Đừng Đi Tìm Hạnh Phúc**, tác giả: Khuyết Danh

Nếu hạnh phúc là thứ tìm có thể thấy thì có lẽ con người chẳng phải nếm mùi khổ đau nhiều như vậy.

Nếu hạnh phúc là thứ ẩn nấp để cùng con người tham gia trò trốn tìm thì cuộc sống này liệu có còn thời gian cho yêu thương?

Vì thế, hãy dừng cuộc tìm kiếm hạnh phúc ấy lại bởi nó không phải là đích đến mà nó là thứ luôn hiện hữu song hành bên ta, chỉ vì ta quá bận rộn với cuộc sống bận bịu mà ta quên mất nó đang thôi. Hạnh phúc ở đâu?

**1) Hạnh phúc nằm ở đôi môi của bạn đây.** Một đôi môi biết mỉm cười và biết nói lời yêu thương chính là cửa ngõ dẫn đến hạnh phúc an nhiên của con người. Nếu bạn chỉ biết than vãn, chỉ biết oán trách những trở trêu của cuộc đời, chỉ biết **dùng lời nói để chê bai, mỉa mai, công kích người khác thì đừng hỏi “Vì sao tôi không thấy hạnh phúc”**. Hãy nói về những yêu thương tốt đẹp, hãy mỉm cười với cuộc sống xung quanh, hãy dành những lời ngọt ngào cho những người bạn yêu quý và bạn sẽ thấy hạnh phúc này nở từ đôi môi.

**2) Hạnh phúc nằm ở sự tha thứ. Chẳng có ai ôm trong lòng mối hận thù mà cảm thấy vui vẻ và thoải mái cả.** Có thể, họ đã làm tổn thương bạn, họ đã phản bội lòng tin và hằn trong lòng bạn một vết thương sâu hoắm và nhức nhối nhưng hãy đặt tay lên ngực mình và **dặn với chính mình “Cuộc đời này vốn không đủ dài để yêu thương thì sao lại phí hoài nó cho hận thù.”** Vì thế, bằng cách này hay cách khác, hãy quên đi những vết thương và quên đi người để lại vết thương ấy, bạn cho đi sự tha thứ cũng chính là cách bạn tự cho chính mình một món quà chứa đầy hạnh phúc và an nhiên.



Tôi không chắc chúng ta có thể lại tin, lại yêu người ấy như chưa có chuyện gì nhưng chỉ cần bản thân tha thứ được thì ta sẽ lại có thể mỉm cười khi gặp mặt nhau. Như vậy, không phải sẽ tốt hơn sao?

**3) Hạnh phúc nằm ở chữ Cho chứ không phải chữ Đòi.** Hãy cho đi những thứ bạn muốn nhận rồi cuộc đời sẽ trả lại cho bạn những điều mà bạn muốn, có thể nó không đến từ người bạn cần nhưng chắc chắn rằng trong dòng đời sau này, sẽ có người cho bạn lại những điều như thế. Đừng đòi hỏi điều gì khi bản thân không làm được. Sự huyệt hắng khi điều mình muốn không được đáp lại rất dễ đẩy bạn vào hố sâu của thất vọng. Vì thế, đừng tự giết cảm xúc của mình chỉ vì những đòi hỏi cho thỏa mãn cảm xúc của bản thân. **Hãy học cách cho đi thật nhiều, cuộc sống này, không để bạn chịu thiệt thòi đâu.**

**4) Hạnh phúc là khi bạn biết Đủ.** Nói theo kiểu dân gian là “cái gì quá cũng không tốt”. Yêu thương quá sinh ra gò bó, quan tâm quá sẽ khiến mất tự do, ghen tuông quá cũng mất vị tình yêu và cái gì cũng thế, chạm đến chữ Đủ sẽ chạm được hạnh phúc tròn vị. Đừng chạy theo cái gì quá hoàn chỉnh và cũng đừng ép bản thân phải trở nên quá hoàn hảo, yêu thương vừa đủ, ấm áp vừa đủ, quan tâm vừa đủ và bên nhau vừa đủ có lẽ sẽ hạnh phúc hơn. Và hạnh phúc chẳng nằm ở đâu xa, nó nằm ngay trong trái tim của chính ta, khi bản thân

chông chênh mệt mỏi, hãy đặt tay lên tim và tự nói "Rồi mọi thứ sẽ ổn". Khi nỗi buồn xâm chiếm tâm trí và cô đơn thống trị lấn át hạnh phúc, hãy tìm một khoảng không gian riêng với những bản nhạc ta yêu, những món ăn ta thích và tự nói với lòng "Hết hôm nay thôi nhé, ngày mai ta sẽ lại mỉm cười". Đừng gắng gượng, hãy đổi diện và tìm cách giải tỏa nỗi buồn và mang hạnh phúc quay về. Hạnh phúc của ta nên tự ta xây lấy, đừng chạy theo người khác để thỏa mãn lòng họ và mang về thứ hạnh phúc ảo sẽ chết theo thời gian.

\*\*\*

### **Hạnh Phúc Tìm Ở Đâu? (1)** **Tâm Lương Đào Mạnh Xuân**

*Đừng tìm hạnh phúc đâu xa,  
Nó ở cạnh cánh bên ta chẳng rời.  
Do ta chẳng biết đẩy thôi.  
Như gặp ai, hãy **tươi cười** xá sâu (2)  
Lời **hòa ái**, nói với nhau (3)  
Tự nhiên **hạnh phúc** theo sau liền liền,  
Còn chê, oán trách, than phiền  
Mía mai, công kích làm điên loạn đầu.  
Cuộc đời, sống được bao lâu,  
Hơn thua, đổ kỹ với nhau làm gì !  
Áy tào nhân xấu, tránh đi,  
Để khỏi trả quả, nhớ ghi suốt đời.  
Chi bằng **hi xả**, tuyệt vời (4)  
Lòng hoan hỷ, **hạnh phúc** thời tới mau.  
**Biết đủ**, sung sướng (= **hạnh phúc**) làm sao!  
(5)  
Tham lam thái quá, buồn rầu không nguôi.  
Người xem ta lớn tựa trời, (6)  
Ai mà đụng đến, tức thời nổi sân.  
Rõ ràng rước khổ vào thân,  
**Hạnh phúc** nào đến, do khăng khăng trách người  
**Hạnh phúc**, không ở chữ **ĐÔI**.  
Vô tư **CHO**, mới làm đời thăng hoa. (7)  
Giúp người, Trời sẽ giúp ta,  
Chân lý ấy, mãi mãi là không ngoa. (8)  
**Việc xấu đến, do lỗi ta**, (9)  
Không phiền não, mới thật là tập tu.  
Luật nhân quả dạy thế ư? (10)  
Tin vậy, **hạnh phúc** từ từ hiện ra.  
Từ đó phước đến với ta,  
Tổ tiên, con cháu chan hòa niềm vui.(11)*

#### **Chú thích:**

- 1) Bài thơ trên, phần lớn lấy ý từ "Đừng Đi Tìm Hạnh Phúc."  
Hạnh phúc tìm thấy ở:
- 2) Đôi môi biết mỉm cười. Nếu là Phật tử gặp nhau ở chùa nên xá nhau. Còn ở nơi khác, gặp ai nên tươi cười chào hỏi trước để biểu lộ lòng khiêm cung.
- 3) Nói lời hòa ái, nói lời yêu thương.
- 4) Tấm lòng rộng mở, biết hi xả, tha thứ

(5) Biết Đủ trong cuộc sống. Đạo Phật đã dạy vậy. Nguyễn Công Trứ trong bài thơ "Chữ Nhân" cũng có câu thơ: "Tri túc tiện túc đãi túc hà thời túc" được tạm dịch là "Biết đủ, thì là đủ. Đãi đủ, khi nào mới đủ."

(6) Đẹp bỏ hận thù: Có ai xem "cái tôi" quá lớn mà có hạnh phúc đâu ! Như trong "Đừng Đi Tìm Hạnh Phúc" có câu: "Chẳng có ai ôm trong lòng mỗi hận thù mà cảm thấy vui vẻ và thoải mái cả."

(7) Luôn nhớ, khi ta bỏ thí, cúng dường, Hạnh phúc đến từ chữ CHO chứ không phải từ chữ ĐÔI. Có nghĩa khi ta cho hoặc cúng dường xong, cứ đòi hỏi bên nhận khi gặp mình phải tay bắt mặt mừng, phải hỏi han vồn vã, phải tỏ vẻ trọng vọng mình, v.v... Có như thế thì mình mới vui và hạnh phúc. Ai làm như vậy sẽ bị tổn phước. Đạo Phật dạy đó là cách xử sự với tâm hẹp hòi. Còn cho đi, với tâm vô tư, không nghĩ gì đến, đó là tâm rộng rãi.

Vậy nên Đức Phật đã dạy: "**Người phát tâm rộng lớn bỏ thí, của chi bằng hạt cải mà quả báo như núi Tu Di. Ngược lại, người ôm lòng nhỏ hẹp bỏ thí, của bằng núi Tu Di, công đức chỉ bằng hạt cải.**"

(8) Hãy học cách cho đi thật nhiều, cuộc sống này, không để bạn chịu thiệt thòi đâu.

(9, 10) Phải tin luật nhân quả một cách tuyệt đối: Việc xấu đến với ta là do ta **đã tạo nhân xấu từ nhiều kiếp trước**. Nay đủ duyên, **nhân xấu trở ra quả xấu**. Để không khổ sở khi một điều xấu đến với ta, xin ghi nhớ những câu sau:

**Quả xấu, do nhân ta tạo ra,**  
Minh làm, mình chịu kêu ca nổi gì.

Hoặc:

*Có người mắng chửi, bêu xấu ta,...  
Hoặc chướng duyên đến, tự nhủ là:  
Do ta tạo nghiệp nhiều kiếp trước,  
Đủ duyên, quả trở, chớ kêu ca.*

(11) Tập làm những việc trên, được phần nào, hay phần ấy. Xong, đem hồi hướng cho tổ tiên, ông bà, con cháu, tức là cho người sống lẫn người chết. Ta và thân nhân đều chan hòa niềm vui.

Xin mời quý vị cùng chúng tôi cố gắng thực tập hằng ngày những điều ghi trên để có **Hạnh Phúc**. Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng về cho cha mẹ nhiều đời, oan gia nhiều kiếp và khắp Pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Trân trọng.





**Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada**  
**Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9**  
**BAN TỔ CHỨC**  
**CHÙA ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIÊM - CALIFORNIA**  
2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 \* Tel.: (916) 346- 6583  
Email: daibaotrangnghiem@gmail.com

## **THÔNG BẠCH SỐ 1**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,  
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chánh nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thắng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

**Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9 năm tới - 2019** sẽ do **Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm – Hayward, California** đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:



Địa điểm:

**DOUBLE TREE BY HILTON NEWARK**  
**39900 BALENTINE DRIVE, NEWARK, CA**  
**94560**

Thời gian:

**Từ Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 25 - 29 tháng 7**  
**năm 2019**

Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.



Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letterhead đã ghi, kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 5 ngày 4 đêm tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em dưới 14 tuổi đi theo xin đóng thêm \$200 USD (hai trăm Mỹ Kim);
- 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
- 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, San Francisco, và Oakland để tiện việc đưa đón;
- 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa họp đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 25 tháng 7 năm 2019;

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ 8 lần trước đây, chắc chắn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Bạch,  
*Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, ngày 01 tháng 11 năm 2018,*  
Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9  
Trưởng Ban

**Tỳ Kheo Đồng Tuyên**



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada  
**Khoá Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 &  
Tham Quan Vạn Phật Thánh Thành và Cầu Golden Gate**  
**BAN TỔ CHỨC**  
**CHÙA ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIÊM - CALIFORNIA**  
2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 \* Tel.: (916) 346- 6583  
Email: daibaotrangnghiem@gmail.com

**PHIẾU GHI DANH**  
**TỪ NGÀY 25 - 07 - 2019 ĐẾN NGÀY 29 - 07 - 2019**  
**(Dành cho quý Phật Tử)**

HỌ VÀ TÊN: ..... PHÁP DANH: .....

ĐỊA CHỈ: .....

CELL: ..... TỰ TÚC:  ..... CÁN ĐƯA RƯỚC:

HÃNG BAY: ..... CHUYẾN BAY: .....

NGÀY ĐẾN: ..... GIỜ ĐẾN: .....

NGÀY VỀ: ..... GIỜ VỀ: .....

SỐ TIỀN ĐÓNG BẰNG:  CASH  CHECK ..... TỔNG CỘNG SỐ TIỀN .....

PHÒNG NGỦ CHO:  2 NGƯỜI  3 NGƯỜI  4 NGƯỜI .....

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT: .....

LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP KHẢ CẤP: .....

Chi phí cho mỗi đầu người là \$300 USA (Phòng ngủ cho 4 người)  
Chi phí cho mỗi đầu người là \$350 USA (Phòng ngủ cho 3 người)  
Chi phí cho mỗi đầu người là \$400 USA (Phòng ngủ cho 2 người)

- \* Mỗi học viên tham dự xin đóng \$300, vợ chồng \$500, trẻ em dưới 14 tuổi đóng \$200.
- \* Vị nào muốn ở lại sau khoá tu học, tự mình book phòng.
- \* Vị nào muốn tham quan Vạn Phật Thánh Thành và cầu Golden Gate, xin ghi tên bây giờ. \$50 tiền xe và ăn trưa. Ngân phiếu xin đề ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIÊM BUDDHIST TEMPLE. Memo: Khoá Tu Học Bắc Mỹ Lần 9, và gởi về: 2553 Darwin St. Hayward, CA 94545.  
Mọi chi tiết xin liên lạc: (916)-346-6583 hoặc (408)-382-1059

NGÀY: ..... NGÀY: .....

NGƯỜI NHẬN ..... NGƯỜI GHI DANH: .....

KÝ TÊN: ..... KÝ TÊN: .....

# HUYỀN THOẠI TÁI SINH CỦA THÁNH TĂNG ZONG

*Tâm Huy*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

**T**ây Tạng xưa nay là xứ huyền bí. Đó là vùng đất thường được gọi là mái nhà của thế giới, nơi sản sinh ra nhiều bậc thánh giả siêu việt, mà ngài Lạt Ma tái sinh Zong Rinpoche là một trong những hình ảnh tiêu biểu.

## Chọn Gia Tộc Để Tái Sinh

Ngài Lạt Ma Zongtrul Jetsun Losang Tsondu Thubten Gyaltzen, hay thường được biết với danh hiệu ngài Kyabje Zong Rinpoche, sinh vào năm 1905 tại tỉnh Kham thuộc miền đông Tây Tạng. Thân phụ và hai nội tổ của ngài đều là những hành giả mật tông và là 2 lần tái sinh trước của ngài Kyabje Dorje Chang (“Vajradhara – Kim Cang Tổng Trì,” như Kyabje Zong Rinpoche) đã sinh vào gia tộc Zonggo: Zongtrul Phuntsok Chopel và Zongtrul Tenpa Chopel (1836-1899).

Với người phàm thì do nghiệp lực đưa đẩy mà thọ sinh chứ không có khả năng chọn lựa hay tự quyết định. Nhưng với những bậc thánh như ngài Zongtrul Tenpa Chopel thì đã tự mình quyết định con đường sinh tử qua việc chọn lựa gia tộc để tái sinh trước khi viên tịch. Chuyện kể rằng trước khi ngài tịch, người chồng của cô cháu đã đến thăm ngài và thành công thỉnh cầu ngài kéo dài thêm thọ mạng. Lần đó ngài không thị tịch. Nhưng lần sau, khi ngài Zongtrul Rinpoche sắp tịch, thì cũng người chồng của cô cháu này đến thỉnh cầu ngài kéo dài thọ mạng như lần trước. Tuy nhiên ngài đã từ chối, chỉ chấp nhận lời thỉnh cầu tái sinh trở lại cùng gia đình này. Ngài đã cho thân nhân 3 trái mơ. Rinpoche bảo người chồng của cô cháu này ăn một trái, còn trái thứ hai thì đưa cho người cháu gái, và trái cuối cùng thì trồng ở trước nhà của họ. Rinpoche dạy thêm rằng, “Khi nào cây mơ có trái đầu tiên thì ta sẽ tái sinh lần nữa vào gia tộc Zonggo!” 5 năm sau, Zongtrul Rinpoche đã hoàn thành lời hứa.

## Thời Kỳ Xuất Gia và Học Đạo

Năm 1916, sau khi ngài Zong Rinpoche được công nhận là người tái sinh của ngài

Zongtrul Tenpa Chopel, lúc 11 tuổi ngài đã thực hiện cuộc hành trình dài và gian truân tới miền trung Tây Tạng. Ngài vào tu học tại Tu Viện Gaden Monastery, một trong những đại học viện của Tây Tạng. Ngài Zong Rinpoche được một vị Lạt Ma 14 tuổi là ngài Kyabje Trijang Rinpoche và ngài Kyabje Trijang Rinpoche hướng dẫn.

Vị Tăng sĩ trẻ này sống rất giản dị. Thay vì phải có bàn để đọc kinh sách, thì ngài đã tự lấy cái hộp trà kê trên những miếng gạch làm cái bàn để đọc. Ngài đã siêng năng tinh tấn đến hết chú tâm vào việc học. Đường như ngài không có thích thú gì đến chuyện ăn uống, chỉ sống bằng việc ăn uống rất đơn giản. Với lối sống khiêm tốn và những chiếc áo cũ mèm, thường bị tuột xuống và nhàu nát vì ốm yếu thể lực lúc đứng tranh luận, ngài trông giống bất cứ chú tiểu nào khác ở tỉnh lẻ Kham là những chú có đủ phước duyên để vào đại học viện đầy uy tín này.

Trong thời gian khóa tranh biện suốt đêm về Nhận Thức Luận (Pramana) giữa hai đại học song sinh của Gaden là Shartse và Jangtse, ngài đã làm các học giả kỳ cựu của Jangtse ngạc nhiên với năng khiếu tranh luận sâu sắc. Một năm sau, cùng một khóa tranh luận, biện tài xuất chúng của ngài Zong Rinpoche đã khiến cho vị Lạt Ma nổi tiếng Geshe “Amdo” Sherab Gyatso phải khen rằng, “Không có cuộc tranh luận nào giá trị hơn về chủ đề này ngay dù chính ngài Pháp Xứng (Dharmakirti) có mặt ở đây!” Cùng với năng khiếu ghê gớm trong tranh luận, ngài Zong Rinpoche còn sở hữu sự thông minh lăm bác và năng lực vĩ đại của trí nhớ, và tên tuổi của ngài từ từ được biết đến tại tất cả 3 đại tu viện lớn nhất của dòng Gelug của miền trung Tây Tạng, đó là các tu viện Gaden, Drepung, và Sera.

Vào năm 1930, lúc ngài 25 tuổi, Zong Rinpoche đã nhận được học vị vinh dự cao nhất Geshe Lharampa. Zong Rinpoche cũng hài lòng về cuộc thi thành công tại Đại Học Gyuto Tantric College. Những thành tựu này đã khẳng định danh tiếng của ngài như là một học giả hoàn bị.



### Thời Kỳ Hành Đạo

Vào năm 1937, Reteng Rinpoche, vị Nhiếp Chính của Tây Tạng, đã công cử ngài Zong Rinpoche, 33 tuổi, làm Tu Viện Trưởng Tu Viện Gaden Shartse Monastery. Ảnh hưởng của Tu Viện Trưởng Zong Rinpoche vẫn còn được cảm nhận đến ngày nay tại Tu Viện này. Cùng lúc đạt danh vị học viện có sự thành đạt cao nhất, Gaden Shartse cũng trở thành biểu tượng nổi bật về giới luật thiên môn, điều mà ngài Zong Rinpoche giữ gìn như là điều quan trọng nhất. Ngài cũng gây cảm hứng mạnh trong việc tu tập Mật chú và nghi lễ thiên môn, và đã cải thiện đáng kể cấu trúc điều hành tu viện. Từng trải kinh nghiệm tự thân về những khó khăn vì nghèo khổ, ngài Zong Rinpoche đã đề bạt nhiều cải cách lâu dài để cải thiện hoàn cảnh của họ.

### Thần Lực Trong Nghi Lễ và Trị Bệnh

Sau khi làm tu viện trưởng 9 năm, ngài Zong Rinpoche về hưu vào năm 1946 và thực hiện cuộc hành hương dài tới miền đông nam Tây Tạng. Từ đó về sau, người ta được nghe những tường trình việc ngài Zong Rinpoche giúp người ta tháo gỡ những khó khăn và chướng ngại bằng cách thi triển thần lực mật tông.

Trong số những thần diệu được kể có câu chuyện về thị giác của vị Lạt Ma nổi tiếng Geshe Rinpoche Tenzin Chopel bị hư nên không thể tự đi lại được, ngài Zong Rinpoche đã thực hiện nhiều nghi lễ chữa trị mắt, và ngài Geshe Rinpoche Tenzin Chopel đã có thể tự mình chống gậy đi bộ.

Điều kỳ diệu hơn nữa là tại nhiều vùng của Tây Tạng cũng như tại Gaden, ngài Zong Rinpoche đã thi triển thần lực thành công để khuất phục nhiều vị thần địa phương không phá hoại và quấy rối. Các đồng bằng, các cao nguyên, và các khu vườn trồng trọt đã chứng kiến mùa màng tươi tốt sau khi ngài Zong Rinpoche đã đến thăm và cầu nguyện. Đặc biệt, khả năng tạo ra mưa bão của ngài đã trở thành huyền thoại.

### Được Đức Đạt Lai Lạt Ma Thành Cử Nhiều Chức Vụ

Sau khi quê nhà Tây Tạng bị Trung Cộng xâm lăng vào năm 1959, ngài Zong Rinpoche rời khỏi Tây Tạng và có mặt trong những người sống sót của các Tu Viện Ganden, Drepung, và Sera đến Ấn Độ. Vào năm 1965, theo yêu cầu của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14, ngài Zong Rinpoche làm giám đốc Chương Trình Đào Tạo Các Giáo Viên Cho Các Trường Tây Tạng mới xây dựng tại Mussoorie, tổng số 58 vị học giả từ tất cả các truyền thống chính của Phật Giáo Tây Tạng. 2 năm sau, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã cử ngài làm viện trưởng đầu tiên của Viện Nghiên Cứu Cao Cấp Trung Ương Tây Tạng tại Sarnath, Varanasi, Ấn Độ.



Ngài Zong Rinpoche thân trước khi tái sinh

### Hoàng Pháp Tại Hải Ngoại

Nhiều năm trôi qua và uy tín của ngài lan xa. Ngài Zong Rinpoche đã đi thăm viếng các trung tâm Phật Pháp tại Châu Âu, Hoa Kỳ, và Canada. Những người nào đã có duyên gặp gỡ ngài đều cảm kích sâu xa bởi lòng nhiệt thành và trí tuệ của ngài. Một trong những học trò người Tây Phương của ngài nhớ lại lời dạy của ngài rằng, "Đừng nghĩ tôi là người đặc biệt gì cả. Hãy nghĩ rằng đó là năng lực của nghiệp của chính con nên có duyên lành gặp Phật Pháp."

Ngài Zong Rinpoche đã thể nghiệm tất cả những gì ngài dạy và đã ảnh hưởng sâu xa đến những thánh chúng. Những lời dạy của ngài, theo họ quan sát, thì đó không chỉ là kiến thức thông thái, mà đó còn là nguồn suối bất tận của kinh nghiệm tự thân của ngài tuôn ra. Năng khiếu giáo thọ của ngài đã cho thấy khả năng thích ứng các phương pháp giảng dạy của ngài với những quan điểm và tính cách của tâm thức hiện đại. Ngài nổi tiếng với lối kể chuyện độc đáo rất hấp dẫn và tuyệt đối minh bạch. Ngài Zong Rinpoche vẫn giữ được các phẩm tính kỳ diệu này cho đến những ngày cuối đời. Khi ngài viên tịch đã để lại di sản của bậc đạo sư tâm linh toàn bích với năng lực nhiệm mầu, đầy thuyết phục, và thẳng thắn.

Ngài Zong Rinpoche lần đầu tiên đến

Hoa Kỳ vào năm 1978 theo lời thỉnh cầu của ngài Lama Thubten Yeshe. Ngài đến Hoa Kỳ và Âu Châu 3 lần và ở lại một thời gian để hoằng pháp.

### Sự Viên Tịch Kỳ Diệu

Vào ngày 15 tháng 11 năm 1984, kỷ niệm ngày đức Phật từ cõi Trời Đao Lợi của Đức Thích xuống lại nhân gian, cũng là ngày ngài Zong Rinpoche viên tịch tại Tu Viện Gaden Shartse Monastery, Ấn Độ.

Ngài Rinpoche bình thường thức dậy vào lúc 3 giờ sáng và thiền định và xả thiền trước khi rạng đông. Buổi sáng hôm đó, Thầy Tenzin Wangchuk bạch với ngài Rinpoche rằng Thầy đã gọi bác sĩ từ Bệnh Viện Duguling Tibetan Resettlement Hospital cách đó nửa dặm để đến kiểm tra sức khỏe cho ngài Rinpoche. Lúc sau 9 giờ sáng một tí thì bác sĩ tới. Sau khi khám xong, bác sĩ nói với những vị đệ tử rằng ông không tìm thấy bệnh gì nặng, chỉ là ngài Rinpoche yếu hơn và có thể dùng một ít đường tẩm bổ. Nhưng bác sĩ cho biết ông không mang theo đường, nên ông phải nhờ vị phụ tá trở về bệnh viện để lấy một ít đường mang tới. Khi các vị đệ tử vào phòng vài phút sau đó, thì vị Thầy yêu quý của họ đã viên tịch. Như ngài đã tiên tri, Rinpoche không tịch tại bệnh viện, trong cơn đau, hay từ bất cứ chứng bệnh nghiêm trọng nào. Những người gần gũi với ngài đều cảm thấy kỳ diệu làm sao khi thân thể của Rinpoche vẫn như đang nằm ngủ, không thấy rỉ nước hay đổi màu da. Rõ ràng là vị Thầy của họ đã ở trong trạng thái kỳ diệu nhất của tâm, nhập vào thiền của ánh sáng quang minh. Ngài lúc đó thọ 80 tuổi.

Vào Thứ Bảy, ngày thứ 3 sau khi ngài Zong Rinpoche viên tịch, Kyabje Zemey Rinpoche và chư vị Lạt Ma cao cấp khác vẫn tập để thực hiện nghi lễ tự truyền thụ của Chittamani Tara (Green Tara), và chư Tăng của Tu Viện Gaden Shartse, là những vị đã hoàn tất khóa huấn luyện Yamantaka, đã thực hiện nghi lễ tự truyền thụ Yamantaka. Từ ngày ngài Rinpoche viên tịch thì không khí vẫn lặng yên không một chiếc lá nào tạo ra tiếng xào xạt trong vườn, nhưng vào khoảng 3 giờ thì thời tiết bỗng dung biến đổi và trận gió mạnh đã ập tới, thổi bay các bụi từ mặt đất vào không trung. Khi cơn gió lắng xuống dần, thì có chữ hiện ra cho biết rằng ngài Zong Rinpoche đã ra khỏi trạng thái Ánh Sáng Quang Minh và đã



*Đức Đạt Lai Lạt Ma (trái) và Ngài Zong Rinpoche tái sinh*

nhập vào cảnh giới giác ngộ. Vô số người, gồm các vị tu viện trưởng, chư vị Lạt Ma cao cấp, và chư vị tiến sĩ Phật Học từ tất cả 3 đại học viện đã đến để tôn kính và thực hiện các nghi lễ.

### Các Dấu Hiệu Cát Tường

Những người có mặt trong những ngày này đã chứng kiến nhiều dấu hiệu khác thường. Trong ngày thứ 3, ngay trước khi lò hỏa táng được thắp lên, 7 nhà tu khổ hạnh Ấn Độ mặc y màu vàng nghệ mới và dẫn theo con voi chất đầy đồ đạc đi vào khu vực tang lễ. Khi được hỏi họ làm gì ở đó, thì họ trả lời rằng hôm nay là ngày đánh dấu một sự kiện rất cát tường, và họ xin đồ cúng dường. Thầy Tenzin Wangchuk đã cung cho họ chuối và tiền, rồi họ ra đi, rất mãn nguyện. Đó là một sự kiện hoàn toàn bất ngờ, và mọi người cho rằng đó là một dấu hiệu cát tường. Sau đó, khi chư Tăng hỏi những người trong làng về con voi, thì họ cho biết là không có bất cứ ai ở đó đã nhìn thấy con voi như vậy.

Trong truyền thống Tây Tạng, con voi thường được so sánh với con trâu. Khi ngài Kyabje Zong Rinpoche là thân tái sinh của ngài Zong Rinpoche sinh vào ngày 27 tháng 5 năm 1985 là năm con Trâu, hay năm Sửu. Điều rõ ràng là sự xuất hiện của con voi và những nhà tu khổ hạnh đã có ý nghĩa nhất định.

Ngày 24 tháng 11 là đêm trăng tròn. Đó là một trong những ngày mà ngài Rinpoche đã đánh dấu trong cuốn sổ tay ghi việc hàng ngày trước khi ngài tịch, và đó là buổi sáng mà các thành viên của Zong Labrang mở lò hỏa táng. Họ đã nhìn thấy chiếc sọ của ngài không cháy và hoàn toàn nguyên vẹn. Lần tái sinh trước của ngài Zong Rinpoche, là ngài Zongtrul Tenpa Chopel, là người đã viên tịch vào năm 1899, cũng đã để lại xá lợi là chiếc sọ nguyên vẹn. Xá lợi đó, có dấu hiệu chữ AH của Tây Tạng, được cất giữ cho đến ngày nay tại căn nhà của ngài Zong Rinpoche như là bảo vật của niềm tin và vinh dự.

### Ngài Kyabje Zong Rinpoche Nhanh chóng Trở Lại Nhân Gian

Khi lò hỏa táng được mở, rất nhiều hạt xá lợi được tìm thấy giữa 2 cái chảo. Cuối cùng, khi chiếc chảo ở dưới được lấy ra, mọi người có mặt tại đó đã chứng kiến trong mạn đà la bằng cát có 2 dấu chân của một đứa bé không thể nhầm lẫn, đầy đủ hai gót chân và những ngón



chân. Sự phát hiện các dấu hiệu kỳ diệu này làm cho mọi người cảm nhận được niềm an lạc rất lớn, tái khẳng định niềm tin của họ vào vị Thầy của mình, và tin chắc rằng ngài sẽ trở lại nhanh chóng.

Một thời gian trước khi viên tịch, ngài Kyabje Zong Rinpoche đã đánh dấu 3 ngày trong sổ tay hàng ngày của ngài. Thứ nhất là ngày ngài trở ra từ trạng thái Ánh Sáng Quang Minh. Thứ hai là ngày hỏa thiêu. Thứ ba là ngày lò hỏa táng mở cửa. Điều này tạo niềm tin vững chắc đối với những vị đệ tử của ngài để đặt kế hoạch thực hiện các chuẩn bị truyền thông, nhưng thông điệp thực sự dĩ nhiên là ngài Rinpoche đã vượt qua cái chết bình thường và tái sinh. Những hành động kỳ diệu sau cùng của ngài đã cho thấy một cái chết được kiểm soát hoàn toàn và không sợ hãi. Những điều đó dạy cho chúng ta rằng một ngày nào đó mọi thứ rồi cũng phải đi tới kết thúc. Cuộc đời của ngài Kyabje Zong Rinpoche đã trở thành một bài học về cách sống có ý nghĩa và chết an lành.

Ngôi tháp của ngài Zong Rinpoche đã được xây xong vào năm 1986 bởi các thành viên của Zong Ladrang. Nó cao 5 feet, bằng đá quý và kim loại bảo bọc, và lưu giữ các xá lợi và pháp khí của vị thánh giả.

Thân tái sinh của ngài Zong Rinpoche đã ra đời tại miền Bắc Ấn Độ, trong Thung Lũng Kullu Valley, đối diện là khu vực đền thờ Thần Shiva thiêng liêng của Ấn Giáo và vị nữ thần phu nhân của Thần Shiva là Parvati. Thung Lũng Kullu Valley cũng là nơi chực vị lạt ma Tây Tạng tôn kính như là một trong 24 thánh địa của Heruka Chakrasamvara.

Sự ra đời của thân tái sinh lần thứ 4 Zong Rinpoche Tenzin Wangdak được đức Đạt Lai Lạt Ma chứng nhận và đã đăng vị tại Tu Viện Gaden Shartse tại Ấn Độ. Giống như vị tiền thân, ngài cũng cho thấy nhiều dấu hiệu cảm động khẳng định rằng ngài là Zong Rinpoche thực sự và chỉ thay đổi xác thân bề ngoài mà thôi.

Zong Rinpoche tái sinh hiện đang theo học toàn phần Kinh và Mật Tông tại Đại Học Viện Gaden Shartse Monastery University, và được ngài Khensur Lati Rinpoche hướng dẫn cho đến năm 2010 khi mà ngài Lati Rinpoche viên tịch và cũng đã tái sinh trở lại.

Zong Rinpoche tái sinh đã sang hoằng pháp tại Chùa Phật Giáo Tây Tạng Gaden Shartse Thubten Dhargye Ling, Long Beach, Hoa Kỳ vào tháng 8 năm 2017. Trong chuyến hoằng pháp này ngài đã ghé thăm tòa soạn Nhật Báo Việt Báo tại thành phố Westminster, Nam California.

Bài viết này chủ yếu dựa vào tài liệu từ trang mạng của Tu Viện Gaden Shartse Drophen Ling tại Singapore:

<http://www.drophenling.com/our-teachers/h-e-kyabje-zong-rinpoche/>

## CHÙM THƠ ĐẦU XUÂN

- 1.  
Qua cửa thiên môn  
Thị phi đã dứt  
Tiếng chuông không lời*
- 2.  
Quét dọn ngón ngang  
Nhẹ buông bao mối tơ lòng  
Lối về thênh thang*
- 3.  
Trúc lay trong nắng sớm  
Bóng in soi lối mòn  
Có không bao hoa chóng*
- 4.  
Cửa chùa vẫn rộng mở  
Trời lạnh trong ngoài cõi tịch liêu  
Phật cười như hơi thở!*

## AI ĐỘNG?

*Tiếng trúc hò cùng gió  
Tiếng phong cầm càng to  
Tiếng không lời lớn nhất  
Phật cười không so đo!*

## TRÀ ĐẠO

*Hoa tàn  
cánh mỏng nhẹ rơi  
Trà thơm  
cũng đã cạn lời tiễn nhau.*

*thơ*

## BẠCH XUÂN KHỎE



# Trí Nhớ Mù Sương

PHAN TẤN HẢI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**R**ất mực gian nan để kể lại chuyện của rất nhiều thập niên trước. Trí nhớ tôi bây giờ lúc nào cũng lằng đằng, sương mù. Khi khởi lên ý định kể lại mấy chuyện thời nhỏ, chỉ thấy hiện lại trong trí nhớ một khoảng sân trắng, mấy đứa nhóc quậy phá, những lọ mực tím, những tập vở kẻ hàng, mấy bàn học, lối đi có hai hàng tre xanh, âm vang trong đầu là tiếng ê a đánh vần... Tôi đã điện thoại để hỏi chị tôi về tên của vài người xa thật xa, nhưng cũng chỉ được vài phần, những nét kể lạ cứ như hư, như thực.

Xóm Chuồng Bò thì nhớ tên rồi. Hình ảnh con bò thực ra lúc đó không còn nữa. Đúng ra cứ khi rạng sáng, khi nghe lộp cộp trên đường là biết ngay xe thổ mộ (may quá, còn nhớ chữ này, chứ không lại bảo là xe ngựa thì chẳng giống ai) từ trong Xóm Chuồng Bò chạy ra Chợ Hòa Hưng. Còn xóm ao rau muống thì chẳng thể nhớ tên gì. Lối đi từ nhà tôi vào Xóm Chuồng Bò có vài hẻm, những bụi tre xanh cao vút bên đường, dẫn tới mấy ao rau muống trong tận mấy xóm sâu. Lúc đó phía dưới là cát trắng.

Tôi hỏi chị tôi về tên của mấy đứa trong lớp má tôi dạy thời đó. Gọi là lớp cho oai, thực ra chỉ có vài đứa trong xóm. Liên, Linh, Minh, Hiền... Hồi đó có lẽ là lớp tự phát, chỉ từ mẫu giáo cho tới lớp hai. Tôi không biết có đúng là lớp tự phát hay không, vì có thể má tôi có giấy phép, vì thấy lớp học có ba bàn dài có học tử cho học trò, và đứa nào học

hết là được dẫn ra trường ngoài phố học tiếp. Có lý do hiểu được, vì mấy đứa nhỏ quá không thể đi bộ ra trường lớn, dù có người lớn dắt đi. Thời đó xe đạp cũng là hiếm, nên chủ yếu là đi bộ. Vì chỉ có má tôi là cô giáo duy nhất cho khoảng năm đứa, có khi là sáu đứa con nít, nên tới trưa, có một bà dì tôi từ ngoài trường Áo Tím đi học về, là tạm thay má tôi. Má tôi, dì Hà, dì Hương và dì Hoa đều khuất núi cả rồi.

Cả ba dì lúc đó cũng chưa qua trung học, nên cũng bần bải vở, nói là dạy có lẽ chỉ là giữ cho mấy đứa khỏi quậy phá, chờ tới chiều đưa tui nhỏ về nhà bà má tui nó. Như thế, có lẽ chức năng chính của lớp này chỉ là giữ trẻ chứ dạy chỉ là một phần. Vì thực ra, má tôi học cũng không cao, theo tôi nghĩ. Nhưng trong xóm ai cũng gọi má là Cô Ba. Lẽ ra, phải gọi Cô Hai mới đúng kiểu Sài Gòn, vì trên má tôi không có ai nữa. Có thể vì hàng xóm quen gọi như thế với ba tôi? Không nhớ. Nhưng ba tôi làm nghề trên xe lửa, đi thường xuyên, có khi vắng nhà cả tuần lễ, cũng không có anh hay chị nào để được gọi thứ tự là Thầy Ba. Hồi đó, hề thấy làm chính phủ, dù là bầm thẻ hay trưởng tàu xe lửa, là được dân trong xóm gọi là Thầy liên; thầy đây là thầy ký, không mang nghĩa thầy giáo hay nhà sư trong chùa.

Không nhớ hết khuôn mặt mấy đứa nhỏ trong lớp. Nhỏ Liên thì ban đầu tôi

nhâm với nhỏ Linh. Chị tôi nói qua điện thoại rằng nhỏ Liên hồi đó ưa ngồi một chỗ thu lu, có vẻ như thích lặng lẽ. Còn nhỏ Linh thì ưa quậy phá, lại ưa ồn ào. Tôi không biết chính xác chị tôi nói đúng không, vì tuổi lớn như chị thì trí nhớ hẳn là còn mù sương hơn mình nữa, tôi tự nhủ. Trong khi chị nhớ về cá tính ưa tĩnh của Liên, ưa động của Linh, thì tôi nhớ rằng nhỏ Liên mặt gầy, thường để tóc bum-bê, còn nhỏ Linh mặt chữ xoan, y hệt hình ảnh xi nê; cả hai đều ưa mặc đồ với vài in hoa, màu dịu. Bây giờ không nghe gì về hai nhỏ đó nữa. Còn tên Minh thì ưa làm trò, lâu lâu bước ra sân, lấy cây viết chấm vào lọ mực tím rồi vẩy ra sân cát trắng. Tôi nhớ hình ảnh mấy đứa nhỏ đứng trên sân cát trắng, nơi góc sân là một cây le-ki-ma lớn, lùi phía sau là một mộ cổ bằng đá tổ ong màu nâu đỏ. Lâu lâu nhớ tới, là thấy những đốm mực trên cát trắng hiện ra trong đầu. Còn tên Hiền thì tôi không nhớ nổi chút gì. Còn một hay hai tên học trò nữa, thì chị tôi và tôi không nhớ gì. Chị không nhớ thì dễ hiểu, vì lúc đó chị đã vào lớp ba ở trường tiểu học Chí Hòa. Nhưng tại sao chị nhớ tính tình, còn tôi lại chỉ nhớ màu sắc của cát trắng và mực tím, thì cũng chẳng hiểu.

Sau ngôi mộ cổ là một ngôi chùa. Cả chị tôi và tôi đều không nhớ chính xác chùa tên gì. Có thể là Phổ Quang hay Phổ Minh, hay Phổ Hiền. Chùa lúc đó có hai thầy trò, một ông sư và một chú tiểu. Trí nhớ của tôi về chùa này chỉ là một

cổng tam quan nhỏ, căn nhà hai tầng được biến làm chùa, khoảng sân nhỏ tráng xi măng, bên trong có nhiều tượng Phật và Bồ Tát. Mấy đứa nhỏ tụi tôi ưa thích vào chùa này. Hễ vào là được ông thầy tặng mỗi đứa một trái chuối, hay trái quýt... Về sau, tôi dò theo kính điện thì nghiệm ra đó hình như là hạnh bồ thí, hễ là sư là phải tặng cho chúng sinh cái gì. Người thọ nhận cái gì từ chùa là có đi đâu xa, nhiều kiếp sau cũng tìm lại mái chùa.

Cũng có lúc, chú tiểu mang một mâm trái cây sang tặng cho cả lớp má tôi dạy. Chú tiểu thì chỉ nhớ tên là Đăng, còn gì Đăng thì không nhớ. Thầy Đăng này học đâu đó miệt Sài Gòn, đi xe đạp hàng ngày tới trường, trong khi ông sư lớn ở chùa. Về sau, đọc về lược sử Sài Gòn, tôi đoán là Thầy Đăng, lúc đó là học ở Phật Học Viện nào ở Phú Lâm.

Nhà sư lớn tuổi thì chị tôi cũng không nhớ tên. Chị nói qua điện thoại, lúc đó giọng chị trầm xuống như đang nói bí mật về những người còn ở cõi này, rằng có lúc nghe má tôi nói chú tiểu là con nhà sư. Hồi đó nhà sư từ xứ Huế hay xứ Quảng đó vào Nam, đi vòng vòng mấy tỉnh, có lẽ tìm Thầy học đạo, thế rồi bị Tây bắt vì nghi ngờ chi đó, bắt giam mấy tháng, đánh gãy giò rồi thả. Có nữ Phật tử mang về, thế là nhà sư ra đời. Vài năm sau, nhà sư dắt đứa nhỏ về xóm này, dựng chùa. Còn người nữ Phật tử kia không nghe gì nữa. Có thể họ bí mật thăm nhau, vì không lẽ má lại bỏ con luôn, chị tôi giải thích thì thăm qua điện thoại; giọng chị y hệt tiếng gió thổi qua mấy bụi tre. Tôi không tin mấy vào trí nhớ của chị, nhưng đành chịu. Thôi thì cứ nghe. Vì hiển nhiên, ai cũng có một bà mẹ.

Hình ảnh tôi thường nhớ là chú tiểu Đăng khi có gì tặng cho lớp, bước vào là đứng ngay cửa, hai tay bưng mâm trái cây. Thường là dì Hà, hễ có mặt khi đó, là đứng bật



dậy, bước tới cửa và đưa hai tay nhận mâm này. Bây giờ, nhớ lại, tôi nhớ y hệt như một cuốn phim đen trắng đã trôi thật xa. Tôi nghĩ, nếu lúc đó dì Hà điểm trang môi son má phấn, mặc áo dài, trong khi chú Đăng mặc áo dài khăn đóng, thì trông y hệt một đám hỏi. Nhưng không phải đâu. Tôi nghiệm ra rằng nghĩ lung tung là không nên, kinh gọi là tâm phan duyên. Huống gì tất cả những người đó đều là bậc trưởng thượng, cho dù lúc đó họ còn là niên thiếu.

Chị tôi kể rằng ba má tôi cũng là người Miền Trung vào. Ba tôi là gốc Hà Tĩnh; hồi đó vùng này có phong trào chống Tây, bị đàn áp dữ dội, rồi ba chạy loạn, tìm được việc trong ngành xe lửa. Khi xe qua những chuyến ghé Nha Trang, gặp má tôi nơi đây, mới cưới nhau. Khi bà ngoại khuất núi, ba má tôi dẫn mấy dì vào Sài Gòn ở, ban đầu ở Dĩ An, một thị trấn đầu đó phía Đông của Sài Gòn, rồi về ngõ Nguyễn Thông nổi dài, sau các rặng tre xanh này.

Tôi nghiệm ra rằng âm thanh dễ nhớ hơn hình ảnh. Như để hình dung ra các hình ảnh trong khu xóm đó, không thể nhớ nổi khuôn mặt mọi người. Chỉ là mang máng thôi. Mấy đứa nhỏ vài năm sau là thay đổi, thì chẳng nói

gì. Nhưng hình ảnh nhà sư gầy, tôi không hình dung nổi khuôn mặt. Chỉ nhớ là giọng Huế hay Quảng gì đó. Mà tại sao nhóc tì như tôi lại nhớ nổi giọng nói mới lạ. Có thể vì những thời kính chẳng... Nhưng nhớ nhất là trái cây: ba má tôi thường qua chùa cúng trái cây, những lúc ba tôi trong các chuyến xe lửa về, thường mang theo các trái mít khổng lồ mua từ Dầu Giây hay Biên Hòa về.

Có những lúc má tôi đi khám bệnh hay thăm bệnh đầu đó cả ngày, lớp học bàn giao cho dì Hà. Lúc đó chú Đăng lại vào lớp ngồi. Làm sau chú Đăng canh ngày giờ để vào lớp thì cũng lạ; hồi đó làm gì có điện thoại di động mà nhắn nhau. Hình ảnh nhà sư trẻ, tôi nhớ là cỡ mười mấy tuổi, vào ngồi chung lớp học mầm non là cái gì rất dị kỳ. Nhưng đi tôi, tức là cô giáo Hà, xem là chuyện tự nhiên. Chị tôi kể lại, chắc họ thích nhau. Sau này, tôi nghĩ là dùng chữ như thế không chính xác. Cho dù là, trong trí nhớ nhóc tì của tôi lúc đó vẫn nhớ hình ảnh một chú tiểu ngồi sau lưng bốn hay năm đứa con nít mầm non hay lớp một, tay chú tiểu chống cằm ngó lên bảng phấn, trong khi dì tôi, thường lúc đó là lúng túng bắt tụi nhỏ đánh vần, bất kể rằng dì cũng là vị thành niên. Thế rồi, khi đoán tới giờ má tôi sắp về tới, lại

thấy chú Đăng lặng lẽ biến đi.

Hình ảnh một thời đó y hệt sương khói. Cho tới khi tỉnh cờ, dì Hoa kể cho má tôi nghe rằng có một học trò ngoài số như thế tới, trong những khi má tôi đi cả buổi hay cả ngày. Chị kể rằng, có lẽ ba má tôi sang nói gì với nhà sư lớn. Thế là, những lần như thế giảm đi, nhưng lại thấy dì Hà ưa qua thăm chùa nhiều hơn, bất kể là mấy dì bài vở nhà trường mang về nhà rất nhiều.

Một lần, trong giờ ra chơi, nhỏ Linh đứng nhìn tôi, rồi đưa hay tay nắm hai tay tôi. Cảm giác lúc đó của tôi là tự nhiên giựt ra. Hai đứa nhỏ lớp mầm non nắm tay nhau có lẽ là bình thường bấy giờ, nhưng hồi đó là lạ lắm. Nhỏ Linh nói rằng vậy là đúng như nhỏ này đoán là tôi sẽ tự động phản xạ giựt tay ra, vì nhỏ này chỉ thử để xem, vì mấy hôm trước nhỏ này thấy dì Hà đứng nơi sân chùa đột ngột nắm tay Thầy Đăng, rồi nhà sư trẻ này cũng đột ngột giựt tay ra. Tôi nghĩ, chuyện nắm tay của dì Hà cũng là phản xạ, rồi nhà sư này giựt tay ra cũng là phản xạ. Vì tất cả những người đó trong trí nhớ tôi là tuyệt vời đạo đức, không hề làm phiền muộn bất kỳ ai, không hề làm động gì tới thế gian này, không hề làm chết một con kiến hay con muỗi. Họ là những thiền thủy tinh trong vắt.

Tuy nhiên, những gì nhìn thấy hay nghe thấy vẫn cứ thỉnh thoảng lảng vảng trong trí nhớ nhiều năm. Tới hồi năm tôi học đệ nhất, vào học thi trong sân chùa Xá Lợi, nơi lúc đó thường im vắng, để tập trung tư tưởng. Nhỏ Linh cũng học đệ nhất Gia Long. Một buổi chiều, tôi và nhỏ Linh đứng nơi cổng tam quan của chùa Xá Lợi, con đường nhỏ bên hông chùa bỗng vắng đi thường. Tự nhiên nhỏ Linh, lúc đó là một nữ sinh áo trắng xinh đẹp rồi, nhìn thẳng vào mắt tôi, nói là tụi mình nhìn thẳng mắt nhau đi, xem ai thành thật thì sẽ không chớp mắt. Tôi không hiểu sao lại có



định kiến gì về chớp mắt hay không chớp mắt như thế. Nhưng tự nhiên, bảo nhìn thì nhìn. Thế là tôi nhìn và rồi như dường có người vô hình nào sau lưng mình, muốn xô mình tới. Tôi sợ té vào nhỏ Linh, nghĩa là sẽ bị hiểu là ôm chầm cô bạn dễ thương này, nên gượng lại, hai tay tự nhiên đưa ra nắm tay nhỏ Linh. Và rồi bất chợt hai tay tôi giựt ra. Nhỏ Linh nói là tôi đã chớp mắt trước. Hai tay tôi như điện giựt. Về tới nhà, tôi bệnh liệt giường mấy ngày. Rồi có lúc, tôi chợt thắc mắc, sao nhỏ Linh nói là tôi chớp mắt trước, mà không nói chuyện tôi đột ngột nắm tay nhỏ này. Và dĩ nhiên, tôi không hề nói gì với nhỏ Linh là lúc đó như có người vô hình xô tôi, hay phải chăng thăm kín trong tôi là ôm nhỏ Linh.

Và rồi, học thi nặng nhọc đã làm quên hết mọi chuyện thường ngày. Tôi nghĩ, có thể vì lúc đó, mùi nước hoa trên tóc nhỏ Linh có sức hấp dẫn. Tôi kể lại cho chị tôi nghe, rằng mùi nước hoa thoang thoang có sức mạnh xô người nam vào người nữ. Chị tôi cười trên điện thoại là may làm tao mắc cười gần chết, mới nói chuyện ngó mắt nhau, lại kể chuyện mùi hương trên tóc, mà phải gần cỡ nào mới ngửi thấy hương tóc được. Tôi nói lảng đi, có khi mùi hương từ kiếp trước,

nhưng thiệt sự là chỉ mới nắm tay thôi, rồi giựt ra, chưa từng ôm nhỏ Linh bao giờ.

Chị kể, rằng đúng là có chuyện dì Hà đứng nắm tay Thầy Đăng ở sân chùa, nhưng đó là khi trao nhau kính sách, hay sách truyện gì đó, thì tự nhiên, chắc là dì Hà muốn nắm tay Thầy Đăng thử xem có giống Lan và Ngọc trong tiểu thuyết Khái Hưng hay không. Chị tôi cười, chẳng có gì đâu. Tôi nói, vậy còn hôm dì Hà đi bụi đời thì sao. Chuyện dì Hà về sau mới nghe người lớn kể. Thời đó, không ai nói chuyện linh tinh như thế.

Chị tôi kể lại rằng, có một lần, chú tiểu Đăng rủ dì Hà và dì Hoa đi xe đạp sang miệt Tham Lương để thăm ngôi chùa nào nơi đó. Khu vực tôi đoán, có thể là Hóc Môn, hay Bà Điểm, vì qua cầu Tham Lương cũng không chỉ rõ là nơi nào. Nhưng rồi mưa chiều bất chợt lớn kinh khủng, ào ạt. Thế là ba người, đi trên hai xe đạp, không dám về cho kịp ban chiều, phải ở lại đêm nơi ngôi chùa kia. Thời đó không có điện thoại, cho nên má tôi lo lắm. Nghe kể lại là, ban đầu má bảo dì Hương qua chùa, hỏi nhà sư lớn xem vì sao chú Đăng biến mất cùng dì Hà và dì Hoa, có đúng là qua chơi miệt Tham Lương như ba người dặn dì Hương trước khi dì Hoa lên xe đạp ngồi sau



lưng dì Hà đạp theo chú Đăng hay không.

Tôi hoàn toàn không nhớ mấy chuyện đó, cũng vì sáng hôm sau ba người về. Ba tôi lúc đó còn trên một chuyến xe lửa nào đó, không có nhà. Má tôi rầy dì Hà và dì Hoa liên tục, nhưng sau đó chỉ giám sát chặt chẽ; hình như không kể lại cho ba tôi nghe. Má tôi lúc đó kéo hai dì Hà và Hoa, từng người ra tra hỏi riêng. Chị tôi kể, lúc đó má hỏi là có bị ai làm gì không, nấu ăn gì hôm đó, lại còn ngó kỹ từng lai áo, bầu quần xem có dính bùn hay đất gì không, và các thứ.

Nhưng nhà sư trụ trì hôm sau dẫn chú tiểu Đăng sang để xin lỗi cô Ba, vì tội nhỏ đi chơi không về. Nhà sư bắt chú Đăng ngồi trước mặt má tôi, tước mặt dì Hà và dì Hoa, lập đi lập lại những câu xin lỗi.

Chị tôi kể rằng, chị nhớ mang máng là, Thầy trụ trì bảo chú tiểu Đăng lập lại theo lời Thầy. Trước mặt mấy nữ cư sĩ, lời xin lỗi là bình thường. Nhưng chị kể, là sau đó chị nghe hai dì kể lại, lời Thầy trụ trì bắt chú Đăng đọc từng câu như lời xin lỗi Đức Phật. Nghĩa là, Thầy bắt chú Đăng xin lỗi chúng sinh trước, rồi xin lỗi Đức Phật sau. Nhiều năm trước, có lúc, tôi nghĩ đó là văn sấm hối.

Thầy bảo với giọng nghiêm nghị, Đăng, lập lại lời Thầy, "*Con không ưa thích những gì được thấy.*"

Chú Đăng lập lại lời Thầy trụ trì, giọng đều đều buồn thảm, "*Con không ưa thích những gì được thấy.*"

Thầy trụ trì tiếp, "*Con không ưa thích những gì được nghe, được ngủi, được nếm, được cảm thọ, được suy nghĩ...*"

Chú Đăng lập lại, trong khi chị kể là lúc đó, theo chỉ dõm lên thì thầy, dì Hà và dì Hoa cúi gằm mặt, "*Con không ưa thích những gì được nghe, được ngủi, được nếm, được cảm thọ, được suy nghĩ...*"

Thầy trụ trì nói, lập lại, "*Con không ưa thích những gì được thấy hôm qua, hôm kia, tuần trước, trong quá khứ...*"

Chú Đăng lập lại, giọng sâu thẳm hơn.

Thầy trụ trì tiếp, "*Con không ưa thích những gì được nghe, được ngủi, được nếm, được cảm thọ, được suy nghĩ... hôm qua, hôm kia, tuần trước, trong quá khứ.*"

Chú Đăng lập lại y như thế.

Rồi Thầy dẫn chú Đăng về. Hình phạt cũng lạ. Đọc mấy câu như thế mà gọi là phạt.

Không ưa thích những gì được thấy, được nghe hôm qua, có phải là ám chỉ rằng chú Đăng phải xóa trong ký ức hình ảnh và lời nói của mấy dì xinh đẹp của tôi?

Tuy nhiên, chuyện động trời như thế, chuyện hai dì ngủ một đêm ngoài nhà vì kẹt mưa không về kịp, má dẫn mấy dì giấu ba; lúc đó ba tôi còn trên một chuyến xe lửa, mấy hôm sau mới về. Má chỉ lo là ba lấy roi đánh mấy dì. Thêm nữa, hên mà hai dì đi kèm nhau, chớ rui mà chỉ một dì ngủ đêm ngoài nhà là sẽ bị nghi ngờ tào bạo.

Lần đầu tiên được nghe kể chuyện đó, khoảng thập niên 1970s, tôi nghĩ rằng câu chuyện giống như tiểu thuyết Kim Dung. Vì tôi chợt nhớ ra một câu trong một bài kinh của Minh Giáo Bà Tư, hình như là "*sống không lấy gì vui, chết không lấy gì buồn...*"

Về sau, nhiều thập niên sau, tôi nhắc chị tôi chuyện đó, nhưng nói rằng thực ra, có lẽ là từ một bản Kinh Phật tôi đọc gần đây.

Tôi đọc qua điện thoại cho chị nghe, một đoạn từ Kinh Bất Lạc trong Tạp A Hàm: "*Vì nếu Tỳ kheo không ưa sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc, thì đối với sắc sẽ không ưa thích, tâm được giải thoát...*" (1)

Chị tôi nói, không hoàn toàn giống, vì thời đó chưa có bản Việt dịch này. Thêm nữa, sắc gì mà sắc, con nít trần mà...

Tôi nói, hẳn là Thầy trụ trì đọc bản Hán văn, và bắt chú Đăng đọc để xin lỗi má

và hai dì.

Chị tôi nói, buổi xin lỗi chỉ có khoảng 15 phút, nhưng sau đó dì Hà không dám một mình đi gặp chú Đăng nữa.

Tôi cãi, sắc đây là cái mình thấy, không phải nhan sắc, mà thiệt ra, sau đó má dẫn dì Hương và dì Hoa là tụi bay phải bám sát chị Hà, không để một mình đi đâu hết.

Chị tôi bật cười qua điện thoại, hóa ra má chơi trò kèm kẹp, cảnh sát và công an nơi nào, thời nào cũng có.

Tôi nói, không biết dì Hà sau đó có ý định lãng mạn gì xa hơn không, mấy chuyện này mà không liều mạng, là không thành tiểu thuyết.

Thiệt ra, khi tôi nói như thế, là hình ảnh nhỏ Linh hiện ra trong đầu tôi. Nơi cổng Chùa Xá Lợi, thay vì chỉ ngó vào mắt nhau, thay vì chỉ đột ngột nắm tay và rồi giựt tay ra, mà ôm nhau là lịch sử đời tôi biến đổi rồi. Dĩ nhiên, tôi không bao giờ kể cho chị tôi nghe chuyện nhỏ Linh. Có thể, khi đọc truyện này, chị tôi mới biết.

Từ khi tôi được nghe kể, đôi khi khởi lên mấy chữ thì thăm bên tai tôi rằng không có gì để ưa thích... Những lúc như thế, hình ảnh khoảng sân cát trắng và lũ nhỏ ê a hiện lên trước mắt tôi lãng đãng y hệt như từ một giấc mơ nhiều ngàn đêm trước.

Vài năm sau, cả nhà tôi dọn vào Chợ Lớn. Những âm vang và hình ảnh từ Xóm Chuông Bò nhạt dần trong trí nhớ tôi, hệt như làn khói ban chiều mỏng dần và tan đi.

GHI CHÚ:

(1) Kinh Bất Lạc: <https://suttacentral.net/sa60/vi/tue-sy-thang>



# The Story of Thera Potthila

## *Dhammapada, Verse 282*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (282) of this book, with reference to Thera Potthila.

Potthila was a senior Bhikkhu, who knew the Pitaka well and was actually teaching the Dhamma to five hundred Bhikkhus. Because he knew the Pitaka, he was also very conceited. The Buddha knew his weakness and wanted him to mend his ways and put him on the right path. So, whenever Potthila came to pay obeisance, the Buddha would address him as 'Useless Potthila'. When Potthila heard these remarks, he pondered over those words of the Buddha and came to realize that the Buddha had made those unkind remarks because he, Potthila, had not made any serious effort to practice meditation and had not achieved any of the Maggas or even any level of mental absorption (jhana).

Thus, without telling anyone Thera Potthila left for a monastery at a place twenty yojanas away from the Jetavana monastery. At that monastery there were thirty Bhikkhus. First, he went to the most senior Bhikkhu and humbly requested him to be his mentor; but the thera, wishing to humble him, asked him to go to the next senior Bhikkhu, who in his turn sent him on to the next. In this way, he was sent from one to the other until he came to a seven year old Arahat samanera. The young samanera accepted him as a pupil only after ascertaining that Potthila would obediently follow his instructions. As instructed by the samanera, Thera Potthila kept his mind firmly fixed on the true nature of the body; he was very ardent and vigilant in his meditation.

The Buddha saw Potthila in his vision and through supernormal power made Potthila feel his presence and encouraged him to be steadfast and ardent.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

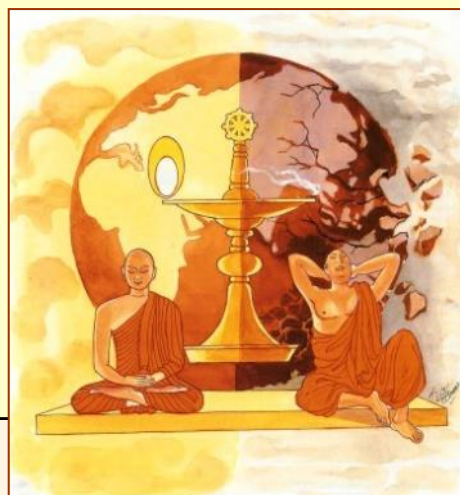
**Verse 282:** Indeed, wisdom is born of meditation; without meditation wisdom is lost. Knowing this twofold path of gain and loss of wisdom, one should conduct oneself so that wisdom may increase.

At the end of the discourse Potthila attained Arahatship.

### GROWING OR LOOSING

From meditation wisdom grows.  
From lack of meditation wisdom fades.  
The one knowing this relation of growth and loss  
should settle with solid determination  
on the way to growth of wisdom by understanding.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**  
*Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.*



## HỦ TIỂU NAM VANG CHAY



*Vegan Phnom Penh rice noodle soup  
(Photos by Diệu Thảo, reposted with permission)*

### Nguyên liệu:

- ◆ 1 cây chả lụa chay
- ◆ 2 cây mì căn
- ◆ 1 bịch hủ tiếu dai
- ◆ 2 củ cà-rốt
- ◆ 1 củ sắn to (củ đậu)
- ◆ 1 trái táo
- ◆ 1 bắp cải thảo rửa sạch, cắt khúc
- ◆ Bột nêm nấm hương chay
- ◆ 1 hộp gia vị hủ tiếu Nam Vang chay
- ◆ 1 hủ cải thảo băm
- ◆ 1 cây boa-rô, phi dầu cho vàng thơm
- ◆ 1 muỗng muối
- ◆ 1 muỗng hạt nêm chay
- ◆ 2 muỗng nước tương
- ◆ 1/2 muỗng cà-phê tiêu
- ◆ 300 gram nấm rơm tươi cắt gốc, rửa sạch
- ◆ 3 miếng đậu hủ chiên vàng
- ◆ 300 gram chân nấm Nhật ướp gia vị, băm nhỏ đem xào với dầu boa-rô, nêm nêm vừa ăn
- ◆ Vài cọng cần tàu rửa sạch, cắt khúc
- ◆ Rau tần ô cắt gốc, rửa sạch
- ◆ 1 miếng tàu hủ ky lá chiên vàng
- ◆ Nước tương
- ◆ Giấm đỏ
- ◆ Ớt xắt lát
- ◆ Đậu phộng rang ngũ vị hương
- ◆ Chanh, Giá, Ngò

### Cách làm:

- Củ cải, cà-rốt, củ đậu (củ sắn), trái táo gọt vỏ, thái miếng (trừ táo, táo để nguyên trái).
- Cho vào nồi, đổ nước ngập cao, hầm lấy nước ngọt.
- Cho hộp gia vị hủ tiếu Nam Vang chay vào.
- Cuối cùng cho cải thảo cắt khúc vào nêm nêm lại vừa ăn, theo khẩu vị từng người.
- Hủ tiếu trung nước sôi, xả nước lạnh, để ráo nước, thêm vào vài giọt dầu ăn để hủ tiếu không dính vào nhau.
- Chả lụa chay cắt lát mỏng.
- Mì căn ướp gia vị khoảng 1 giờ, cắt lát mỏng, xào sơ cho thơm.
- Tàu hủ ky: chiên vàng, cắt thành miếng vừa ăn.
- Nấm rơm tươi: rửa sạch, cắt làm ba, nêm gia vị cho thơm, xào sơ.
- Đậu hủ: để ráo nước, cắt làm tư, ướp gia vị cho thơm xong chiên vàng, sau đó cắt lát mỏng vừa ăn.
- Ngò, cần: rửa sạch, cắt khúc.
- Boa-rô: cho dầu xào vàng thơm mới vớt ra, để riêng.
- Nước lèo: Dùng nước súp sẵn có, đun sôi, nêm gia vị cho vừa.

### Trình bày:

- 1) Cho giá sống, rau cần và hủ tiếu vào tô, trên sắp chả lụa chay, nấm, đậu hủ, tàu hủ ky, chân nấm Nhật băm nhỏ, mì căn, một ít boa-rô, ngò, ít đậu phộng rang tằm ngũ vị hương và tóp mỡ chay làm từ bánh mì.
- 2) Chan nước dùng vào và dùng nóng.
- 3) Ăn kèm với rau tần ô, salad, cần tây, chanh và ớt xắt ngâm nước tương giấm đỏ thì ngon tuyệt nhé cả nhà!

**(Cơm Chay Diệu Thảo)**

*30 Trịnh Hoài Đức, P. 1, Q. Bình Thạnh,  
Saigon, VN)*

**Chú thích:** Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



# Duyên và Nợ

ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**T**rong kho tàng văn chương truyền khẩu hay huyền thoại Việt Nam đã có nhiều chuyện duyên-nợ. Chẳng hạn chuyện tích Mưa Ngâu mà dân gian đã có thơ truyền tụng:

*Tục truyền Tháng Bảy  
mưa ngâu.*

*Con Trời lấy đũa chặn  
trâu cũng phiền.*

*Một rằng duyên hai là  
rằng nợ.*

*Sợ xích thằng ai gỡ cho  
ra.*

Chức Nữ con Trời, chuyên ngồi dệt lụa trong cung cấm mà lấy phải anh chàng chặn trâu thì đúng là chuyện duyên hay nợ từ kiếp trước. Rồi chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung Công Chúa. Tiên Dung Công Chúa con Vua Hùng thứ 18 đáng lý ra phải lấy một hoàng tử đẹp trai mới gọi là lương duyên chứ. Thế tại sao lại lấy một anh chàng nhà nghèo không có khổ để mang? Cái này rõ ràng là nợ và làm vua cha buồn lòng.

Thế nhưng Tiên Dung Công Chúa là người thông minh tuyệt vời và hiểu rằng đời này làm gì có sang hèn. Công chúa con vua, vua bị truất phế, ngày mai ra chợ bán rau là lẽ thường. Còn Chử Đồng Tử lại là một Phật tử cho nên hai người đã biến nợ thành mối lương duyên, đẹp lòng cả vua cha, đẹp lòng nhân gian và còn lưu truyền mãi tới ngày nay.

Nhân gian thường không hiểu trong Duyên có Nợ và trong Nợ có Duyên cho nên đã tách biệt Duyên và Nợ. Theo dân gian thì:

1) **Nợ** là gặp nhau, lấy

nhau để đem lại khổ đau, phiền não cho nhau, chẳng hạn như: Mắng chửi, đánh đập, ghen tuông, hành hạ nhau, phá nát tài sản. Nếu là con cái thì lêu lổng, trộm cướp, nghiện ngập xì-ke ma túy, cuối cùng ngồi tù làm khổ cha mẹ, anh chị em. Nợ có nhiều thứ như:

- "Nợ đồng lần" là nợ từ thế hệ này sang thế hệ kia. Thí dụ: Ông bà phải nuôi cha mẹ chúng ta. Cha mẹ chúng ta phải nuôi chúng ta. Rồi chúng ta phải nuôi con. Con chúng ta lại phải nuôi cháu chúng ta. "Nợ đồng lần" cũng có nghĩa là nợ truyền kiếp từ đời này sang đời kia. Thú thực mà nói, ngày nay sau khi học Phật, nhìn thấy cô gái mang thai tôi thương cảm vô cùng. Có con thì vui đó, nhưng biết bao trách nhiệm, bao gian nan, bao cực nhọc để nuôi con. Khi con khôn lớn chưa chắc đã báo đáp công ơn cha mẹ. Đúng là "nợ đồng lần" của kiếp người.

- "Nợ đời" tức là phải nai lưng ra phục vụ cho đời vô cùng cực nhọc. "Nợ đời" cũng có nghĩa là "kiếp người phải thế". "Kiếp tằm phải nhả tơ" cũng nằm trong ý này.

- "Nợ áo cơm". Đã sinh ra thì phải sống. Muốn sống phải có áo cơm. Muốn có áo cơm phải làm việc vất vả, buông ra thì chết, giống như món nợ vậy. Bình minh vừa ló dạng, con chim phải rời tổ để đi kiếm ăn. Nhìn cánh chim bay lượn trên trời chúng ta ước ao được như chim nhưng có biết đâu nó đang hồi hả để kiếm mồi, không có miếng ăn thì chim sẽ đói và chết. Loài vật

cũng "nợ áo cơm" như chúng ta.

2) **Duyên** là gặp nhau để đem lại sự tốt đẹp và hạnh phúc cho nhau. Duyên có "lương duyên" và "duyên trời". Trai gái lấy nhau gọi là "kết duyên".

- Tuy nhiên cũng có những thứ duyên không tốt như "vô duyên". "Ăn nói vô duyên" tức nói lạc lõng không ăn nhập gì tới chuyện đang bàn.

- Rồi "vô duyên đối diện bất tương phùng". Vô duyên ở đây có nghĩa là không tâm đầu ý hợp, không cùng một tần số, chỏi lại nhau. Khi đã "vô duyên" rồi thì, ngồi cùng bàn, ở cùng phòng, ăn cùng mâm cũng không thèm nói chuyện với nhau. Còn xa tít mù khơi nếu tâm đầu ý hợp thì gọi điện thoại, gửi điện thư, lời nhắn liên miên, tâm sự cho thỏa thích.

- Rồi "vô duyên" còn có nghĩa là không thích, không mến, không hấp dẫn. Chẳng hạn như nói, "Tôi vô duyên với đá bóng." Điều này có nghĩa là dù tôi đã tập đá bóng nhiều lần nhưng cuối cùng đá bóng không phải là sở trường, sở thích của tôi.

- Còn "có duyên" tức là không đẹp lắm nhưng nhìn dễ ưa, dễ mến. "Ăn nói có duyên" là ăn nói vui vui mà hợp lòng người.

- "Có duyên" còn có nghĩa là thích, thích hợp, gần bó. Chẳng hạn như nói, "Tôi có duyên với Phật pháp." tức Phật pháp hợp với tôi, dù chỉ nghe qua một vài lần tôi đã hiểu và tin theo.

- Duyên còn có nghĩa là "do run rủi", do tình cờ mà

gặp nhau, do hoàn cảnh đẩy đưa. Thí dụ: Cùng đi thi, cùng gặp nhau trong một chuyến du lịch, trong một tiệc cưới, trong một ngày hội, cùng học một trường. Cụ Nguyễn Khuyến trong bài thơ khóc Cụ Dương Khuê đã gọi chuyện hai người kết bạn với nhau là "duyên trời" qua câu thơ, "Trong cơn gặp gỡ biết đâu duyên trời".

- Có một thứ duyên rất tức cười là "duyên con bò". Tức gặp nhau thì mừng rỡ, thương mến, nhưng sau đâm ra cãi cò nhau tối ngày, xung đột rồi chia tay.

- Rồi "duyên kiếp" tức do số phận lôi kéo phải ăn ở với nhau suốt đời nhưng không ưng ý. Trong các bản nhạc Bolero ủy mị thường thấy người ta khóc than "duyên kiếp bê bàng" rồi có khi "duyên thừa" nữa!

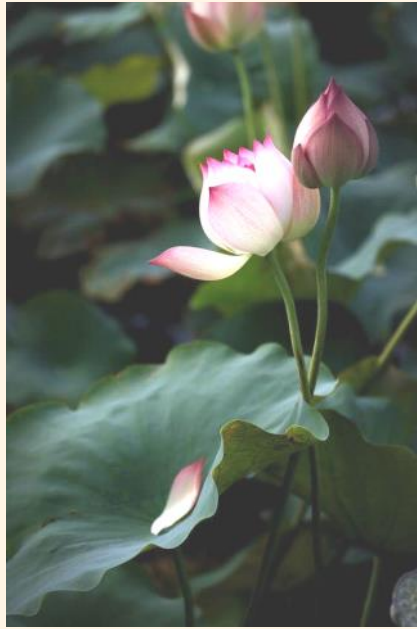
- Rồi "duyên phận" là người ta thì tốt, còn mình thì hẩm hiu, như lấy phải chồng xấu, chồng nghèo, vợ xấu vợ nghèo.

- Duyên còn có thể định nghĩa là "điều kiện" hoặc "hoàn cảnh bên ngoài" để hai sự kiện, hai cá nhân gặp gỡ và tác động vào nhau. Trong hóa học có thể gọi "duyên" là chất xúc tác. Trong Đạo Phật có Thập Nhị Nhân Duyên để giải thích mọi nguyên do của khổ đau, sinh tử luân hồi và vạn pháp trong cõi Ta Bà này.

- Rồi phước duyên có nghĩa là trong cuộc đời này gặp tai nạn, khổ đau, bất ưng muốn tự tử chết cho rồi, may gặp thiện tri thức, tăng/ni chỉ bảo cho, bỗng đại ngộ, thay đổi cả cuộc đời và tìm thấy hạnh phúc.

Theo quan niệm của người đời thì duyên là duyên, nợ là nợ và không thể nào thành duyên. Chẳng hạn không có chuyện chủ nợ đến đòi nợ lại vui vẻ, tha thứ cho con nợ. Nếu không trả nợ thì phải truy tố ra tòa hoặc có thể mượn sát thủ đòi nợ thuê để thanh toán.

Thế nhưng theo Đạo Phật thì: Nếu **trong sinh đã có tử, trong vui đã có**



**buồn, trong ngày đã có đêm, thì trong duyên đã có nợ và trong nợ đã có duyên.** Tất cả đều do Tâm mình mà ra. Thí dụ:

- Một đôi trai gái xứng đôi vừa lứa lại, đẹp đẽ, giàu có, danh vọng, yêu nhau say đắm, rồi lấy nhau, đám cưới linh đình như đám cưới của hoàng gia. Báo chí, truyền hình loan tải, cả triệu triệu thanh niên thiếu nữ thêm khát. Đây đúng là duyên trời, là hạnh phúc tuyệt vời của thế gian. Thế nhưng chỉ vài năm hay vài tháng đã đưa nhau ra tòa rồi ly dị vì không chịu nổi nhau do: Lối sống khác nhau, sở thích khác nhau, món ăn khác nhau, bạn bè giao du khác nhau, cách nuôi dạy con cái khác nhau, trình độ hiểu biết khác nhau. Bà tối ngày trưng diện, sơn móng tay, quần áo mới mặc một lần đã quẳng bỏ, giày dép, túi xách, nữ trang sắm không biết mệt... và cả trăm thứ khác nhau khiến cãi cò liên miên, coi nhau như thù địch và... chia tay. Như vậy câu chuyện tình khởi đầu là **lương duyên**, trong chớp nhoáng đã biến thành **nợ**. Trong Tam Quốc Chí, ba anh em Lưu-Quan-Trương gặp nhau tâm đầu ý hợp kết nghĩa đệ huynh để mưu đồ đại sự, đúng là duyên trời.

Thế nhưng cam kết "đồng sinh, đồng tử" không thể nào thực hiện được đã biến duyên trời thành món nợ vô cùng rắc rối, phá hỏng sự nghiệp của Lưu Bị khi Quan Vân Trường bị Lữ Mông chém đầu. Nếu Lưu Bị không cất quân báo thù cho Quan Vân Trường theo lời van xin, thúc ép của Trương Phi thì là kẻ bất nghĩa, phản lời thề. Mà cất quân đánh Đông Ngô thì vô cùng bất lợi, tai hại cho đại cuộc. Cho nên trong đời này chúng ta chớ vội mừng khi gặp mối lương duyên và chớ vội buồn khi chúng ta gặp "của nợ". Quý Vô Thường của cuộc sống này sẽ biến Nợ thành Duyên và Duyên thành Nợ trong chớp nhoáng.

- Một đôi trai gái do hoàn cảnh éo le nào đó đã phải lấy nhau, thật không ưng ý, đúng là của nợ. Thế nhưng người vợ hay người chồng do được biết tới Phật pháp đã thực hành hạnh yêu thương và nhẫn nhục để biến thực tại không ưng ý thành hạnh phúc. Họ biết chịu đựng nhau, biết giúp đỡ, an ủi và hiểu nhau... cuối cùng thì hai người đã tìm thấy hạnh phúc. Tôi đã có dịp xem một chương trình truyền hình hình trên đài Fox News lớn nhất nước Mỹ. Khi họ hỏi một người đàn bà Mỹ khá thành công là tại sao bà luôn luôn sống hạnh phúc. Câu trả lời đơn giản và đầy bất ngờ là, "Tôi hạnh phúc là vì tôi không tranh cãi hay xung đột với chồng tôi. Hề ông ấy thích cái gì thì tôi thích cái ấy."

*Bạn ơi,  
Chúng ta có vạn cách để  
làm cho người ta ghét mình.*

*Và chúng ta cũng có cả  
ngàn cách để người ta yêu  
thương, quý trọng mình.*

*Vậy thì,  
Trong đời này,  
Nếu may mắn có Duyên rồi  
thì hãy củng cố và giữ gìn  
Duyên ấy.*

*Hạnh phúc không phải là  
chuyện tự nhiên hay trên trời  
rơi xuống.*

*Mà do nỗ lực, cảnh giác,  
vun đắp từng ngày.*

*Xin bạn nhớ cho,*

Cái gì cũng có thể bị Quý  
 Vô Thường lấy đi.  
 Cho nên phải uyển chuyển  
 để đối mặt với nó.  
 Còn nếu như bạn mắc Nợ,  
 Thì xin bạn công bằng mà  
 trả nợ.  
 Nhưng hãy trả bằng hạnh  
 nhân nhục và vị tha.  
 Bạn sẽ từ từ sẽ biến Nợ  
 thành Duyên.  
 Qua câu chuyện Chử Đồng  
 Tử và Tiên Dung Công Chúa,  
 Nếu bạn là con gái của đại  
 gia,  
 Lấy phải anh chàng nghèo  
 xơ xác.  
 Chưa chắc đó là nợ,  
 Mà có thể là mối lương  
 duyên.  
 Còn bạn hào hoa, đẹp trai,  
 học giỏi.  
 Lấy phải "cô bé lọ lem".  
 Coi chừng đó lại là mối  
 tình hoa mộng.  
 Bởi vì biết đâu trong đời  
 bạn "lên voi xuống chó".  
 Mà "cô bé lọ lem" đó vẫn  
 còn yêu bạn.  
 Thì đây chính là người tình  
 chung thủy tuyệt vời.  
 Thế thì,  
 Duyên và Nợ cùng chung  
 một thể.  
 Do tâm mình biến hiện mà  
 thôi.  
 Khi bạn yêu thì đó là duy-  
 ên.  
 Khi bạn ghét và không ưng  
 thì đó là nợ.  
 Nếu bạn hiểu được như  
 thế.  
 Thì bạn sẽ hạnh phúc  
 trong mọi hoàn cảnh của cuộc  
 đời.  
 Hãy tạm ví dòng sông  
 tượng trưng cho khổ đau.  
 Người không biết bơi nhảy  
 xuống đó là cuộc tự sát.  
 Còn đối với người biết bơi  
 lại là cuộc tắm mát nhẹ  
 nhàng.  
 Bạn ơi,  
 Pháp Phật sẽ giúp bạn,  
 Biến nợ thành duyên,  
 Biến khổ đau thành hạnh  
 phúc.  
 Bạn hãy tin như thế.

**Đào Văn Bình**  
 (California ngày 22/1/2019)



## ĐỘC HÀNH

Tôi ơi! Muôn dặm viễn trình  
 Tôi đi tìm lại chính mình, tôi ơi!  
 Thênh thang, ba cõi thanh thoi  
 Sông kia, núi nọ, chẳng vui chẳng đau

Bước đi, người bước không hay  
 Bước về quên hẹn, nơi này ai mong!  
 Núi không là núi,  
 Sông không là sông  
 Tác gang thôi, đủ quận lòng phiêu du!

Xuân qua, Hạ tới, vào Thu  
 Tôi tìm tôi dưới sương mù Đông sang  
 Vạn hữu thềm lặng mênh mang  
 Mà bao màu nhiệm tương quan đất trời!

Bỗng nhiên!  
 Tôi thấy tôi rồi!  
 Giọt sương trên lá, ngàn lời vô ngôn!  
 Bông hoa dại nở bên đường  
 Tự thân Bát-nhã, cúng dường Ba-la!

Thế thôi!  
 Hãy chỉ Như-Là  
 Soi gương sẽ thấy bóng ta Như-Thị.

## TN HUỆ TRÂN

(Tào-Khê Tịnh Thất, sau thời công phu sáng)



## THÔNG BÁO

### Thực Hiện Bộ 2 Của Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,  
Kính thưa quý văn thi hữu và độc giả,

Trong Lời Đầu Sách của Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo xuất bản vào đầu năm 2010, chúng tôi có nói đến sự thiếu vắng rất nhiều tác giả viết về Phật Giáo trong bộ sách này. Đó hoàn toàn là vì lý do khách quan, bởi vì vào thời điểm đó do 2 yếu tố hạn chế: phương tiện thu thập tài liệu và sự đáp ứng của các tác giả viết về Phật Giáo tại hải ngoại.

Sau khi Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo được ấn hành và phổ biến cho đến nay đã tròn 9 năm, chúng tôi nhận được nhiều sự khuyến khích từ chư tôn đức Tăng Ni, quý văn thi hữu và độc giả khắp nơi cho việc thực hiện tiếp Bộ II. Nhưng vì cơ duyên chưa đầy đủ và cũng có phần vì công việc bận rộn nên dù rất muốn làm tiếp Bộ II mà hoàn cảnh không cho phép. Mãi đến nay mới có thể chuẩn bị bắt tay vào công việc này. Rất mong sự cảm thông và hỗ trợ của chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu.

Mục đích chính của Ban Chủ Trương khi thực hiện Bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo, như đã được nhấn mạnh trong Lời Đầu Sách của Bộ I, là xem đây như một văn khố lưu trữ những sáng tác phẩm của chư tôn đức Tăng, Ni và các văn thi hữu viết về Phật Giáo để làm tài liệu tham khảo và nghiên cứu cho những người đi sau.

Để thực hiện Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo chúng tôi xin chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu tại hải ngoại tiếp tay hỗ trợ bằng 2 cách:

- 1- Khuyến khích, kêu gọi và giới thiệu cho Ban Chủ Trương những tác giả hiện sinh sống tại hải ngoại đã có các sáng tác văn thơ về Phật Giáo;
- 2- Tác giả có đóng góp văn thơ Phật giáo tại hải ngoại, xin gửi cho chúng tôi các tài liệu sau đây:
  - Một tấm hình chân dung,
  - Một bản sơ lược tiểu sử của tác giả, gồm các chi tiết chính như sau: Họ tên, Pháp danh, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, cộng tác với báo chí, trang mạng toàn cầu,... (đánh máy dạng Word),
  - Danh sách các tác phẩm đã xuất bản hoặc bài viết đã đăng (đánh máy dạng Word),
  - Ít nhất 5 bài thơ (đánh máy dạng Word), hoặc
  - 3 bài văn (đánh máy dạng Word).

Thời hạn chót gửi tài liệu là cuối tháng 8 năm 2019.

Mọi liên lạc về tài liệu cho Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo xin gửi về địa chỉ email: [vanhocphatgiaovnhnsk@gmail.com](mailto:vanhocphatgiaovnhnsk@gmail.com)

Rất mong được sự hợp tác tận tình của chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu để Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo được hoàn thành mỹ mãn.

Kính cảm ơn chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu.

Kính chúc chư vị đạo nghiệp viên thành, thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo.

California, ngày 12 tháng 1 năm 2019

Ban Chủ Trương:

Thích Nguyên Siêu

Thích Tâm Hòa

Quảng Thành Bùi Ngọc Đường

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Tâm Quang Vĩnh Hào



## MÙA XUÂN SON SẮT VĨNH HẰNG

Tuyết

Phơ phất

trắng cung trời

Lòng lay lắt lắt

nhớ người viễn phương!

Rộn ràng

Tết ở cố hương

Mình còn lãng đãng dậm trường mãi mê.

Mười ngàn dậm vẫn chưa hề

Tâm tư vẫn nhớ bốn bề xuân xưa

Bao giờ mình lại đón đưa?

Bao giờ người hồi

Xin thưa bao giờ?

Ngoại quan đâu dám hững hờ

Vân luôn thao thức có ngờ chi chẳng?

Mùa xuân son sắt vĩnh hằng

Năm rồi năm

vẫn dải đàng đôi nơi.

Mình xa

Góc bể chân trời

Nhớ mùa xuân

nhấn

một lời nước non

Mai vàng

Pháo đỏ

Gót son

Em vui trẩy hội giữa con đường này.

Đất trời ngan ngát hương bay

Mình mơ một sớm xuân say hội làng

Sân chùa phảng phất khói nhang

Bên đình hát bội rộn ràng biết bao.

Em xinh má đỏ hoa đào

Lúng la lúng liếng nói chào người dừng

Mùa xuân có quận tưng bừng

Mặc đời dâu bể chưa từng nhạt phai

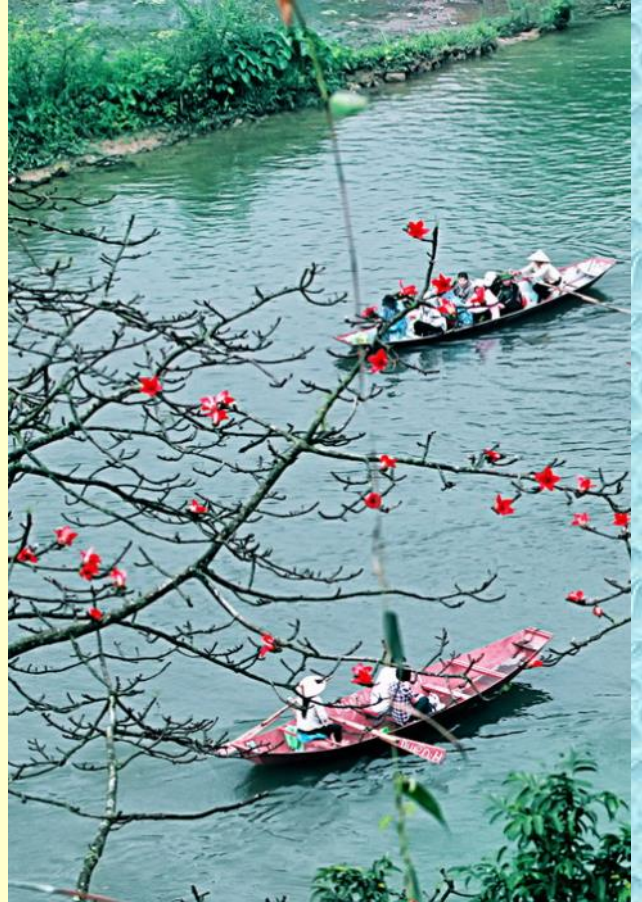
Một mai em nhé

một mai!

Mình về Tết

lại cầm tay

xuân thì



thơ TIÊU LỤC THẦN PHONG

# Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



## KHÔNG CAN HỆ GÌ

Hai người bạn chơi thân với nhau nhưng khác đức tin, có lần họ nói chuyện với nhau về giáo lý. Một người nói:

- Tổ tham khảo và thấy luật nhân quả trong nhà Phật cũng hay, cũng công bằng đấy! nhưng tớ là người ngoại đạo nên không chịu ảnh hưởng của nó.

Người bạn của anh ta bèn bảo:

- Cậu cũng có lý nhưng thế này nhé! Khi cậu gõ mạnh thì chuông kêu to còn gõ nhẹ thì tiếng nhỏ, không gõ thì không có âm thanh. Tiếng chuông chẳng can hệ gì đến cái nhĩn là chuông giáo đường hay chuông thiền môn cả!

## DỰ NGHIỆP

Anh là giáo viên dạy giỏi nhất trường; anh mong cho tất cả học sinh lớp mình đều giỏi nhưng chỉ có vài em xuất sắc còn lại trung bình và yếu. Anh thảo luận với mọi người:

- Tôi bình đẳng dạy các em nhưng kết quả thật bất đồng. Em thì giỏi toán, em thì giỏi văn, em thì khá, em thì kém...

Nhiều ý kiến lý giải nhưng Anh không thỏa mãn bèn lên chùa hỏi thầy. Thầy bảo:

- Do nghiệp lực tập khí đời trước của các em, gặp hoàn cảnh thích hợp thì nó phát triển, còn chưa gặp thì nó tiềm ẩn vậy.

## NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Sau khi các khoa học gia nhân bản thành công cừu Dolly, cả thế giới khâm phục và cho là một phát triển vượt bậc của khoa học. Tiếng đồn đến tai các quan xứ Đông Miên, các quan cười sằng sặc:

- Tưởng gì ghê lắm, cái ấy thì người xứ ta ai cũng làm được!

Có người tức khí vặn:

- Chuyện này mà cũng làm nổi à?

Quan không nhin được cười:

- Chú em xem, mỗi khi ta hay các em chân dài mà nói chữ gì thì lập tức báo chí và dân chúng đều nhân bản cả: Hoàn tráng, tâm tư, ấn tượng, vãi, thánh...

## CHỈ LÀ CÂU CHỮ

Hồi đầu năm rồi, cậu con trai mang con mèo vào nhà.

Bà mẹ rầy:

- Sao đại thể, điều này xui xẻo cả năm. Người ta bảo: "Mèo tới nhà thì khó, chó tới nhà thì sang."

Cậu trai cãi:

- Mẹ mê tín!

Nhưng bà không chịu, rồi năm cũng qua đi, tổng kết sổ sách thì thấy làm ăn khấm khá hơn cả năm trước. Bấy giờ cậu trai bảo:

- Mẹ thấy đấy! không xui mà còn hên nữa, chẳng qua câu chữ nó ăn vắn với nhau thối giờ mình đổi lại: "Mèo tới nhà thì có, chó tới nhà thì sang."

Bà mẹ im lặng.

## CÓ BAO GIỜ ĐƯỢC THỂ NÀY CHĂNG

Người xứ quờn ngày nay lạ lắm! Quan, dân ăn nhậu tối ngày; cuộc sống dường như chỉ có kiến tiền và ăn nhậu là mục đích tối thượng. Người người ăn nhậu mọi lúc mọi nơi. Thiên hạ bốn bên châu quan nhìn vào khen:

- Người xứ này lạc quan nhất thế giới nên ăn nhậu thả giàn!

Tướng quốc cũng vui tánh lên đài tuyên bố rằng:

- Có bao giờ được thể này chăng?

Kẻ sĩ có người lên vào

công đường viết đôi câu đối:

- Guc mặt ăn không hay  
rằng dân tộc suy vong  
Ngửa mặt uống chẳng biết  
lấy đất nước mắt còn.

## TẠI KIẾNG HAY TẠI CẢNH

Xứ Đông Miên có nhà văn dùng ngòi bút phản ảnh những nhiều nhược của xã hội, nổi thống khổ của dân nghèo, sự lạm quyền hà hiếp của quan quyền... Vì vậy quan hoạnh hoệ:

- Sao cứ ông bôi nhọ triều đình, nói xấu quan quyền?"

Nhà văn điềm tĩnh:

- Tôi chẳng nói xấu ai cả!

Quan bèn trưng mấy tác phẩm làm chứng vừa hùng hổ hỏi:

- Chối hả?

Nhà văn cười và chỉ vào tấm kiếng trên tường:

- Kiếng chiếu soi cảnh vật, đẹp hay xấu là do kiếng hay do cảnh?

Quan hậm hực nhưng không làm gì được bèn thả anh ta ra.

## HOA LỆ

Thành đô vốn là nơi giàu có và dễ kiếm sống nhất của xứ này. Người bốn phương tụ tập về đây, trăm người trăm nghề, trăm người bán vạn người mua. Bây giờ đâu có nhiều hư hao nhưng nó vẫn còn nét hoa lệ ngày xưa. Sĩ phu có kẻ viết:

- Xa mã hào nhoáng, xa xỉ xài sang, xa hoa trụy lạc, sa đoạ suy đồi, xa dân xa nước...

Quan triệu lên hỏi:

- Thành đô vốn hoa lệ, sao người dám chê bai viết bậy?

Giữa công đường anh ta khẳng khái:

- Ư thì hoa lệ! hoa cho người giàu, lệ cho dân nghèo!

STEVEN N  
Georgia, 2/2019



# CHÙA BÁT NHÃ: LỄ LẠC THÀNH NIỆM ÂN ĐƯỜNG, AN VỊ LINH

*Bình Sa*

TIN TỨC / SỰ KIỆN



Santa Ana (Bình Sa) - Chùa Bát Nhã tọa lạc tại số 4717 W First St, Santa Ana, điện thoại số (714) 571-0473 do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ đã long trọng tổ chức lễ Lạc Thành Niệm Ân Đường, an vị linh và tiệc tất niên đón mừng Xuân Kỷ Hợi 2019.

Điều hợp chương trình buổi lễ do Thầy Thích Đức Trí.

Buổi lễ diễn ra vào lúc 11 giờ trưa Chủ Nhật ngày 27 tháng 1 năm 2019 với sự chứng minh, tham dự của Trưởng lão Hòa Thượng

Thích Thăng Hoan, Chánh văn phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH/GHPGVNTN/HK, HT. Thích Phước Tịnh, Giảng Sư Chùa Bát Nhã, Sư Bà Thích Nữ Như Hòa, Ni Trưởng Ni Bộ Bắc Tông, Viện Chủ Chùa Dược Sư và phái đoàn, Sư Bà Thích Nữ Như Tịnh, Viện Chủ Tu Viện Đại Bi, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Tài Chánh GHPGVNTN/HK, một số quý chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni đến từ các chùa và tự viện Nam California, các kiến trúc sư và nhà thầu xây cất, các thân nhân có linh cốt thờ



tại chùa và rất đông đồng hương Phật tử tham dự.

Sau phần lễ tác bạch cung thỉnh chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức tăng, ni quang lâm Niệm Ân Đường, sau đó ban tổ chức cung thỉnh HT. Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn sự quang lâm chứng minh của chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức tăng ni, quý vị kiến trúc sư, nhà thầu xây cất cùng những Phật tử đã bỏ nhiều công sức để lo cho ngôi Niệm Ân Đường được hoàn thành. HT. nói: "Hôm nay thật là niềm vui lớn đối với chùa Bát Nhã chúng con đó là sự hiện diện chứng minh của Trưởng lão HT. Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, mặc dù tuổi già sức yếu nhưng lúc nào ngài cũng quan tâm đến vấn đề Phật sự của Giáo Hội, đó là niềm an ủi cho chúng con trên bước đường hoằng dương chánh pháp, phục vụ chúng sinh." Trong lời cảm tạ HT. đã không giấu được niềm xúc động khi nhìn thấy ngôi Niệm Ân Đường đã được hoàn tất, để có nơi thờ phụng các hương linh đã quá vắng, kể từ ngày tạo dựng ngôi chùa Bát Nhã tại nơi đây, việc đầu tiên mà HT. nghĩ đến đó là ngôi Niệm Ân Đường, qua thời gian, nhờ vào lòng phát tâm của chư tôn đức tăng, ni, đồng hương Phật tử xa gần, trong đó có Sư Cô Thích Nữ Ngọc Liên Viện Chủ Pháp Viện Minh Đăng Quang, Tổ Đình Giác Nhiên để công trình được hoàn thành như quý đồng hương đã thấy hôm nay...

Tiếp theo ban tổ chức cũng đã tặng quà tri ân đến các vị kiến trúc sư, nhà thầu xây cất đã hết lòng thực hiện để ngôi Niệm Ân Đường hoàn thành đúng vào dịp Tết Kỷ Hợi.

Sau đó Thầy Thích Quảng Hiếu, thay mặt ban tổ chức lên cảm tạ Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử tham dự.

Tiếp theo ban tổ chức cung thỉnh Chư Tôn Đức vào bên trong Niệm Ân Đường cử hành nghi thức lễ Sái Tịnh.

Sau lễ Sái Tịnh ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức tăng ni cùng đồng hương Phật tử trở lại trai đường thọ trai và thưởng thức chương trình văn nghệ do các nghệ sĩ thân hữu và đạo tràng Bát Nhã thực hiện.

Trong dịp này Thầy Thích Đức Trí cũng đã thông báo đến quý đồng hương về Đại Lễ Phật Đản năm 2019 được tổ chức hằng năm tại Mile Square Park rất cần các thiện nguyện viên giới trẻ tham gia, mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Bát Nhã số điện thoại: (714) 571-0473.

Ngoài ra Ban Kiến Thiết chùa cũng đã trình bày qua về đồ án xây dựng chùa Bát Nhã sẽ bắt đầu thực hiện trong năm 2019 tới đây để đồng hương Phật tử biết cùng tiếp tay thực hiện.



## TRĂNG

*1 vầng trăng nửa mảnh  
vàng vặc giữa canh thâu  
xôn xao ta ngó lại  
sông núi cùng 1 mầu  
ta dựa trong trời đất  
bụi trần trôi quá mau*

## CHUÔNG

*chân dung ta nơi đó  
trước mặt 1 lư hương  
ngày xưa ta gõ mõ  
bây chừ ta thỉnh chuông*

## CHIM

*bầy chim ngói đến muộn  
mùa lúa qua cuối tuần  
rom rạ khô chát đống  
chim ngại ngần bước chân  
bầy chim còn đứng đó  
cả 1 quăng đồng không  
chung quanh là hieu quanh  
bầy chim trở lại rung*

thơ  
CHU  
VƯƠNG  
MIỆN

# HÃY GIÀ MỘT CÁCH KHÔN NGOAN

*Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức*

Y KHOA PHỔ THÔNG



## **1. Đây là lúc mà ta phải tiêu hết số tiền mà ta đã để dành.**

Hãy tiêu chúng đi và tiêu một cách hoan hỉ. Hãy đừng đưa tiền đó cho những người mà họ không có một ý nghĩ gì về tại sao ta đã khó khăn mới kiếm được.

Hãy đặc biệt lưu ý tới những người cùng huyết tộc với các chương trình về cách kiếm tiền khó khăn như thế nào mà quý vị đã làm để có chúng.

Bây giờ cũng là thời gian không thuận lợi cho các đầu tư khác mặc dù việc đầu tư này có ít rủi ro. Đầu tư vào giai đoạn này chỉ mang lại lo âu và nhiều chuyện khó khăn. Đây là lúc mà quý vị cần tận hưởng một cách im lặng.

## **2. Hãy đừng lo nghĩ tới tài chánh của con cháu.**

Xin hãy ngưng lo nghĩ về tình trạng tài chánh của con cháu mình và đừng cảm thấy tội lỗi về cách mà bạn tiêu tiền do chính mình làm ra. Quý vị đã nuôi chúng trong nhiều năm và đã chỉ dẫn cho chúng tất cả những gì mà quý vị biết. Quý vị đã giúp chúng về học vấn, thực phẩm, nhà ở và tiền túi. Bây giờ chính là lúc chúng phải lo kiếm tiền để tự túc.

## **3. Hãy giữ sức khỏe.**

Tập thể dục vừa phải như đi bộ mỗi ngày, dinh dưỡng đầy đủ và hãy ngủ đều đặn. Ở tuổi này, quý vị rất dễ bị bệnh và muốn được khỏe mạnh thì cần nhiều cố gắng khó khăn hơn. Vì thế quý vị phải giữ mình ở tình trạng tốt và hãy lưu ý tới các nhu cầu về sức khỏe. Hãy giữ liên lạc với các bác sĩ bằng cách khám bệnh định kỳ, thực hiện các xét nghiệm mặc dù quý vị vẫn cảm thấy bình thường. "Cẩn tắc vô ưu," cổ nhân vẫn dạy ta vậy.

## **4. Luôn luôn mua vật dụng tốt nhất**

Luôn luôn mua vật dụng tốt nhất và đẹp nhất cho những người thân. Phần thưởng mà quý vị mua những quà với tiền của chính mình thật là vô giá. Vào một ngày nào đó, một

trong số những người thân của quý vị sẽ nhớ đến nhau và khi đó thì tiền chẳng cung cấp một điều quý giá gì cho nhau, vì vậy hãy cùng nhau tiêu tiền khi quý vị còn có thể sống với nhau.

## **5. Hãy bỏ qua những điều lật vật.**

Trong đời sống, hãy bỏ qua những điều nhỏ nhặt. Quý vị đã từng vượt qua những điều như vậy trong suốt cuộc đời. Quý vị đã từng có những kỷ niệm vui buồn nhưng hiện tại mới là điều quan trọng. Hãy đừng để quá khứ chìm quý vị xuống và đừng để tương lai làm quý vị sợ hãi. Hãy tận hưởng với những gì của hiện tại. Quý vị hãy quên đi những chuyện lật vật.

## **6. Luôn luôn làm sống lại tình yêu.**

Dù quý vị ở vào tuổi nào, luôn luôn làm sống lại tình yêu và sự thơ mộng. Hãy yêu mến người bạn đồng hành của quý vị, yêu đời sống, yêu gia đình quý vị, yêu hàng xóm, yêu chó hoặc yêu mèo và luôn luôn nhớ rằng: "Một người đàn ông chẳng bao giờ già khi ông ta có sự thông minh và tinh thần ái."

## **7. Hãy mạnh dạn tự kiêu...**

Hãy mạnh dạn và tự kiêu từ tâm hồn tới thể xác. Đừng ngưng tới tiệm hớt tóc, chăm sóc móng tay móng chân, đi khám bệnh ngoài da và đi nha sĩ, giữ đầy đủ đồ làm đẹp. Khi quý vị đã tự giữ mình thì quý vị sẽ cảm thấy kiêu hãnh và tự tin.

## **8. Đừng để ý tới bề ngoài.**

Ở tuổi của quý vị hãy đừng để ý tới vẻ bề ngoài. Không có gì lỗi bịch hơn là một người ở tuổi quý vị lại mặc quần áo của giới trẻ. Quý vị đã tạo ra một cái gì thích hợp với quý vị thì xin hãy giữ lấy nó và kiêu hãnh với nó. Đó là một phần của quý vị.

## **9. Luôn luôn theo dõi xung quanh.**

Đọc nhật báo, coi internet và đọc tin tức. Hãy có một điện thư còn hoạt động và cố gắng dùng một trong những điều của xã hội.



Quý vị sẽ rất ngạc nhiên gặp những người bạn cũ. Giữ liên lạc với những gì đã xảy ra và những người mà quý vị đã biết là điều quan trọng dù quý vị có già.

### **10. Hãy tôn trọng thế giới trẻ**

Hãy tôn trọng giới trẻ và ý kiến của họ. Và hy vọng rằng họ sẽ kính trọng quý vị. Họ có thể không có cùng quan điểm với quý vị nhưng họ sẽ là tương lai và hướng thế giới về phía họ. Hãy góp ý mà chẳng nên chỉ trích và hãy cố gắng mà nhắc nhở họ rằng sự khôn ngoan của quá khứ bây giờ vẫn còn áp dụng.

### **11. Đừng bao giờ dùng câu: "Vào thời của tôi"**

Ngày của quý vị là bây giờ. Bao lâu mà quý vị còn sống, quý vị là một phần của hiện tại. Quý vị có thể trẻ hơn, nhưng quý vị vẫn là quý vị. Hãy vui lên và tận hưởng cuộc đời.

### **12. Một số quý vị sẽ trù mẹn những năm huy hoàng trong khi đó thì nhiều vị trở nên cay đắng và gắt gỏng.**

Đời sống quá ngắn để bận tâm với những điều nhỏ nhen. Hãy chia sẻ với những người tích cực và vui vẻ. Điều này sẽ mang lại niềm vui cho chính quý vị và thời gian sẽ dễ chịu hơn. Sống với người yếm thế sẽ làm quý vị già hơn và khó mà sống với người khác.

### **13. Hãy đừng bỏ ý định sống với các con hoặc các cháu, nếu hoàn cảnh tài chính cho phép.**

Thực vậy, sống với người thân là điều tốt nhưng chúng ta có nếp sống riêng tư. Chúng thích sống cuộc đời của chúng và ta cần cuộc sống của ta. Nếu chẳng may mà quý vị mất người bạn đường (chúng tôi chia buồn cùng quý vị), hãy kiếm một người sống cùng và giúp lẫn nhau. Và cả khi đó nếu quý vị thấy thật cần sự giúp đỡ và không muốn sống một mình.

### **14. Hãy đừng từ bỏ các thú vui.**

Nếu quý vị không có thì hãy tạo ra một thú vui khác. Quý vị có thể đi du lịch, nấu ăn, đọc sách báo và khiêu vũ. Quý vị có thể nuôi một chú mèo, một con chó, làm vườn, đánh bài, chơi domino, quần vợt. Quý vị có thể vẽ, làm việc thiện nguyện hoặc chỉ sưu tầm một loại đồ vật nào đó.

Hãy kiểm điều gì mà quý vị thích và tận hưởng niềm vui với chúng.

### **15. Hãy nhận lời mời mặc dù quý vị không muốn.**

Hãy tới các lễ rửa tội, hội họp, ra trường, ngày sinh nhật, đám cưới và hội thảo.

Hãy ra khỏi căn nhà và gặp những người quen từ lâu mà quý vị chưa gặp lại.

Hãy trải qua điều gì mới hoặc cũ nhưng hãy đừng bực mình nếu không được mời. Một vài hoạt động như vậy bị giới hạn vì phương tiện và quý vị nhớ cho rằng không phải ai cũng mời được như vậy.

Điều quan hệ là đôi khi hãy ra khỏi căn nhà. Hãy tới viện bác cổ hoặc đi lang thang trong vườn bách thảo. Điều cần là hãy tạm thời ra khỏi căn nhà một khoảng thời gian ngắn.

### **16. Hãy tiết kiệm lời nói.**

Nghe nhiều, nói ít. Có nhiều trong số quý vị liên tục nhắc lại quá khứ mà không để ý người khác có thích nghe không.

Hãy nghe trước và trả lời câu hỏi sau nhưng đừng quá kéo dài câu chuyện trừ khi được yêu cầu.

Hãy nói với giọng nhã nhặn và nên tránh than phiền hoặc chỉ trích nhiều quá trừ khi cần.

Hãy cố gắng chấp nhận hoàn cảnh khi việc xảy ra. Mọi người đều trải qua những hoàn cảnh như vậy và nhiều người khó chịu vì phải nghe các lời than phiền. Vậy thì hãy cố gắng tìm các điều tốt để nói.

### **17. Đau và khó chịu thường xuất hiện ở tuổi cao.**

Không nên cố bám lấy nó và cho nó là một phần của cuộc sống mà mọi người phải trải qua. Hãy cố gắng giảm thiểu sự đau nhức và sự khó chịu ra khỏi trí óc. Chúng không phải tự nhiên mà quý vị có, chúng là những gì thêm thắt mà đời sống thêm vào cho quý vị. Nếu quý vị bận tâm đến nó, quý vị sẽ mất vai trò của quý vị. Hãy tha thứ.

Nếu quý vị bị người khác làm tổn thương, hãy quên đi. Nếu quý vị làm người khác buồn, hãy xin lỗi. Đừng kéo dài sự bất mãn với chính mình. Nó chỉ làm quý vị cảm thấy mất vui và cay đắng. Ai phải cũng thế thôi.

Có người đã nói: "Giữ sự bực tức thì cũng giống như uống chất độc và hy vọng rằng người đó sẽ chết."

### **19. Hãy tận hưởng niềm tin mãnh liệt nếu quý vị đã có**

Nhưng xin đừng cố thuyết phục người khác. Họ sẽ tự quyết định và quý vị sẽ bất mãn. Hãy sống với điều mà mình tin.

### **20. Hãy cười to lên**

Và cười thật nhiều. Cười về mọi thứ. Hãy nhớ quý vị là một trong những người có may mắn. Quý vị đã thu xếp để có một nếp sống, một nếp sống kéo dài. Nhiều người không bao giờ đạt được tuổi đó, chưa bao giờ hưởng trọn cuộc đời. Nhưng quý vị đã đạt được điều đó. Như vậy thì tại sao quý vị không vui cười to lên? Hãy mỉm cười trong bất cứ hoàn cảnh nào.

### **21. Đừng để ý tới lời bình phẩm của người khác về quý vị và đôi khi không thêm để ý tới những gì họ nghĩ về mình.**

Họ sẽ luôn luôn bình phẩm và quý vị nên tự kiêu hãnh và những điều tốt mình đã thực hiện. Hãy để họ nói và đừng quan tâm. Họ không hiểu tý gì về quý vị, về các ký ức của quý vị và đời sống của quý vị. Có nhiều điều cần ghi lại vậy thì hãy viết và đừng phí thì giờ về những gì mà người khác có thể gán cho quý vị. Bây giờ là lúc cần nghỉ ngơi và sống hạnh phúc càng nhiều càng tốt.

**Bác sĩ Nguyễn Ý Đức**  
[www.nguyenyduc.com](http://www.nguyenyduc.com)

# HÌNH ẢNH CHÚ TIỂU TRONG TẬP TRUYỆN “THIÊN THẦN QUÉT LÁ” CỦA NHÀ VĂN VĨNH HẢO

*TN. Thánh Tân*

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*"Kìa chú tiểu nhỏ  
Chòm tóc vắt lên  
Mắt thương khép mở  
Môi cười hồn nhiên"  
(Lê Đan)*

Khi nhắc đến một hình thức tín ngưỡng tôn giáo, hẳn người ta sẽ nghĩ ngay đến đạo Phật. Và điều kì lạ là khi nghĩ đến ngôi chùa – nơi biểu hiện của đạo Phật, thì người ta sẽ liên tưởng ngay đến hình ảnh chú tiểu. Chú tiểu nhỏ với ba vá (hình trái đào), hoặc một vá (một chòm trái đào phía trước). Chú tiểu nhỏ xú trong bộ đồ vạt hò lam, nâu, hoặc có khi màu vàng; mũm mĩm cười chào mỗi khi có khách. Chú tiểu ngậy ngô với câu cửa miệng “Nam mô di Phật,” và vẫn cười toe trước câu hỏi của ai đó: “Tại sao chú đi tu?” - “Vì con thích tu” hay đơn giản là “Con cũng không biết nữa,”...

Không ít lần chú tiểu ngủ gục bên án kinh. Trong tiếng chuông mõ đều đều, chú tiểu vẫn chóp chép cái miệng xinh xinh (vì ngủ mơ được ăn ngon)... Chú tiểu nhỏ lớn dần theo năm tháng. Chòm tóc dài vắt qua tai ngã màu nắng, chòm tóc một thời nuôi lớn chí xuất trần.

Đã có rất nhiều câu chuyện về chú tiểu ở chùa được truyền miệng qua các bà

vải. Nhưng khi nói đến một tác phẩm văn học, khắc họa thành công hình ảnh các chú tiểu, thì không thể không kể đến tập truyện “Thiên Thần Quét Lá” của nhà văn Vĩnh Hảo. Tập truyện khởi xướng phong trào, dùng ngôn ngữ viết để vẽ lại bức tranh muôn màu trong cuộc sống thiền môn tại Việt Nam.

Từ một chú bé được nuôi dưỡng trong tình thương của cha mẹ; dám vứt bỏ gia đình huyết thống để đến với kinh kệ, chuông mõ bên gia đình tâm linh. Chú tiểu nhỏ thắm thía câu nói: “ăn chay rất ruột, cạo đầu rất da.” Chú thương kính Thầy như cha mẹ ruột, không dám làm sai lời dạy của Thầy. Thầy là vị Phật hiện hữu chân thật, và sống động nhất trong tâm hồn chú.

Sống trong chốn thiền môn từ nhỏ, nên Vĩnh Hảo đã rất hiểu những chú tiểu. Bằng chất giọng chân phương, mộc mạc, giản dị, chân thành và tràn ngập chất liệu hiểu – thương; ông đã vẽ nên bức tranh các chú tiểu sống động hơn bất kỳ ai.

Trong truyện ngoại sử “Bước đi của Thiên thần,” ông đã thay mặt tất cả các chú tiểu trên thế gian nói lời tri ân với Rahula (con trai Thái

tử Siddhārtha). Rahula là người đã được đức Phật chấp thuận cho xuất gia khi mới 10 tuổi. Từ đó Tăng đoàn có thêm những vị ấu niên xuất gia, và được xếp vào khu ô Sa di. Và cũng từ đó, những câu chuyện trong chốn thiền môn thêm phần thú vị bởi những ngây thơ, vụng dại của các chú tiểu.

Hào tâm xuất gia là điều đáng quý, nhưng không phải ai xuất gia cũng đều như vậy. Nhất là những chú tiểu trong chốn thiền môn. Có chú xuất gia vì chỉ biết là mình thích ở chùa, có chú cao tóc vì muốn đầu mình giống đầu vị Thầy mà mình quý mến,... có trăm ngàn lý do. Nhưng có lẽ lý do đau xót nhất là: ba mẹ không nuôi nổi, phải gửi nhờ chùa nuôi. Và Vĩnh Hảo thật tài tình khi ông dùng hai chữ “hoàn cảnh” để nói về nguyên do ở chùa của chú Hòa, trong truyện “Pháp sư tí hon.” Trong thời buổi loạn lạc, cha mẹ con cái phải ly tán là đều khó tránh khỏi. Chú tiểu ở chùa vì lý do ấy, nhưng tài năng đã sớm bộc lộ. Với tài năng ấy, chú có thể trở thành một Pháp sư thực sự trong tương lai, chú có thể làm rạng danh cho đạo pháp. Nhưng một lẽ lỗi, một suy nghĩ “nổi dôi tông đường” không thể “tuyệt tự,” và vì tình mẫu tử đã khiến con đường đi của

chú ngăn lại. Với một góc nhìn khác, Vĩnh Hào vẽ nên bức tranh buồn của chiến tranh. Chú tiểu xưa ngậm ngùi câu nói: "Sảy chân ra muốn kiếp giận hoài."

Có rất nhiều lý do để chú tiểu không còn được khoác chiếc áo nê-hoàn thoát tục. Mảng tối của bức tranh ấy là "Người quét chợ." Sãi ở chùa thì quét lá đa. Đương nhiên! Nhưng ở đây, với hạnh nguyện quét chợ đời như quét rác trong tâm, Hải Thanh đã không nề khổ nhọc mà làm việc quét đường từ cổng chùa ra đến chợ. Nghiệp duyên sao tránh nổi. Thanh Thị được sinh ra trên mỗi duyên nợ giữa Thầy Hải Thanh và một tiểu thư con gái quan huyện. Khi biết về thân phận mình, chú tiểu kia đã mất rất nhiều thời gian để chấp nhận sự thật, xóa đi mặc cảm. Qua đó, tác giả như ngụ ý nói rằng: Sự thật không bao giờ có thể che đậy và thay đổi; nhưng sống như thế nào, tốt hay xấu, nên hay hư, thành hay bại, đó là quyền lựa chọn ở bạn.

Ca dao Việt Nam có câu: *"Cá không ăn muối cá ươn – Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư."* Là một xuất sĩ, thì Thầy chính là cha, là mẹ và là thầy. Người con ấy nếu không nghe lời Thầy, hẳn nhiên như không nghe lời cha mẹ mình vậy. Với một Cao Phong tưởng mình đủ lớn, dễ quên lời Thầy dạy, xem ngũ dục như miếng mật ngon, không thương thức thì uống phí. Với một Tuấn vì tự ngã, sớm xa Thầy lên núi nhập thất tu, cũng đã không vượt qua khỏi lưới ái tình; ước nguyện của người mẹ già chỉ là lý do cho chú có cơ hội phóng tâm, buông lung, sa ngã. Tự chung, tất cả rồi đều sẽ hiểu được chân lý đích thực của cuộc đời, nhưng họ không nghe lời Thầy – bậc tiền bối đi trước, mà chỉ đến khi họ tự trải nghiệm, tự va vấp, gánh lấy đau khổ tự tạo, ném trái đắng cuộc đời, họ lại quay về tìm nơi bình yên. Quay về nương tựa Người mà họ từng không nghe lời khuyên ngăn. Đến lúc này họ mới thốt lên câu: "Chùa



xưa chốn cũ lời Thầy không quên!"

Tu là tập sửa mình, sửa cho đúng, cho hợp với thanh quy lễ đạo. Thông qua "Cây đa chùa cũ," ông đã gửi gắm đến tất cả các chú tiểu một thông điệp là: các chú là con của giáo hội Phật giáo, không ai có quyền ức hiếp hay chèn ép các chú, chú có quyền chọn lựa cho mình vị một minh sư để nương tựa. Và, chỉ có tình thương thật sự từ một người Thầy mới đủ cảm hóa một người đệ tử, chỉ có từ bi trong trí tuệ mới có thể nuôi dưỡng một chú tiểu nhỏ thành một hòa thượng ở tương lai.

*"Giọt nước mắt ngày xưa nay đã thành mưa, rơi xuống đất nở hạt bồ đề."* Vâng!

Chính hạt bồ đề ấy, sẽ đem lại sự tươi mát cho cha trời và đất mẹ. Hạt bồ đề ấy sẽ là nguồn sống tinh thần, cho những ai còn đang mê lầm trong bóng tối vô minh. Tình thương sẽ chuyển hóa khổ đau cho nhau; sẽ xoa dịu, làm lành vết cắt của vấp ngã, và sẽ đưa con người tới tột cùng của hạnh phúc. Ai cũng cần có tình thương, nhưng tình thương ấy phải dựa trên nền tảng của trí tuệ hay đúng hơn là tuệ giác. Chú tiểu – người sớm rời cha, bỏ mẹ đến sống cửa thiền; thì lại càng cần tình thương hơn. Vậy

nên, "tình thương đúng mực" của người Thầy; sự yêu thương, bao dung, hòa hợp từ những sư anh, sư em; sẽ tiếp thêm sức mạnh, tưới tắm hạt giống bồ đề nảy mầm, đâm chồi, nảy lộc, xinh tươi dưới nắng không môn. Khi tình thương hiện hữu nơi tâm, thì trong vô thức, nó vẫn được phát khởi trong sáng và thánh thiện.

*"Tùng hạ vẫn đồng tử  
Ngôn: sư thể điệp khứ  
Chỉ tại thử sơn trung  
Vân thâm bất tri xứ"  
(Giả Đảo)*

*"Bên cội tùng chú bảo  
Thầy vừa đi hái thuốc  
Chỉ tại núi này thôi  
Mây mù không thấy được"  
(TS. Nhất Hạnh dịch)*

Bằng tình cảm đặc biệt dành cho các chú tiểu, nhà văn Vĩnh Hào đã nói lên tiếng lòng của rất nhiều chú tiểu trên thế gian: ước vọng, ưu tư, và cả những niềm vui nho nhỏ. Dù hiện tại ông không còn được mang hình thức của một tu sĩ, nhưng chính ông là minh chứng sống cho những chú tiểu quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Cứ tự tin làm một chú tiểu đi, cứ hồn nhiên đi; còn lại đã có những bậc Thầy khả kính lo cho quý vị rồi. Hãy an tâm đi đúng, bước vững ngay từ những bước đi đầu tiên này, chú tiểu nhé!



# Chỉ là hạt bụi

## MỘC NHIÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hôm ấy, trời trong xanh sáng mượt, muôn hoa đang khoe sắc, ong bướm dập dìu bay lượn dưới ánh nắng hồng dịu đẹp. Hạt Bụi vừa trở mình mở mắt ra và cảm thấy quá đổi ngỡ ngàng, tò mò với vạn vật xung quanh. Mọi thứ đều trở nên lung linh sinh động, lạ lẫm trước mặt mặc dù Hạt Bụi vẫn ở đây từ bao kiếp trước đến giờ. Có lẽ, sau khi tu luyện chứng quả thành hình người, cơ thể thay đổi, có đủ lực cần nên việc bắt đầu tiếp xúc sáu trần khiến Hạt Bụi trở nên tò mò hơn.

“Cạm giác có thể dùng đôi tay để sờ chạm vào vật thể thật tuyệt vời Sư Phụ hì, con thích lắm cơ.”

Sư Phụ chỉ ngồi lặng yên quan sát rồi mỉm cười nhẹ và nói:

“Hạt Bụi à, nay con đã có đủ hình hài của con người rồi thì cũng nên đổi lại tên cho hợp với con người nhé.”

Hạt Bụi nhanh nhẩu đáp:

“Tên là gì hở Sư Phụ? Con là Hạt Bụi mà. Vậy Hạt Bụi có phải là tên của con không?”

“Đúng rồi, khi con còn là hình hài nhỏ bé của Hạt Bụi thì Ta gọi con là Hạt Bụi để phân biệt với những loài, loại khác nhưng nay con không còn hạt bụi bé tẹo teo ngày xưa nữa.”

“Vậy Sư Phụ gọi con là Trần Duyên nhé.”

Hạt Bụi nháy mắt lên vui vẻ đáp:

“Dạ, là lá la Hạt Bụi nay có tên là Trần Duyên rồi nhưng Sư Phụ à... đệ tử vẫn thích được gọi là Hạt Bụi như ngày xưa hơn, nghe có vẻ thân

thiện và gần gũi với Sư Phụ hơn, hay là con có hai tên luôn nhà.”

“Được rồi, Ta sẽ giữ tên Hạt Bụi cho con.”

Ở nơi hang sâu cùng hẻm của vũ trụ bao la, hai thầy trò Hạt Bụi vẫn chăm chỉ miệt mài tu tập để trở thành Tiên. Một hôm, sư phụ nói với Hạt Bụi rằng:

“Hạt Bụi à, đã trải qua hàng ngàn kiếp tu hành, nay con đã luyện thành hình người đầy đủ tứ chi, cảm giác và tri giác rồi, để được thành tiên thì con phải trải qua kiếp sống của người phàm tục. Nướng vào nơi phàm trần để tu tập giáo pháp, nhận ra lẽ thật của chân lý để thành tiên, nhưng con phải luôn luôn nhớ kỹ một điều rằng: kiếp sống phàm tục chỉ là mong manh giả tạm như bọt biển, con chỉ nướng vào để tìm ra chân lý chứ không được bám víu vào nhé, nhớ nhé...”

Hạt Bụi lắng nghe lời sư phụ dạy rồi đáp: “Dạaaaaa,” dài ngoẵng. Trong lòng Hạt Bụi rất vui nhưng cũng rất buồn vì từ nay sẽ rời xa nơi thân yêu và Sư phụ thật rồi.

Đêm đó, Hạt Bụi cứ nằm trần trọc mãi với bao suy nghĩ bâng quơ cùng sự đặc ý, mình cũng giỏi á chứ, cũng đã cố gắng kiên trì tu tập qua bao nhiều kiếp để thành người mà, rồi một ngày nào đó không xa nữa mình sẽ thành Tiên thôi. Hí hí... rồi tự nhủ: mình phải quyết chí tu hành dù con đường chông gai hay nghịch cảnh của đời người có

khó khăn đến mức nào... mình phải lập chí và kiên cường vượt qua để không phụ lòng hướng đạo của Sư phụ.. Lơ mơ với bao suy nghĩ trong đầu thì Hạt Bụi ngủ thiếp đi lúc nào không hay biết, chỉ khi nghe tiếng chim hót sớm thì giật mình tỉnh giấc.

Sư phụ đang thiền tọa kể bên từ từ mở mắt ra và nhẹ nhàng dặn dò lần cuối:

“Hạt Bụi à! Từ nay, đường đời con phải một mình bước tiếp, tất cả chông gai khó khăn con cũng phải tự mình đương đầu vượt qua và không được đầu hàng nhục chí nhé. Sư phụ tin con sẽ làm được và thật tốt nữa. Duyên thầy trò giữa Ta và con cũng xem như đã tận, ngày sau gặp lại ở Thiên cảnh thì chúng ta sẽ khác, nhớ nhé Ta sẽ đợi con ở cuối con đường.”

Hạt Bụi nước mắt đầm đìa, nghẹn ngào không nói được gì chỉ biết gật đầu rồi lại gật đầu, ôm chân Sư phụ dập đầu lay bái biệt lần cuối rồi một mình bước xuống núi không dám quay đầu nhìn lại. Tự nhủ: từ nay, Hạt Bụi chỉ còn một mình một bóng dẫn thân vào đời sống hồng trần thôi.

Những năm đầu mới hạ sơn, Hạt Bụi vẫn rất tinh chuyên kệ kinh sớm chiều hai buổi, tu hành nghiêm mật, chưa trễ nải bao giờ.

Rồi một hôm, trời đang phảng phất mưa bay, Hạt Bụi đang lim dim mắt lần chuỗi hạt thì bắt gặp một cô nàng thật đẹp, yếu điệu thực nữ, thướt tha đi ngang qua chánh điện khiến lực cản của Hạt Bụi dấy

động. Trong một ý niệm khởi lên xúc cảm, tư tưởng làm chủ hành động, tâm tư Hạt Bụi tự thủ thi muốn chạm được nàng ấy. Nàng ấy là ai sao ta chưa thấy bao giờ, nàng ấy tên gì nhỉ? Sao nàng lại đẹp đến thế, nàng là con người chẳng hay cũng như ta, từ hạt bụi tu thành. Làm sao để ta có thể tiếp xúc nói chuyện với nàng được nhỉ? Bao nhiêu câu hỏi vẩn vơ cứ quẩn lấy tâm trí Hạt Bụi mọi lúc mọi nơi. Cứ như thế, căn bệnh tương tư đã bắt đầu đâm chồi nảy mầm trong lòng Hạt Bụi ngày một lớn dần. Và cuối cùng, việc gì đến cũng sẽ đến, dường như Hạt Bụi không còn kiểm chế được ý thức nữa rồi nên vào một buổi chiều ngày khác, Hạt Bụi lấy hết can đảm, đánh bạo đến bên và hỏi nàng:

"Này cô gái... Nàng tên là gì?"

"Thạch Nhi ạ..." nàng đáp một cách thân thiện.

"Thạch Nhi hả, tên gọi hay quá. Ta tên Hạt Bụi. À! Sư phụ còn đặt cho Ta thêm một cái tên nữa là Trần Duyên. Thạch Nhi thấy có hay không?"

Dường như Thạch Nhi cũng có ý với Hạt Bụi nên gật đầu tỏ ra e thẹn.

"Vâng, tên Trần Duyên cũng hay lắm ạ."

Hạt Bụi như hát trong lòng, vui khôn xiết rồi tiếp tục:

"Thạch Nhi có ở gần đây không, có thường xuyên đến đây không?"

"Có ạ, đến mỗi ngày ạ."

Hạt Bụi vui như hóa điên khi nghe Thạch Nhi đáp. Trong lòng thầm nghĩ, mình sẽ có nhiều cơ hội để gặp nàng. Rồi sẽ chạm được nàng thôi, hí hí.

Cuộc nói chuyện đến hồi kết khi nghe tiếng chuông báo giờ công phu chiều đến. Hẹn gặp Thạch Nhi ngày mai nhé...

Hạt Bụi đi công phu chiều nhưng tâm trí không còn để vào câu kinh lời kệ nữa, nó đang bay bổng ở tầng trời nào ấy. Thời kinh đã kết thúc, đại chúng cũng giải y từ lúc nào nhưng Hạt Bụi vẫn còn ngồi ề a mơ mộng. Thấy lạ, Trụ trì đến hỏi:

"Trần Duyên sao còn ngồi

đây?"

Giật mình đáp:

"Con đang tụng kinh ạ," vừa đáp vừa mở mắt ra nhìn xung quanh không một bóng người. Hạt Bụi lồm cồm đứng dậy đánh lễ đức Thế Tôn, tiếp xá chào trụ trì rồi lui về thiền thất. Suốt những ngày sau đó, tâm trí Hạt Bụi luôn luôn xao động, chỉ mong đến giờ gặp nàng.

Hôm đó là lễ tình nhân, là ngày đặc biệt của những đôi nam thanh nữ tú nhưng Thạch Nhi lại vào chùa thăm Hạt Bụi. Hai người ngồi trò chuyện rất vui vẻ và hợp ý nhau, rồi chợt Thạch Nhi nhìn sâu vào mắt Hạt Bụi hỏi:

"Chàng có yêu thiếp không?"

Hạt Bụi đỏ mặt tía tai, tim đập loạn nhịp, lạc giọng đáp:

*"Nàng là ai, cô gái hay nàng tiên"*

*"Giọng ngọt trong như nước suối hiền"*

*"Môi đỏ mọng như quả đào tiên"*

*"Dáng nàng thanh thoát tựa hoa thiên"*

Vừa nghe xong bài thơ, khuôn mặt Thạch Nhi ửng hồng e thẹn; Hạt Bụi liền dịu dàng nắm tay nàng, ngắt nhẹ đóa hoa cài lên mái tóc rồi áp sát mặt vào tai nàng thủ thi: "Ta thích nàng." Thạch Nhi mỉm cười, đôi mắt long lên vì hạnh phúc khẽ gật đầu đáp lại.

Tình yêu đầu đời, bỗng bột nhưng đây cảm dỗ khiến Hạt Bụi không thể khước từ. Và rồi, Hạt Bụi đã bị sức mạnh của dục vọng ái tình đánh bại, gục ngã bởi tham luyến nữ sắc. Cũng chỉ vì sự ham muốn lục căn tiếp xúc lục trần thực sự, muốn xúc chạm, muốn nếm thử vị ngọt của ái tình, vị đắng chát của cuộc đời đầy ngang trái và vị đau khổ của tấm thân vật lý vô thường đầy bất hạnh.

Bước vào đời với bao điều ngỡ ngàng như khi Hạt Bụi mới tượng hình người vậy. Sắc và Danh cứ lớn vồn đầy sức hút mộng mị khiến Hạt Bụi càng muốn lao vào như con thiêu

thân. Tháng ngày trôi qua với bao đam mê giả tạo, cố gắng khóa lấp mọi ham muốn trong dục vọng khiến Hạt Bụi càng kiệt sức nhanh hơn. Bởi:

*"Hồng trần giả tạo lắm thú chơi,"*

*"Một phút xa chân đọa ngàn đời."*

Trong lúc mệt mỏi, chán chường với cuộc sống đầy tạm bợ này thì trong tàng thức của Hạt Bụi, những giáo huấn của Sư Phụ còn lưu giữ lại đã trôi dạt một cách mạnh mẽ. Hạt Bụi vật vã nấc nghẹn trong nước mắt khi nhớ đến lời dạy năm nào và lời dặn dò, điểm hẹn trước lúc chia ly của Sư Phụ. Những điều ấy vẫn còn văng vẳng bên tai như mới hôm qua, càng khiến cho Hạt Bụi bội phần đớn đau, ray rứt tội cùng.

Đã bao đêm nằm thẩn thức và đấu tranh tâm lý đến nghệt thở. Với sự dẫn dắt và tự trách là hai yếu tố chính tạo nên ngọn lửa ngầm thiêu cháy thận xác của Hạt Bụi nhanh hơn. Dầu vậy, một khi đã bước chân vào thì không phải dễ để bước ra được, có lẽ hết phần đời còn lại của Hạt Bụi phải chấp nhận chịu tổn thương lý trí và lời hứa năm nào cũng phôi phai. Như thấm thía được sự vô thường của đời sống tạm bợ chốn nhân gian. Giờ đây, với tấm thân rã rời, Hạt Bụi lắng ngâm 4 câu thơ của một Thiền sư Ni trong niềm hối tiếc da diết như cảnh tỉnh chính mình.

*"Cuộc nhân thế như tuồng ảo mộng"*

*"Chuỗi thời gian tựa bóng bạch cầu"*

*"Đời người gấm có bao lâu  
Tử sanh là một nhịp cầu phải qua"*

Hạt bụi vẫn hoàn về cát bụi, trong giây phút cận kề sự tan rã, Hạt Bụi cứ dõi mắt nhìn về phía bầu trời xa xa, nơi mà Sư Phụ đang đứng đợi Hạt Bụi trở về, đau đáu miên man trong thẩn thức: Sư Phụ à! Con xin sám hối, con sai rồi, con đã không nghe lời dặn bảo của Người, con đã phụ lòng hướng đạo của Người. Thế nên, con mãi mãi cũng chỉ là hạt bụi bé nhỏ mà thôi.

# Sáu giác quan tranh công

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU  
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

**N**gày xưa, xưa lắm... Có một nhà vua nọ góa vợ chỉ có một nàng Công chúa mà thôi, nên bao nhiêu tình thương nhà vua đều dồn cả cho nàng.

Một hôm Công chúa đau nặng. Bao nhiêu ngự y chăm sóc thuốc thang đều thất thủ trước căn bệnh kỳ lạ của nàng Công chúa. Sau cùng nhà vua phải triệu tập một "Đại hội" thầy thuốc trong toàn quốc để mổ xẻ bệnh trạng hầu tìm ra phương pháp trị bệnh cho Công chúa. Sau khi đúc hết ý kiến, một bản quyết nghị dâng lên vua, đại ý cho rằng Công chúa bị chứng nội thương, phải cố sữa sư tử mới trị khỏi...

Nhưng tìm đâu cho ra sữa sư tử?

Nhà vua bèn truyền khắp thần dân, hễ ai tìm được sữa sư tử để trị bệnh cho Công chúa sẽ được thưởng quan tước và tiền bạc.

Có một chàng trai trẻ nọ được tin, mộng công hầu thúc đẩy nên anh ta không quản hiểm nguy, lặn lội vào rừng sâu để tìm cho được sữa sư tử.

Qua bao ngày tìm kiếm dò xét, chàng trai nọ biết được chỗ ở của một bầy sư tử mấy trăm con, chàng bèn trộn thuốc ngủ vào nước uống để nhử. Khi sư tử ngủ dậy, thấy nước ngon quá bèn uống no. Thế là cả trăm con lại gục xuống ngủ mê man. Chàng trai nọ tha hồ tìm sư tử cái để nặn sữa.

Trên đường về kinh đô, một hôm chàng trai nằm nghỉ dưới gốc cây. Lúc ấy một vị A La Hán đi ngang qua bỗng nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau rất kịch liệt.

Lỗ tai nói: Nếu tôi không nghe lệnh của nhà vua thì làm sao hiểu được đi tìm sữa? Công tôi to nhất.

Chân đáp: Này này, đừng có hỗn, tai anh nghe chân tôi không bước thì anh có đến được chỗ sư tử ở không? Công to là tôi đây.

Mắt phát biểu: Các anh sai hết. Chỉ có tôi đây là quan trọng. Tai nghe, chân bước nhưng mắt tôi nhắm lại thì các anh có gãy giò không? Tôi mới đúng thưởng công to.

Tay xen vào: Cãi nhau làm chi vô ích. Nếu đi đến

nơi, thấy chỗ của sư tử, mà không có mười ngón và hai cánh tay này thì các chú có lấy được sữa mang về không? Công lao là ta.

Lưỡi bỗng nổi giận: Được! Tôi đây đồ bỏ chắc. Các anh khỏe khoang tranh giành nhau, rồi đây sẽ biết tay tôi.

Quả nhiên, khi chàng trai nọ về triều, hai tay trịnh trọng dâng sữa lên nhà vua, bắt ngờ, lưỡi mách léo:

- Tàu bệ hạ, đây là sữa lừa chứ không phải sữa sư tử.

Mặt rồng đang tươi vui, bỗng sa sầm xuống, nhà vua nổi giận vì rõ ràng nghe nói sữa lừa chứ không phải sữa sư tử, bèn truyền lệnh chém đầu chàng trai nọ vì tội khi quân.

Chàng trai hết sức biền bạch nhưng nhà vua không tin. Sau có một vị đại thần đề nghị vua hãy lấy sữa trị bệnh cho Công chúa thử, nếu lành là sữa sư tử, bằng trái lại thì chém đầu cũng không muộn.

Vua y lời, và nàng Công chúa nhờ được uống sữa nên khỏi bệnh.

Tiếp theo vị La Hán vào triều thuật lại việc Ngài nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau. Và việc làm sàm tấu kia chính là cái lưỡi không xương nên nhiều đường lắt léo.

Nhà vua hiểu rõ nội vụ, bèn trọng thưởng cho chàng trai nọ.

**Nguyễn Cao**

"Này các Tỳ kheo! Hãy hoà hợp nhau lại, như nước với sữa, ánh sáng với không gian!..."



TRỞ VỀ MỤC LỤC



# Buông ở chỗ này

## TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

**Y**ên tử vào xuân, cánh hoa đào bay phớt phớt giữa ngàn xanh, cánh rừng trên thảm cỏ, cánh vướng cành thông... Không gian như mới mở ra một cảnh sắc tươi thắm lạ lùng, dầu rằng không biết mấy ngàn xuân qua vẫn thế!

Dưới chân núi từng nhóm má hồng cùng bọn lục lang trắng hội; treu đùa gọi nhau í ới vang động một góc núi rừng. Đọc hai bên đường những quán xá mọc lên đón khách, thịt thú rừng treo lủng lẳng trông thật phần cảm ở một nơi mệnh danh đất thiêng. Trong quán đây thực khách, những kẻ phàm ăn tục uống, nhồm nhoàm rượu thịt, tiếng cụng ly, chạm bát nghe chát chúa; tiếng nhưa nhưa của đàn ông, tiếng the the của đàn bà... Dường như muốn phô phang cho cả thế giới biết mình là ai vậy! Thật vô ích vì ai nhìn vào cũng thừa biết cơ mà!

Cưỡi góc quán có một gã trai trẻ ngồi một mình với bầu rượu và đĩa mì xào. Gã trầm ngâm mơ màng như thể xung

quanh không có ai vậy, giữa bao huyên náo mà gã như chẳng nghe gì. Thỉnh thoảng gã tợp một tí rượu từ cái nậm rượu của mình. Nhiều kẻ liếc xéo gã rồi buông lời:

“Chắc thất tình?”

“Đồ gàn dở ấy mà!” kẻ khác lại dè bùi.

Nói rồi cười hô hố và tiếp tục nâng bát xì xụp húp.

Chừng như nậm rượu cạn, gã tính tiền rồi ra đi, hoà vào dòng người leo núi.

Một đám con gái xuân thì treu gã:

“Du xuân mà sao chàng buồn thế?”

“Ta có buồn gì đâu?” gã trả lời.

“Thế sao đi một mình? Hãy nhập bọn với chúng em!” bọn con gái vẫn treu.

Gã bảo:

“Đa tạ tấm lòng chiếu cố của các cô, nhưng tôi thích đi một mình hơn!”

Bọn con gái ra điều tiếc rẻ, chúng kéo đi mà còn oang oang như thể nhả nhe với gã:

“Người đâu đẹp trai

thanh tú, thế mà lại...”

Chúng bỏ dở câu nói nhưng gã hiểu ý họ muốn nói gì, nghe thì nghe nhưng như gió thoảng qua tai, gã chẳng bận tâm. Trong lòng gã còn có mối quan tâm khác lớn hơn, cũng vì vậy mà gã quyết định leo Yên Tử một mình. Càng lên cao bước chân càng nặng hơn, hơi thở gấp gáp hơn. Khí trời mùa xuân còn lạnh thế mà lưng áo đã chừng như thấm mồ hôi. Rễ từng bách bò ngoằn ngoèo chằng chịt như những con rắn khổng lồ. Gã leo núi chẳng phải trắng hội xuân mà là để tìm lão sư, người mà năm xưa trong một lần tình cờ diện kiến ở ngôi chùa quê.

Năm ấy cũng vào xuân, gã lên chùa lễ. Gặp lão sư, gã bái kiến và định tham vấn những thắc mắc thì lão sư chặn lại ngay:

“Người lên chùa cầu gì?”

“Thưa lão sư, con chẳng cầu gì,” gã trả lời.

“Vậy người lên đây làm gì?” lão sư hỏi.

“Thưa, con lên đây học Phật Pháp,” gã đáp.

“Học làm người chưa mà muốn học Phật?” lão sư vấn.

“Thưa lão sư, dầu chưa tốt nhưng cũng trọn phận người,” gã nói

“Học Phật, thế người muốn học gì?”

“Thưa lão sư, người có gì thì dạy con thứ ấy.”

“Ta có cả nhưng người kham nổi không?”

“Thưa lão sư, không nổi cũng ráng kham.”

“Thế thì không được! ở đây không có chỗ miễn cưỡng.”





"Thưa lão sư, không miễn cưỡng mà là tinh tấn."

"Sắc tức thị không, vậy người lấy gì để học?"

"Không tức thị sắc, lấy tâm mà học."

"Thế tâm người đâu?"

"Thưa lão sư, sắc tức thị không."

"Thế Tôn bốn mươi chín năm nói pháp, cuối cùng tuyên bố ta có nói gì đâu! Vậy lấy gì dạy người?"

"Thưa lão sư, học cái muôn loài vốn biết mà mê."

Lão sư đứng dậy nhìn thẳng mắt gã, vỗ vai:

"Thằng oắt con, mồm mép biển báo nhưng khả dĩ học đạo được. Người có chỗ để thọ và có cái cần buông, gạt một nội nặng nghiệp trắng hoa... tiếc lắm thay!"

Gã sụp lạy xin bái lão sư làm sư phụ. Lão sư gật đầu hứa khả nhưng bảo:

"Mùa xuân Nhâm Tý lên Yên Tử gặp ta."

"Thưa sư phụ, con còn chưa biết đạo hiệu của sư phụ, và lại Yên Tử mệnh mông con biết tìm đâu?" Gã thắc mắc.

"Người không phải bận tâm việc đó, cứ lên Yên Tử, đến am Vân Mộng hỏi Thanh Nguyệt du tăng thì ắt gặp. Ta với người có duyên đạo với nhau, hôm nay chưa thể nói hết những gì cần nói!" Lão sư bảo.

Gã trở về, ngày tháng qua mau như nước chảy hoa rơi; việc mưu sinh làm gã quên bằng chuyện ở chùa hôm ấy. Khi Tết cận kề thì gã lại nhớ

lời lão sư. Gã quyết định nghỉ việc và sửa soạn hành trang ra giêng sẽ lên Yên Tử.

Dòng người trẩy hội xuân đông quá, nam thanh nữ tú, cụ ông cụ bà, nhiều vị khoác áo tăng sĩ hoà lẫn vào trong ấy. Quả ngộ thì gã tới đỉnh, người lằng xằng ngậm nghĩa, chụp hình và trầm trở:

"Đẹp quá, như bồng lai tiên cảnh."

Kẻ khác thì bảo:

"Đất Phật có khác!"

Tìm vào Vân Mộng am, còn đang ngỡ ngàng thì một tăng nhân ra chào và hỏi:

"Xin hỏi thí chủ có phải Thanh Vân du sĩ?"

Gã thưa phải tức thì vị tăng ấy đưa gã đi ngay; qua khỏi am một quãng đường là tới vườn thông xanh biếc. Giữa vườn có nhiều ngôi tháp rêu phong hiện rõ hình hài tháng năm, đặc biệt có một ngôi tháp có vẻ còn mới nhưng rêu cũng kịp xanh trên mái. Tăng nhân chỉ vào ngôi tháp ấy, nhìn thấy toàn chữ Nho. Gã lồm bồm đọc được hàng chữ to ở chính giữa:

"Thanh Nguyệt du tăng chi mộ."

Gã sụp xuống quỳ lạy, mắt ngấn lệ, miệng chỉ thốt lên được hai tiếng:

"Sư phụ!"

Chiều về am, vị tăng nhân trao cho gã một cái tráp và bảo:

"Đây là di cảo của lão tăng, người căn dặn trao cho thí chủ khi nào thí chủ đến

đây! Tôi đã chờ ba năm ở đây, hôm nay xin trao lại."

Gã đón nhận và cảm ơn vị tăng, mở tráp ra thì có mười cuốn tập viết tay, một chiếc áo cà sa và một phong thư. Gã cầm lấy phong thư đọc:

"Thanh Vân du sĩ con!

...  
Ta biết con sẽ đến nhưng ta phải đi rồi! Chúng ta có duyên nhưng không nhất định phải gặp nhau. Ta biết con không thể xuất gia được, ít ra là ở kiếp này! Nhưng con có thể học đạo được! Năm xưa Thế Tôn dạy: 'Thắp đuốc lên mà đi, lấy giáo giới làm thầy!..' Ta có một chút ưu tư: Liệu con có buông được hay không? Tâm con nặng sắc dục, tơ tưởng trắng hoa, mấu chốt là ở chỗ này! Học đạo được hay không cũng từ đây, Buông cũng ở điểm này! Ta vẫn hy vọng ở con, học đạo quan trọng ở thực hành, áp dụng những lời dạy vào thực tế chứ không phải để nói suông, khoe chữ! Thời gian của ta đã hết nên không thể chờ đợi gặp con được. Ta đi rồi, nếu con cứ y giáo phụng hành thì cũng như có ta bên cạnh vậy! Học đạo dù là xuất gia hay tại gia cũng đều là đi ngược dòng. Mình phải buông bỏ những cái mà người đời ôm vào. Mình phải giữ vững thanh quy, những thứ mà người đời buông bỏ. Đời hôm nay, đạo pháp suy vi, giới luật tuy tiên phá bỏ và nguy hiểm bằng chữ "phương tiện." Trang thư này không thể nói hết ý, con về đọc những gì ta trao cho con thì sẽ hiểu thêm và cứ thế mà học theo. Chiếc áo Cà sa như một tín vật, mỗi khi lòng lung lay thì nhìn thấy để mà tự sách tấn bản thân!

Ta luôn hy vọng ở con

Thanh Nguyệt du tăng lão

sư

Vân Mộng am."

Cầm tờ thư mà ngấn lệ long lanh, trong am đèn bạch lạp cháy lung linh soi bài vị lão sư. Gã lạy tạ trước linh vị lão sư xong bước ra ngoài. Cảnh hoa đào bay chấp chới. Xa xa ngôi tháp thấp thoáng giữa màu xanh bất tận của vườn thông.



## XUÂN VẪN CÒN ĐÂY

*Xuân đã qua đâu! Vẫn còn đây!  
Vẫn hoa đào nở, vẫn mai gầy  
Chung trà còn tỏa hương thơm ngát  
Ly rượu còn nồng vị ngọt ngây  
Nắng vẫn hồng tươi như năm trước  
Vẫn người dạo phố khắp quanh đây  
Chim chóc tha hồ đùa nhảy nhót  
Lá vẫn giao tình giỡn gió bay  
Xuân này xuân nữa Xuân tân mãi  
Tuổi trẻ vươn lên ước vọng đây!*

(San Jose, Jan. 2019)



*thơ*

**DIỆU VIÊN**

## XUÂN VÀ THƠ

*Mời bạn cùng ta dạo thưởng xuân  
Hồng vàng, cúc tím vẫn đợi chờ  
Già, trẻ hân hoan mừng xuân mới  
Oanh ca, chim hót rộn trời thơ*

*Diễm tuyệt vườn trần đủ sắc hoa  
Vui xuân thi hữu cứ thao thao  
Được với bạn thơ cùng xướng họa  
Lời hay, ý đẹp đổi và trao...*

*Buông vắn, giáng bút... thú thanh tao!  
Âu cũng duyên may Phật độ vào  
Thơ dù hay mấy không quên Đạo  
Thanh thân đường trần sống tiêu dao.*

\*

*Lừng lợ mây lượn non cao  
Dưới đôi hoa lá lao xao cột đũa  
Bỗng nghe thi tứ dạt dào  
Êm êm như tiếng suối dào vườn quê  
Mùa lá rụng, tuân trăng lên  
Biết bao kỷ niệm êm đêm buồn vui...  
Xuân về vội thảo vắn thi  
Vết lời bái biệt tạ từ hết năm  
Bình minh chim hót trên cành  
Xuân sang hạt giống nảy mầm xanh xanh  
Bướm vàng bay lượn quanh quanh  
Cùng ta là bạn - bạn bè rất thân!  
Rủ nhau chơi giữa mùa trăng  
Bướm hay Trang tử...? Ai là mộng đây?  
Ngược xuôi mấy nẻo đường trần  
Trá về quán trọ cung đàn ngày xưa  
Thoảng nghe téng sáo đâu đây  
Tặng nhau một trái tim đầy tình thương  
Dẫu rằng vạn hữu vô thường  
Tim ta vẫn mãi thường hằng dấu yêu!*



# Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

## Chương Mười Một

Sáng hôm sau, thầy Trùng Hùng và chú Đức thu xếp y áo xuống nhà chị Cẩm để lo việc mai táng cho ông Điềm. Chú Đức bảo tôi làm ơn phải mang cho trót, tụng kinh suốt tuần rồi sao bây giờ lại từ chối đi đám tang. Tôi chỉ cười. Không đi. Mà hình như đến phút chót, thầy Trùng Hùng cũng không có ý muốn cho tôi đi thì phải. Không biết có phải vì thầy đã nhìn thấy thái độ thân mật hay bịn rịn gì đó giữa tôi và Như Như qua hai lần thầy đến nhà trước đây hay không? Thôi đành nào tôi cũng thầm cảm ơn nếu sự thực thầy có ý ngăn cản tôi vì chuyện đó. Tôi không đi là tốt. Càng gặp Như Như nhiều chừng nào, tâm tôi càng vọng động chừng nấy. Và tôi sợ đến một lúc nào đó, tôi sẽ không còn khả năng kiểm soát tôi được nữa.

Dù đã tự thức tỉnh mình như vậy, trong thời gian thầy Trùng Hùng và chú Đức xuống nhà chị Cẩm, tôi đã đứng ngồi không yên. Suốt ngày đó, tôi không màng ăn uống. Để chú Thế tụng kinh hay làm gì thì làm, tôi lang thang quanh núi, rồi ngồi lặng hàng giờ nơi bậc tam cấp, nhìn băng qươ xuống núi. Như Như ơi! Tôi thầm gọi tên nàng nhiều lần. Và tôi

không ngờ bóng dáng nàng lại hiển hiện trong tâm tưởng tôi một cách rõ ràng, sâu đậm như vậy. Bất cứ lúc nào tôi nghĩ đến nàng thì nét mặt, đôi mắt, môi cười của nàng, dễ dàng hiện ra, sờ sờ trước mắt. Lâu nay tôi thuần thực bao nhiêu trong pháp quán tưởng niệm Phật thì nay cũng nhuần nhuyễn bấy nhiêu khi áp dụng cho hình ảnh Như Như. Chỉ khác nhau là khi quán tưởng đức Phật, tâm tôi an lành, thanh thản, trong sáng; còn bây giờ, nghĩ tưởng đến Như Như, tôi thấy tim mình thắt lại, bất an, không thở được, không làm gì được. Với trái tim quặn quại nhưng nhớ hình bóng Như Như, tôi chợt nảy sinh một ước muốn. Tôi ước có mặt Như Như ngay tại đây, lúc này, để nói với Như Như một câu thôi. Câu gì nhỉ? Tôi tự hỏi lại tôi. Tôi sẽ nói: "Như Như ơi..." Nói vậy đủ rồi, chẳng cần nói gì hơn thế. Và tôi ngồi im dưới mái tam quan, nơi bậc tam cấp, bắt đầu gọi tên Như Như, hết tiếng này đến tiếng khác, liên tục nối nhau, y hệt như tôi từng niệm Phật. Như Như, Như Như, Như Như, Như Như... Tôi đọc tên nàng hàng giờ như vậy và tự nhiên có niềm tin rất vô lý rằng nàng sẽ đến với tôi—dù tôi thừa biết nàng bận rộn suốt ngày để

giúp mẹ, chẳng đi đâu rời khỏi nhà ngoại trừ đi học; huống chi hiện nay, nàng và gia đình đang bận rộn chuyện đám tang của ông Điềm, không có lý do nào chính đáng để tin rằng nàng sẽ đến đây. Vậy mà tôi cứ tin nàng sẽ đến.

Quả nhiên, ô kìa, dưới chân núi... Lạy Phật, lạy chư Bồ tát, sao các ngài chiều ý đứa con hư đốn này quá vậy. Rõ ràng trên chiếc xe gắn máy vừa dừng dưới chân núi là Như Như và chị Nữ. Như Như chờ chị Nữ đến đây! Chị Nữ đứng lại giữ xe dưới chân núi, dặn dò Như Như gì đó, rồi Như Như một mình leo cấp hướng về chỗ tôi ngồi. Tôi run bắn lên, vừa tin mà cũng vừa không tin cái thực tế đang diễn ra trước mắt. Như Như mặc áo sơ mi lụa trắng, với quần tây màu đen. Màu trắng đen của học sinh, cũng là màu cho những ngày tang. Nàng càng tiến đến gần, tôi càng hồi hộp, tim đập nhanh thành thịch. Đốc quá cao, nàng lên nửa đường thì ngừng lại một chốc, ngó lên, bắt gặp tôi nhìn xuống. Nàng mừng rỡ, cười thật tươi và bước thật nhanh lên. Đến lúc đó, tôi mới hoàn hồn, đứng dậy, ngật ngừng một lúc, rồi bước xuống một đoạn để đón nàng giữa đường. Còn cách nhau khoảng bốn năm bậc cấp, tôi và nàng để

cùng ngừng lại, nhìn nhau. Như Như đặt tay lên ngực nàng. Có lẽ nàng mệt, không nói nên lời được. Tôi nói trước:

"Nghỉ một chút đi rồi hãy nói. Ai leo trèo cấp này cũng mệt như vậy hết. Ngồi xuống đó đi," nói rồi tôi bước xuống thêm mấy bậc cấp.

Như Như không chịu ngồi, đứng đó ngược nhìn tôi, nói với giọng trách móc:

"Đâu có mệt. Hồi hộp thôi. Không biết sao gặp chú lại thấy hồi hộp quá à. Sao không xuống nhà? Chờ hoài không thấy đâu hết."

"Đã nói trước rồi mà. Đâu có xuống được, có thầy Trùng Hùng với chú Đức..."

"Như Như đâu cần biết mấy thầy đó. Như Như muốn gặp Khang thôi."

Nghe nàng gọi tôi bằng tên, tôi vừa thấy tức cười, vừa thấy vui trong lòng. Quả là nàng muốn thành bạn tôi đây mà. Trong khi những người khác nhìn tôi như một thầy tu thì nàng chỉ nhìn tôi như một người bạn. Tôi vỗ về nàng:

"Thôi để khi nào có dịp sẽ xuống nhà Như Như chơi."

"Bây giờ xuống đi. Thấy Khang ngồi chơi ở ngoài này chứ có bận gì đâu."

"Đâu có được, còn phải coi chùa, thỉnh chuông, tụng kinh buổi tối... À, Như Như lên đây có việc gì vậy?"

"Đáng lẽ chị Hương chờ dì Nữ đi, mà Như Như giành đi đó. Dì Nữ nói là thầy Trùng Hùng bảo lên dặn Khang thỉnh tượng đức Địa Tạng để lập bàn thờ bên nhà bác Diễm. Tại thầy tưởng dưới nhà có nên không mang theo. Dì Nữ chờ dưới kia kia."

"Biết rồi. Thôi Như Như lên chùa rồi... đưa tượng cho, với lại lên chùa cho biết chùa chứ."

Chúng tôi cùng sóng bước lên chùa. Đến bậc cấp cuối cùng dưới mái tam quan, tôi dừng lại một lúc để Như Như nghỉ lấy hơi.

"Mệt lắm hử?" tôi hỏi.

Như Như cười, không nói. Mồ hôi rịn chảy trên trán và dưới hai mai tóc của nàng. Tôi móc cái khăn tay trong túi áo

của tôi ra, đưa nàng.

"Lau mồ hôi đi."

Nàng cầm khăn tay của tôi, nhìn một thoáng, rồi cười, đưa lên chạm trán, má và dưới cằm, sau gáy. Thấy nàng tự nhiên như thế, tôi vui và rung động vô cùng. Và bất chợt, tôi nhìn thấy một vùng mồ hôi thấm ướt làn áo lụa mỏng ở giữa ngực nàng. Vết mồ hôi loang quanh nốt núm nhỏ xíu thứ hai. Chỉ một khoảnh nhỏ thôi, nhưng chẳng hiểu sao, nó khiến tôi chú ý và Như Như đã bắt gặp mắt tôi nhìn vào chỗ ấy, nàng đưa tay kéo cổ áo, nhấc lên một tí cho vài khối dính sát vào người, rồi thả ra, đồng thời cúi nhìn nơi ngực mình, một phản ứng tự nhiên như là muốn kiểm soát lại cổ áo của nàng có đủ kín đáo không. Trong một khoảnh khắc nhanh chóng, theo hướng nhìn của Như Như, tôi loáng thoáng nhìn thấy một vùng da trắng muốt dưới cổ áo nàng. Tôi nghe rạo rức cả cơ thể và nổi khát khao vô bờ từ lâu bị đóng chặt của mình cũng bùng sống dậy. Có lẽ đó là giây phút đầu tiên trên đời, tôi thực sự hiểu được thế nào là mãnh lực của dục vọng. Tôi rùng mình, chớp mắt, cố gắng không nghĩ bậy bạ. Trong khi đó, hình như nàng cũng vừa bắt gặp cái nhìn và sự mất bình tĩnh của tôi, nên có vẻ e thẹn, hơi nghiêng người sang chỗ khác, mặt cúi xuống. Tôi nói với nàng:

"Thôi vô trong nha. Để lấy tượng cho Như Như đem về kẻo ở nhà chờ đợi."

Tôi dợm bước đi thì Như Như níu áo tôi lại, đưa trả tôi cái khăn tay. Tôi tính cầm nhưng nghĩ lại cái khăn đó có thấm mồ hôi và mùi hương của Như Như e không tiện, bèn nói:

"Như Như cất xài luôn đi."

"Đâu có được. Đâu phải của em. Với lại em không muốn chia tay đâu. Người ta nói tặng khăn tay sẽ xa nhau đó."

Vậy là tôi cười xòa và phải cầm lại cái khăn tay của

mình, cất vào túi áo. Nhưng đồng lúc, tôi cũng phát giác rằng Như Như đã xưng "em" với mình. Tiếng "em" đó bồi thêm trong tôi trăm lần xúc cảm mạnh mẽ hơn, khiến tôi cơ hồ muốn ngã quy...

Bên trong, chú Thế đang loay hoay nấu bữa cơm chiều. Tôi và Như Như lên chánh điện. Trên đó có cái tủ kính lớn, bên trên có bức ảnh đức Địa Tạng lồng kiếng, gắn vào một cái giá gỗ. Tôi bung nguyên cái giá xuống đặt trên cái bàn gần đó, lấy khăn lau bụi. Như Như giành cái khăn:

"Để em lau cho."

Tôi không rời chiếc khăn, nàng dùng cả hai bàn tay để gỡ tay tôi. Ba bàn tay quấn lấy nhau. Rồi bốn bàn tay đan nhau. Chiếc khăn rơi xuống đất. Không ai giành chiếc khăn lau nữa. Chúng tôi đứng yên như vậy, nắm tay nhau. Một lúc, nàng lên tiếng, gọi nhỏ nhẹ, tình cảm:

"Tay Khang ấm quá."

"Tay Như Như nhỏ xíu," tôi nói.

"Tay Khang cũng vậy, tay con trai gì mà ngón thon và dài như con gái, bàn tay mũi viết, bàn tay của nghệ sĩ mà! Khang có viết văn làm thơ hay chơi đàn gì không?"

Lúc nàng hỏi vậy, tự dưng tôi lại giật mình, buông tay nàng ra, thấy xấu hổ đã cầm tay nàng với ý niệm thương yêu xằng bậy. Tôi cúi xuống lượm chiếc khăn lau, tiếp tục lau khung tượng vừa nói làng sang chuyện khác:

"Dì Nữ chờ Như Như ở dưới, phải nhanh lên không thôi bị la đó."

Như Như chẳng giành khăn lau với tôi nữa, đứng nhìn tôi làm việc. Rồi nàng vén tóc mai, hỏi:

"Khang đi tu hồi nào vậy, mà tại sao phải đi tu?"

Tôi phì cười đáp:

"Tu hồi mười một, mười hai tuổi. Đã nói với Như Như rồi mà."

"Vậy Khang tu được mấy năm rồi? Chắc cũng sáu, bảy năm gì rồi phải không?"

"Cũng đâu đó."

Ngưng một lúc, nàng tiếp:

“Vây rồi... Khang tính đi tu luôn hử?”

Tôi cười nói:

“Dĩ nhiên khi đi tu không ai nghĩ là chỉ tu một thời gian. Tu là phải tu luôn chứ.”

“Vây lẽ một lúc nào đó mình không muốn tu nữa thì sao?”

“Ý Như Như nói là không muốn ở chùa làm thầy tu nữa đó hử?” thấy nàng gật đầu, tôi tiếp, “trường hợp không muốn làm thầy tu nữa thì về nhà, tiếp tục tu bằng hoàn cảnh khác, tu kiểu di Nử vậy đó. Trong Phật giáo không có vấn đề bắt buộc như vậy như kia. Tự nguyện đi tu, tự nguyện hoàn tục. Tu sĩ hay cư sĩ tại gia cũng tu được cả.”

“A vậy thì hay đó chứ,” nàng reo lên.

“Hay mà cũng không hay,” tôi nói.

“Sao vậy?” nàng ngưng cười, hỏi lại.

“Được quyền tự do chọn lựa hoàn cảnh tu là tốt, nhưng không ràng buộc gì thì lại dễ bỏ ngang chí hướng ban đầu.”

“Bỏ ngang nửa chừng cũng đâu có sao, vì vẫn tu được mà, Khang vừa nói khi nãy đó.”

“Ừ thì biết vậy rồi, nhưng bỏ ngang thì còn gì để nói nữa chứ,” tôi nói đến đó thì lòng chùng xuống.

Như Như cầm một cuốn kinh lên, lật lật mà mắt liếc nhìn tôi, hỏi:

“Vây... có khi nào Khang nghĩ đến chuyện...”

“Xong rồi, Như Như phải xuống nhanh kéo di Nử đợi,” tôi cắt ngang.

Như Như không chịu đi, còn ráng hỏi thêm:

“Mấy người đi tu... người ta có được quyền thương yêu không vậy Khang?”

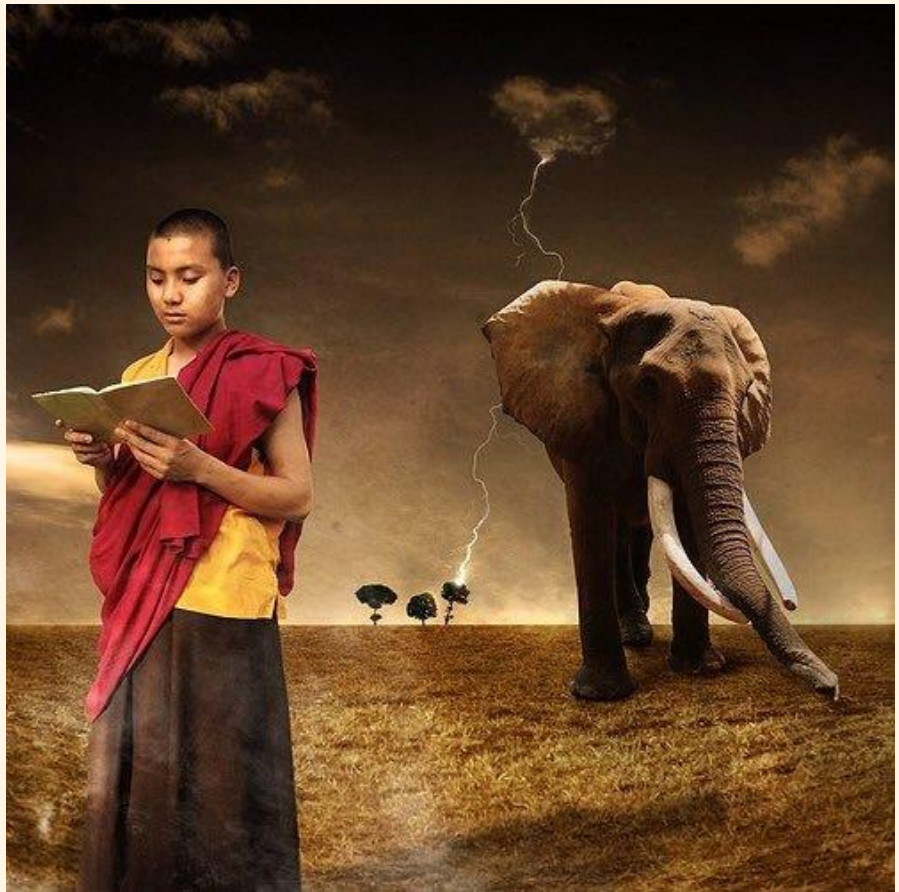
“Không” tôi đáp.

“Không? Vây đối với em thì sao? Khang không có chút tình cảm gì hết hử?”

“À... có chứ. Giống như anh em vậy đó.”

Nàng nhìn sâu vào mắt tôi dò xét. Tôi ngó lơ, nhìn khung tượng vừa lau xong, nói:

“Thôi xong rồi. Cái giá gỗ này nặng lắm, lại thêm cả



khung kiếng nữa, Như Như bưng không nổi đâu. Như Như cứ đi tay không, để... bưng xuống dưới đó cho.”

Như Như làm mặt buồn, lẳng lặng không nói một tiếng, bước nhanh ra khỏi chánh điện. Trong khi chờ nàng mang giày, thấy nét mặt buồn dàu dàu của nàng, tự dưng lòng tôi xao xuyến trở lại. Nét buồn, giận, chỉ làm tăng thêm vẻ đẹp của nàng mà thôi. Tôi mang vội đôi giép, bước nhanh để kịp theo nàng. Ra đến sân, tôi gọi:

“Như Như!”

Nàng không quay lại, nhưng đứng im chỗ cổng tam quan, chờ đợi. Tôi bước đến, đứng cạnh nàng. Cả hai chúng tôi cùng lặng thinh nhìn xuống núi. Trong phút chốc, tôi quên tất cả mọi kinh điển, giới luật, công phu thiền định, danh hiệu Phật, thần chú, hạnh nguyện, pháp môn... Tôi chỉ thấy mình đang hiện hữu trên đời, như một chúng sanh phàm phu, như

một chàng trai thể tục biết rung cảm, biết ích kỷ, và biết khát khao chiếm hữu cái gì mình yêu thích. Tôi, một chàng trai ở tuổi sung mãn nhựa sống đang đứng bên cạnh một thiếu nữ thanh xuân yêu kiều. Không còn một bức vách hữu hình hay vô hình nào ngăn cản tôi nữa. Tôi run run nói:

“Hồi nãy ngồi ở tam cấp này nhìn xuống núi là nhớ Như Như đó.”

Nàng im lặng không nói. Một lúc lâu mới lên tiếng:

“Đi tu rồi đâu có thương yêu ai đâu mà nhớ.”

Biết nàng còn giận, tôi cười nói tiếp:

“Là con người, ai lại chẳng biết thương yêu. Có điều là biểu lộ hay che đậy mà thôi.”

Nàng đổi vui, quay qua tôi hỏi:

“Vây khi nãy Khang ngồi đây lâu không?”

“Hơn tiếng đồng hồ.”

“Chỉ ngồi không vậy đó?”

“Đâu có ngồi không. Cũng bận rộn chuyện tưởng nhớ và



cầu nguyện đó chứ.”

“Cầu nguyện gì vậy?”

“Cầu nguyện Như Như đến đây để nói với Như Như vài lời, à, nói ba chữ thôi.”

“Vậy nói đi.”

“Ừ... không biết sao quên mất, khi nãy nhớ lại rồi, bây giờ quên nữa.”

Nàng cười vui. Tôi thấy mắt nàng sáng lên một cách thông minh và lãng mạn. Nàng nói:

“Khang nói là chỉ muốn nói ba chữ thôi, phải không? Em biết rồi. Em có nghe tụi bạn trong lớp nói ba chữ, hay ba cái hoa hay ba con số một hai ba, có nghĩa là gì.”

“Nếu ai cũng biết vậy thì chắc không phải. Như Như đoán sai rồi. Ba chữ này chưa nói ra thì không ai đoán được. Mà ba chữ tụi bạn Như Như nói là gì vậy?”

“Thôi, em không nói đâu, kỳ lắm.”

“Ấy chết, dì Nữ ngoắc kia,” tôi đưa mắt ra dấu cho Như Như nhìn xuống núi.

Như Như có vẻ quý lên, hồi thúc:

“Nói đi, nói ba chữ gì của Khang đi, rồi em về.”

“Thôi, để bữa khác nhớ lại sẽ nói. Bây giờ về kéo dì Nữ la. Đi.”

Nàng dùng dằng một lúc rồi cũng bước đi trước, tôi ôm khung tượng theo sau. Hơn nửa đường, tôi bỗng nhớ lại những gì muốn nói. Tôi gọi nàng lại:

“Như Như, nhớ rồi, đứng lại một chút để nói cho nghe ba chữ ấy.”

Nàng vừa dùng chân đã quay lại, nhón chân lên, nói nhỏ vào tai tôi:

“Thôi đừng nói ra nữa, để dành đi. Em biết Khang muốn nói gì rồi. Bữa nào gặp lại Khang nói em nghe.”

Nói rồi nàng cười khúc khích, tiếp tục bước. Được một đoạn ngắn, nàng quay lại nói:

“Thường ngày Khang đều ở chùa chứ không đi đâu, phải không?”

“Có khi chẳng đi đâu, nhưng có lúc đi tụng kinh cho người ta cả ngày. Hỏi chi vậy?”

“Em sẽ tìm lúc rảnh để lên

đây chơi. Khang cũng vậy nha, khi nào rảnh nhớ xuống nhà em.”

Xuống chân núi, tôi chờ Như Như ngồi cầm tay lái rồi đặt khung tượng vào giữa, sau lưng nàng, để chị Nữ ngồi phía sau giữ. Chờ hai người đi khuất tôi mới trở lên núi. Bước chân tôi bỗng nhẹ tênh. Thoắt cái tôi đã lên đến tam quan. Tôi đứng lại nơi bậc cấp mà khi nãy tôi và Như Như cùng đứng. Quay nhìn xuống dưới, nhớ lại tất cả thái độ và lời nói của Như Như. Nàng đã mười bảy tuổi rồi mà sao đôi lúc thật là trẻ con. Tôi mỉm cười một mình. Tôi thích cái trẻ con ấy của nàng.

Tôi bước vào chùa. Chú Thế từ nhà Tây bước ra, thấy tôi, chú vừa cười vừa nói:

“Cô nào vậy? Cô nào đến mà trông chú có vẻ lãng xăng vậy? Xưa nay đâu thấy chú lãng xăng như vậy bao giờ!”

“Nói tầm bậy. Châu chị Nữ chứ ai. Bữa giờ tụng kinh dưới đó thì quen vậy thôi. Nhưng cô ấy đến để thỉnh tượng Địa Tạng đó mà.”

“Thôi đi chú ơi. Hôm qua đến giờ thấy chú khác thường là tôi biết ngay chú có chuyện rồi.”

Tôi thầm nghĩ: “Chú này thiệt lém! Mới mười lăm, mười sáu tuổi mà sao tinh mắt quá. Nhưng cũng tại mình không giấu được sự xung động tình cảm. Kiểu này không phải chỉ mình chú Thế biết, sẽ còn nhiều người khác biết nữa chứ chẳng phải chuyện đùa chơi!”

Chúng tôi cùng ăn chiều. Bữa ăn đáng lẽ không nói chuyện, nhưng chú Thế lại vui miệng nói:

“Mấy ngày chú xuống nhà chị Nữ tụng kinh đó, có chị Lan chạy lên hỏi chú mấy lần đó.”

“Cái gì? Chị Lan nào? Tôi đâu có quen ai mà hỏi.”

“Chú không biết chị Lan à? Cái chị người Tàu, con gái bà chủ hãng nước đá chứ ai.”

Nói hãng nước đá thì tôi nhớ ngay căn nhà lầu bốn tầng năm đối diện cổng phụ của chùa dưới chân núi, nhưng vẫn chưa biết được

Lan là cô gái nào. Hôm trước có lần thầy Trường Hùng sai tôi qua đó để lấy xe đạp cho thầy –xe đạp thầy thường gởi bên nhà ấy thay vì vác lên núi–lúc đó tôi có gặp mấy cô gái nói tiếng Tàu xí xồ xí xào, đâu biết ai là ai. Thấy tôi im lặng, chú Thế nói tiếp:

“Chú không biết thực à? Ài chà, cái chị này tức cười lắm. Chị ta cũng lãng xăng như chú khi nãy vậy. Lên đây hỏi chú mà lại không biết tên chú. Tôi hỏi chú nào, chị ấy nói: ông thầy trắng trắng đẹp đẹp đó. Tôi tưởng chị ấy hỏi thầy Trường Hùng, nhưng không phải. Chị ấy tả chú, hiền, ít nói, hay mặc cỡ như con gái... mà đẹp trai! Nói vậy thì hết nước rồi. Chị ấy tưởng tôi là con nít không biết gì, muốn nói sao thì nói chẳng mắc cỡ gì hết trơn. Rồi đòi gặp chú. Tôi nói chị muốn nhắn gì thì nhắn lại, chị nói không có gì, chỉ hỏi thăm vì lên mấy lần không thấy. Chắc chị muốn rủ chú đi vượt biên bán chính thức đó. Chuyện đó phải gặp riêng chứ. Nè, nếu chị ấy đề nghị chú kết hôn để được theo chị ra khỏi nước thì cứ nhận lời đại đi, qua bên kia rồi tính. Cả gia đình bà chủ hãng nước đá đang lo thủ tục đi đó. Chị Lan chú không biết hả? Cái chị đâu chừng mười tám, mười chín tuổi, lâu lâu đem gạo đem dầu lên cúng, ghi tên là hãng nước đá Đức Thanh, chú có tiếp đó mà. Cái chị có khuôn mặt hao hao giống cô gì em gái của chú đó!”

“À, vậy thì có biết. Nhưng, thôi mệt quá chú ơi. Ăn cơm cho xong đi. Bây giờ có cho đi chính thức cũng không đi nữa, nói gì bán chính thức.”

Chú Thế cười ha ha. Tôi cúi xuống ăn, thầm nghĩ: “Một Như Như đủ cho mình chết đuối trong biển sinh tử rồi, còn Lan liếc gì nữa!”

(còn tiếp)